

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

NGHI QUANG TUẤN

**GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN YÊN PHONG TỈNH BẮC NINH**

CHUYÊN NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH

MÃ SỐ: 60 34 01 02

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

PGS.TS TRẦN HỮU CUỒNG

HÀ NỘI, NĂM 2015

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học của tôi, các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực và chưa từng được sử dụng để bảo vệ một học vị nào.

Bắc Ninh, ngày 15 tháng 5 năm 2015

Học viên cao học

Nghi Quang Tuấn

LỜI CẢM ƠN

Tôi xin biết ơn thầy hướng dẫn PGS.TS Trần Hữu Cường đã chỉ dẫn tận tình và giành nhiều thời gian quý báu để giúp tôi hoàn thành luận văn.

Tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc tới các thầy cô trong khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh đã nhiệt tình giúp đỡ trong các bước tiến hành thực hiện luận văn.

Tôi xin chân thành cảm ơn các đồng chí lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, lãnh đạo Liên minh HTX tỉnh Bắc Ninh và lãnh đạo, tập thể công chức Chi cục phát triển nông thôn đã tạo mọi điều kiện cả về thời gian và vật chất để tôi hoàn thành khóa học và làm luận văn.

Tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành tới bạn bè và các đồng nghiệp đã động viên khích lệ tôi trong quá trình học tập và thực hiện luận văn.

Bắc Ninh, ngày 15 tháng 5 năm 2015

Học viên cao học

Nghi Quang Tuấn

MỤC LỤC

Lời cam đoan	i
Lời cảm ơn	ii
Mục lục	iii
Chữ viết tắt	v
Danh mục các bảng	vi
Danh mục biểu đồ, sơ đồ	viii
1 MỞ ĐẦU	1
1.1 Tính cấp thiết của đề tài	1
1.2 Mục tiêu nghiên cứu	3
1.2.1 Mục tiêu chung:	3
1.2.2 Mục tiêu cụ thể:	3
1.3 Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	3
1.3.1 Đối tượng nghiên cứu	3
1.3.2 Phạm vi nghiên cứu	3
2 CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ PHÁT TRIỂN HTX NÔNG NGHIỆP	4
2.1 Cơ sở lý luận về phát triển HTX nông nghiệp	4
2.1.1 Khái niệm và vai trò HTX nông nghiệp	4
2.1.2 Nội dung phát triển HTX nông nghiệp	8
2.1.3 Các yếu tố tác động đến phát triển HTX nông nghiệp	11
2.2 Cơ sở thực tiễn	17
2.2.1 Kinh nghiệm phát triển HTX nông nghiệp ở nước ngoài	17
2.2.2 Kinh nghiệm phát triển HTX nông nghiệp ở Việt Nam	21
3 ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN CỦA HUYỆN YÊN PHONG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	33
3.1 Đặc điểm cơ bản của huyện Yên Phong	33
3.1.1 Điều kiện tự nhiên	33
3.1.2 Đặc điểm kinh tế - xã hội	34

3.2	Phương pháp nghiên cứu	39
3.2.1	Nguồn số liệu	39
3.2.2	Phương pháp sử dụng số liệu	42
4	KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN	43
4.1	Đánh giá thực trạng phát triển HTX NN ở huyện Yên Phong giai đoạn 2004 - 2014.	43
4.1.1	Thực trạng phát triển về số lượng HTX NN	43
4.1.2	Thực trạng phát triển về chất lượng HTX NN	50
4.1.3	Đánh giá chung về tình hình phát triển HTX NN	71
4.2	Quan điểm, phương hướng, mục tiêu và giải pháp phát triển HTX NN ở huyện Yên Phong đến năm 2020	73
4.2.1	Quan điểm phát triển HTX NN	73
4.2.2	Phương hướng phát triển HTX NN	76
4.2.3	Mục tiêu phát triển HTX NN đến năm 2020	76
4.2.4	Những giải pháp phát triển HTX NN.	77
5	KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	91
5.1	Kết luận	91
5.2	Kiến nghị	93
5.2.1	Đối với tỉnh Bắc Ninh	93
5.2.2	Đối với huyện Yên Phong	93
	TÀI LIỆU THAM KHẢO	94

CHỮ VIẾT TẮT

BQ	: Bình quân
CN	: Công nghiệp
GTSX	: Giá trị sản xuất
HTX	: Hợp tác xã
HTXNN	: HTX Nông nghiệp
HTX DV NN	: Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp
NXB	: Nhà xuất bản
PTNT	: Phát triển nông thôn
SP	: Sản phẩm
THCS	: Trung học cơ sở
THPT	: Trung học phổ thông
Tr.đ	: Triệu đồng
TTCN	: Tiểu thủ công nghiệp
UBND	: Ủy ban nhân dân

DANH MỤC CÁC BẢNG

Số bảng	Tên bảng	Trang
3.1	Hiện trạng sử dụng đất của huyện Yên Phong năm 2014	33
3.2	Hiện trạng cơ cấu kinh tế huyện Yên Phong	34
3.3	Diện tích, năng suất, sản lượng một số cây trồng chính	36
3.4	Cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp	37
3.5	Số lượng HTX NN lựa chọn điều tra phỏng vấn	41
4.1	Tình hình số lượng HTX NN từ năm 2004 đến năm 2014	43
4.2	Số lượng HTX NN trên địa bàn huyện yên phong năm 2014	44
4.3	Số lượng HTX NN phân theo loại hình tổ chức hoạt động	46
4.4	Tình hình HTX DVNN phân theo ranh giới thôn, liên thôn và xã	47
4.5	Phân loại HTX NN qua các năm	49
4.6	Trình học vấn của cán bộ quản lý HTX	51
4.7	Trình độ chuyên môn của cán bộ quản lý HTX	51
4.8	Số lượng thành viên HTX NN qua các năm	53
4.9	Số lượng thành viên phân theo loại hình HTX	54
4.10	Giá trị tài sản của HTX NN qua các năm	56
4.11	Qui mô vốn của các HTX NN qua các năm	57
4.12	Tình hình vốn điều lệ của các HTX NN qua các năm	58
4.13	Nhu cầu của thành viên về các loại dịch vụ	59
4.14	Tình hình số lượng HTX NN thực hiện các loại dịch vụ	60
4.15	Mức độ HTX đáp ứng dịch vụ cho thành viên năm 2014	61
4.16	So sánh mức độ dịch vụ của HTX huyện yên Phong so với toàn Tỉnh trong năm 2014	62
4.17	Số lượng HTXNN phân theo tiêu thức doanh thu, lãi .	63
4.18	Doanh thu, lãi của HTX NN qua các năm	65
4.19	Thu nhập bình quân Giám đốc và lao động HTX năm 2014	65
4.20	Tình hình thực hiện phân phối lãi trong HTX NN	67
4.21	Mức độ tiếp cận của HTX NN đối với chính sách hỗ trợ	69

4.22	Mức độ hài lòng và cần thiết phát triển HTX từ thành viên	70
4.23	Mục tiêu hoạt động của HTX từ thành viên	70
4.24	Mục tiêu phát triển HTX NN đến năm 2020	77

DANH MỤC BIỂU ĐỒ, SƠ ĐỒ

Số biểu đồ	Tên biểu đồ	Trang
4.1.	Kinh nghiệm thực tiễn của cán bộ quản lý HTX	53

Số sơ đồ	Tên sơ đồ	Trang
4.1	Loại hình HTX NN ở huyện Yên Phong.	46
4.2	Mô hình HTXNN kiểu mới	78
4.3	Mô hình tổ chức HTX dịch vụ nông nghiệp qui mô xã	82

1. MỞ ĐẦU

1.1. Tính cấp thiết của đề tài

Một xã hội phát triển lành mạnh, bền vững cần nhiều yếu tố, trong đó có một yếu tố đặc biệt quan trọng là cá nhân, hộ gia đình trong xã hội cần được tổ chức trong các Hợp tác xã, tổ chức kinh tế tự giác, tự quản, bình đẳng, dân chủ cùng giúp đỡ nhau cải thiện mọi đời sống vật chất, tinh thần của từng thành viên nói riêng và cả cộng đồng nói chung, góp phần bảo đảm an sinh xã hội.

Sự ra đời của HTX là một yêu cầu tất yếu khách quan của quá trình phát triển kinh tế xã hội. Yêu cầu này không chỉ diễn ra đơn lẻ một số vùng, miền, khu vực, một số quốc gia mà còn ở quy mô toàn cầu, tính tất yếu khách quan của sự ra đời và phát triển của HTX cũng được thể hiện qua sức sống của mô hình HTX theo thời gian và ở những thể chế chính trị, bối cảnh kinh tế xã hội khác nhau của các quốc gia trên thế giới.

Hợp tác xã đã và đang tồn tại phổ biến, đóng vai trò tích cực trong sự phát triển kinh tế - xã hội của nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Từ năm 1955 đến nay, phong trào HTX ở Việt Nam đã không ngừng phát triển qua các thời kỳ từ kế hoạch hóa tập trung đến nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa cho thấy sự cần thiết và vai trò của HTX ở Việt Nam hiện nay.

Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX đã khẳng định “Phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã là vấn đề hết sức quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội. Chuyển đổi HTX kiểu cũ theo luật HTX đạt hiệu quả thiết thực, phát triển HTX kinh doanh tổng hợp đa ngành hoặc chuyên ngành để sản xuất hoặc kinh doanh dịch vụ tạo điều kiện mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh phù hợp với quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa”.

Như vậy nghị quyết đại hội Đảng toàn quốc đã làm sáng tỏ một điều rằng: Nền kinh tế Việt Nam trong thời kỳ bao cấp hay đổi mới nói chung và nền nông nghiệp Việt Nam nói riêng thì HTX vẫn là nền tảng của nền kinh tế bền vững phát triển. Thực tế đã cho ta thấy rất rõ phong trào hợp tác hoá ở nước ta trải qua nhiều bước thăng trầm. Tuy vậy, sau một thời gian hoạt động đặc biệt là giai đoạn xây dựng đất nước thời bình mô hình HTX kiểu cũ đã ngày càng tỏ ra không phù hợp với yêu cầu lịch sử

phát triển kinh tế trong điều kiện mới. Số HTX làm ăn có hiệu quả chiếm tỷ lệ thấp, đa số không thích ứng được với nền kinh tế thị trường sôi động, nhạy bén.

Năm bắt được thực tế này, năm 1996 Luật HTX ra đời và sau đó là năm 2003 Luật HTX sửa đổi. Nhờ vậy các HTX đã có xu hướng chuyển dịch sang loại hình là HTX dịch vụ nông nghiệp. Tuy nhiên, HTX được chuyển từ HTX kiểu cũ của cơ chế kinh tế tập trung quan liêu bao cấp trước đây, nên đã và đang trong quá trình tự đổi mới mình rất khó khăn để từng bước thoát khỏi tổ chức HTX kiểu cũ gắn với cách tư duy, quản lý, nợ nần, tài sản cũ không rõ chung và riêng.

Trong thời gian qua, HTX NN trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh nói chung và huyện Yên Phong nói riêng đã đáp ứng một phần nhu cầu của thành viên HTX, người lao động, hộ sản xuất kinh doanh, đóng góp quan trọng vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bắc Ninh cũng như của huyện Yên Phong. Tuy nhiên, phát triển HTX nông nghiệp ở huyện Yên Phong còn nhiều vấn đề cần được nghiên cứu giải quyết đó là:

Thứ nhất: HTX nông nghiệp đã được chuyển đổi tổ chức lại hoạt động theo luật HTX năm 2003, nhưng tổ chức và hoạt động của nhiều HTX vẫn mang tính “hành chính hóa”. Vậy làm thế nào để HTX nông nghiệp có tổ chức và hoạt động theo đúng luật HTX, thể hiện được đúng bản chất HTX?

Thứ hai: Số lượng HTX nông nghiệp lớn, bình quân mỗi thôn có một HTX, số lượng cán bộ quản lý HTX nhiều song hoạt động HTX vẫn còn hạn chế, với số lượng HTX trung bình và yếu kém chiếm tỷ lệ cao. Vậy cần phải giải quyết những vấn đề nào để nâng cao năng lực hoạt động của HTX?

Thứ ba: Nhu cầu của thành viên HTX là rất lớn, không chỉ giới hạn nhu cầu trong sản xuất mà đòi hỏi nhu cầu về tiêu thụ sản phẩm, nhu cầu về đời sống xã hội. Do vậy yêu cầu HTX cần phải giải quyết những vấn đề gì để đáp ứng đòi hỏi nhu cầu thành viên ngày càng cao?

Thứ tư: Đứng trước tiến trình công nghiệp hóa - đô thị hóa nhanh của tỉnh Bắc Ninh, một số diện tích đất nông nghiệp đã chuyển mục đích sử dụng, dẫn đến diện tích đất nông nghiệp ở một số HTX bị thu hẹp. Vậy HTX nông nghiệp phải giải quyết những vấn đề gì để HTX tồn tại và phát triển?

Thứ năm: HTX nông nghiệp có vai trò quan trọng trong việc thực hiện an sinh xã hội nông thôn, HTX cần được hưởng các ưu đãi của Nhà nước thông qua các chính

sách riêng đối với HTX. Trong thời gian qua Nhà nước đã có nhiều chính sách hỗ trợ HTX nông nghiệp, vậy mức độ tiếp cận và hưởng lợi từ các chính sách đó của HTX như thế nào? Chính sách của Nhà nước thực sự đã trở thành động lực thúc đẩy phát triển HTX chưa?

Nhằm giải quyết các vấn đề đặt ra ở trên, tôi lựa chọn và triển khai đề tài nghiên cứu: ***Giải pháp phát triển hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn huyện Yên Phong tỉnh Bắc Ninh.***

1.2. Mục tiêu nghiên cứu

1.2.1. Mục tiêu chung:

Nghiên cứu, đánh giá thực trạng phát triển HTX nông nghiệp; đề xuất giải pháp nhằm phát triển HTX nông nghiệp trên địa bàn huyện Yên Phong tỉnh Bắc Ninh.

1.2.2 Mục tiêu cụ thể:

Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển HTX nông nghiệp.

Phân tích thực trạng phát triển HTX nông nghiệp trên địa bàn huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

Đề xuất giải pháp nhằm phát triển HTX nông nghiệp ở huyện Yên Phong đến năm 2020.

1.3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

1.3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là HTX nông nghiệp, với nội dung:

Nghiên cứu đánh giá về tình hình phát triển số lượng HTX nông nghiệp qua các năm.

Nghiên cứu đánh giá về tình hình phát triển chất lượng HTX nông nghiệp: Tổ chức bộ máy, thành viên, cơ sở vật chất, nguồn vốn của HTX. Kết quả hoạt động dịch vụ và sản xuất kinh doanh của HTX nông nghiệp qua các năm.

1.3.2. Phạm vi nghiên cứu

Về không gian: nghiên cứu những nội dung về phát triển số lượng và chất lượng HTX nông nghiệp trên địa bàn huyện Yên Phong.

Về thời gian: đánh giá thực trạng phát triển HTX nông nghiệp giai đoạn 2004 – 2014.

2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ PHÁT TRIỂN HTX NÔNG NGHIỆP

2.1. Cơ sở lý luận về phát triển HTX nông nghiệp

2.1.1. Khái niệm và vai trò HTX nông nghiệp

2.1.1.1. Khái niệm HTX.

Khái niệm HTX của một số nước trên thế giới:

Liên minh HTX quốc tế định nghĩa: “HTX là một tổ chức tự trị của những người tự nguyện liên hiệp lại để đáp ứng các nhu cầu và nguyện vọng chung của họ về kinh tế, xã hội và văn hoá thông qua một xí nghiệp cùng sở hữu và quản lý dân chủ” (Đào Xuân Cần – 2012).

Tổ chức lao động quốc tế (ILO) định nghĩa: “HTX là sự liên kết của những người đang gặp phải những khó khăn kinh tế giống nhau, tự nguyện liên kết nhau lại trên cơ sở bình đẳng quyền lợi, nghĩa vụ sử dụng tài sản mà họ đã chuyển giao vào HTX. Phù hợp với nhu cầu chung và giải quyết những khó khăn đó chủ yếu bằng sự tự chủ, tự chịu trách nhiệm và bằng cách sử dụng các chức năng kinh doanh trong tổ chức hợp tác phục vụ cho lợi ích vật chất và tinh thần chung” (Bộ kế hoạch đầu tư, 2007)

Luật Hợp tác xã Cộng hòa liên bang Đức định nghĩa: “Hợp tác xã đăng ký là những tập thể với số lượng thành viên không hạn chế nhằm khuyến khích việc sản xuất, kinh doanh của các thành viên, thông qua cơ sở sản xuất kinh doanh chung”(Liên đoàn HTX Raiffeisen Cộng hòa liên bang Đức , 2014).

Luật hợp tác xã Philippin định nghĩa: “Hợp tác xã là sự hiểu biết của những người có cam kết chung và tập hợp nhau lại một cách tự nguyện để đạt được mục tiêu kinh tế - xã hội chung; có sự đóng góp công bằng về vốn; chấp nhận phần đóng góp hợp lý vào các công việc và phần lợi ích của việc kinh doanh theo nguyên tắc hợp tác đã được chấp nhận chung (Đào Xuân Cần , 2012)

Khái niệm HTX của Việt Nam:

Luật hợp tác xã năm 2003, định nghĩa: “Hợp tác xã là tổ chức kinh tế tập thể do các cá nhân, hộ gia đình, pháp nhân (gọi chung là thành viên) có nhu cầu, lợi ích chung, tự nguyện góp vốn, góp sức lập ra theo quy định của luật này để phát huy sức

mạnh của tập thể của từng thành viên tham gia hợp tác xã, cùng nhau thực hiện có hiệu quả các hoạt động sản xuất kinh doanh và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Hợp tác xã hoạt động như một loại hình doanh nghiệp, có tư cách pháp nhân, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính trong phạm vi vốn điều lệ, vốn tích lũy và các nguồn vốn khác của hợp tác xã theo quy định của pháp luật”(Luật HTX năm 2003).

Luật HTX năm 2012, định nghĩa: “Hợp tác xã là tổ chức kinh tế tập thể, đồng sở hữu, có tư cách pháp nhân, do ít nhất 07 thành viên tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm nhằm đáp ứng nhu cầu chung của thành viên, trên cơ sở tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ trong quản lý hợp tác xã” (Luật HTX năm 2012).

2.1.1.2. Khái niệm HTX nông nghiệp

Trong lĩnh vực nông nghiệp, hợp tác rất quan trọng bởi lẽ nông nghiệp phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên, mang tính thời vụ cao do đó hợp tác với nhau tạo ra sức mạnh, tận dụng được thời gian, vật lực, tài lực. Có nhiều mô hình tổ chức hợp tác như: hình thức đổi công, vắn công, hợp tác xã bậc thấp đến hợp tác xã bậc cao. Hợp tác xã là sản phẩm của lịch sử, nó ngày càng phát triển phục vụ đắc lực cho sự phát triển sản xuất nông nghiệp.

Như vậy, hợp tác xã nông nghiệp được hiểu: Hợp tác xã nông nghiệp là một trong các hình thức cụ thể của kinh tế hợp tác trong nông nghiệp, là tổ chức kinh tế của những người nông dân có cùng nhu cầu và nguyện vọng, tự nguyện liên kết lại để phối hợp giúp nhau phát triển kinh tế hoặc đáp ứng tốt hơn nhu cầu về đời sống của mỗi thành viên, tổ chức và hoạt động theo các nguyên tắc luật pháp quy định, có tư cách pháp nhân(Cao Đức Phát, 2014).

Hợp tác xã nông nghiệp là tổ chức kinh tế tự chủ do nông dân và những người lao động có nhu cầu, lợi ích chung tự nguyện cùng góp vốn, góp sức lập ra theo quy định của pháp luật để phát huy sức mạnh tập thể và của từng thành viên nhằm giúp nhau thực hiện có hiệu quả các hoạt động dịch vụ hỗ trợ cho kinh tế hộ gia đình các thành viên và kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông, lâm nghiệp, nuôi

trồng thủy sản và các ngành nghề khác; cải thiện đời sống thành viên; góp phần phát triển kinh tế-xã hội của đất nước (Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn, 2013).

HTX nông nghiệp có những đặc điểm:

Là một tổ chức kinh tế tập hợp đông đảo nông dân, những người thường thiếu vốn, cơ sở vật chất kỹ thuật và trình độ dân trí thấp. Mặt khác, đối tượng sản xuất của nông nghiệp là cây trồng, vật nuôi cho nên quá trình hoạt động không những HTX nông nghiệp bị chi phối bởi các quy luật kinh tế mà lại còn bị ảnh hưởng bởi điều kiện tự nhiên. Đây là những đặc điểm có ảnh hưởng nhất định đến kết quả hoạt động của HTX nông nghiệp mà cán bộ lãnh đạo, quản lý phải quan tâm để có biện pháp giúp đỡ, hỗ trợ HTX nông nghiệp phát triển.

HTX nông nghiệp được chia thành 3 loại hình:

Hợp tác xã nông nghiệp chuyên ngành: là tổ chức kinh tế của những thành viên có sản xuất kinh doanh ở cùng một ngành hàng nông sản thực phẩm như: gạo, rau xanh, thịt gia súc gia cầm, trứng gia cầm, cá. Nhưng có cùng nhu cầu và nguyện vọng, tự nguyện hợp tác liên kết để mở rộng sản xuất kinh doanh phát triển kinh tế và đáp ứng tốt hơn nhu cầu và đời sống của thành viên. Hợp tác xã được tổ chức hoạt động theo luật HTX và có tư cách pháp nhân. Hợp tác xã vừa thực hiện chức năng dịch vụ “đầu vào” và “đầu ra” cho sản xuất kinh doanh của thành viên vừa tổ chức sản xuất kinh doanh nhằm tăng lợi nhuận cho HTX.

Hợp tác xã nông nghiệp dịch vụ đơn thuần: là tổ chức kinh tế của những hộ nông dân có cùng nhu cầu trong sản xuất nông nghiệp, bao gồm các lĩnh vực như: trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản. Họ tự nguyện hợp tác, giúp nhau trong sản xuất nông nghiệp. HTX được tổ chức, hoạt động theo luật HTX và có tư cách pháp nhân. HTX thực hiện chức năng chủ yếu là thực hiện một số dịch vụ thiết yếu phục vụ sản xuất nông nghiệp như: dịch vụ tưới tiêu, bảo vệ thực vật, thú y, bảo vệ đồn điền và cung ứng giống, vật tư.

Hợp tác xã nông nghiệp dịch vụ và sản xuất kinh doanh tổng hợp: là tổ chức kinh tế chủ yếu các thành viên bao gồm: thành viên là cá nhân, thành viên là hộ gia đình, thành viên là pháp nhân. Nhưng có cùng nguyện vọng tự nguyện hợp tác liên kết với nhau để mở rộng sản xuất kinh doanh, phát triển kinh tế, tăng thu nhập và đáp ứng

nhu cầu đời sống của mỗi thành viên. HTX được tổ chức và hoạt động theo luật HTX, có tư cách pháp nhân. HTX vừa thực hiện dịch vụ theo nhu cầu sản xuất và đời sống thành viên vừa sản xuất kinh doanh theo nhu cầu của thị trường nhằm tăng lợi nhuận, tích lũy cho HTX (Chu Tiến Quang, Lê Xuân Quỳnh, 2012).

2.1.1.3. Vai trò HTX nông nghiệp

HTX nông nghiệp thúc đẩy phát triển kinh tế nông nghiệp: HTX nông nghiệp làm được những việc mà từng người, từng hộ không làm được hoặc làm không có hiệu quả. HTX nông nghiệp thúc đẩy kinh tế hộ phát triển, tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ trang trại liên kết, hợp tác, thành lập HTX. HTX nông nghiệp góp phần nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm được nhiều khoản chi phí trong đầu tư cho sản xuất, kinh doanh; huy động được nhiều vốn, nhiều nhân lực, chế ngự được thiên tai, đáp ứng kịp thời yêu cầu sản xuất, kinh doanh; cung cấp sản phẩm cho xã hội, góp phần tăng trưởng kinh tế, góp phần vào ngân sách nhà nước. HTX nông nghiệp khai thác được tiềm năng trong dân cư để mở mang ngành nghề, phát triển sản xuất, tăng nguồn hàng xuất khẩu, đóng góp vào sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế - xã hội (Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, 2007).

HTX nông nghiệp hỗ trợ người nghèo, giúp đỡ họ cùng phát triển: Bởi lẽ HTX nông nghiệp không chỉ gắn bó các thành viên về kinh tế mà còn được hình thành và phát triển trên cơ sở tình làng nghĩa xóm, góp phần thực hiện các chính sách xã hội trên địa bàn như cung ứng các mặt hàng chính sách cho vùng thiên tai bão lụt, tham gia xóa đói, giảm nghèo; phòng chống các tệ nạn xã hội. HTX nông nghiệp còn tạo điều kiện cho những người lao động, những người sản xuất nhỏ phát triển marketing, nhờ đó những khả năng mở rộng được thị trường trong và ngoài nước đảm bảo sự cân bằng và chẳng những có thể trụ vững trong thị trường cạnh tranh, mà còn không ngừng phát triển, không bị phá sản trở thành gánh nặng lao động thất nghiệp cho xã hội (Nguyễn Văn Giàu, 2012).

HTX nông nghiệp là mô hình tổ chức sản xuất có tính xã hội chủ nghĩa: Trước hết, đó là các đơn vị sản xuất kinh doanh, dịch vụ, vệ tinh của các doanh nghiệp nhà nước; là đơn vị liên doanh, liên kết với các thành phần kinh tế khác và có thể là đơn vị xuất nhập khẩu. Tính xã hội của hợp tác xã nông nghiệp được thể hiện ở chỗ là một tổ chức kinh tế

của những người lao động, tập hợp được đông đảo mọi người tham gia nhằm giúp đỡ lẫn nhau, tăng thêm sức mạnh trong sản xuất kinh doanh, dịch vụ góp phần tạo công ăn việc làm và thu nhập chính đáng và ở việc HTX hỗ trợ người nghèo. Trong mọi hoạt động của mình, HTX còn có nghĩa vụ giáo dục tinh thần hợp tác cho thành viên, khuyến khích sự hợp tác không chỉ trong nội bộ thành viên của HTX mà còn giữa các HTX. Ngoài chăm lo về mặt kinh tế, HTX còn chăm lo cả về mặt tinh thần cho thành viên thông qua các hoạt động chung của HTX (Phạm Minh Chính, 2014).

HTX nông nghiệp đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật, quản lý, công nghệ mới vào sản xuất. Ở những nước nông nghiệp như nước ta thì HTX nông nghiệp là hình thức kinh tế tập thể nông dân vì vậy hoạt động của HTX nông nghiệp có tác động to lớn, tích cực đến hoạt động sản xuất của hộ nông dân. Nhờ có hoạt động của HTX các yếu tố đầu vào và các khâu dịch vụ cho hoạt động sản xuất nông nghiệp được cung cấp kịp thời đầy đủ đảm bảo chất lượng, các khâu sản xuất tiếp theo được đảm bảo làm cho hiệu quả sản xuất của hộ nông dân được nâng lên. Thông qua hoạt động dịch vụ vai trò điều tiết của HTX nông nghiệp được thực hiện, sản xuất của hộ nông dân được thực hiện theo hướng tập trung, tạo điều kiện hình thành các vùng sản xuất tập trung chuyên môn hoá (Kim Quốc Chính, 2014).

HTX là nơi tiếp nhận những trợ giúp của Nhà nước tới hộ nông dân, vì vậy hoạt động của HTX có vai trò làm cầu nối giữa Nhà nước với hộ nông dân một cách có hiệu quả, khi có nhiều tổ chức tham gia hoạt động dịch vụ cho hộ nông dân, hoạt động của HTX là đòi hỏi buộc các đối tượng phải phục vụ tốt cho nông dân (Lê Huy Ngọ, 2014).

2.1.2. Nội dung phát triển HTX nông nghiệp

2.1.2.1. Phát triển HTX nông nghiệp theo số lượng và các loại hình HTX

Phát triển HTX nông nghiệp theo số lượng được đánh giá thông qua các chỉ tiêu: Số HTX NN biến động qua các năm; Số HTX theo các hình thức tổ chức biến động qua các năm; Nguyên nhân biến động các HTX theo từng loại hình tổ chức.

Các loại hình tổ chức HTX nông nghiệp:

Thứ nhất, mô hình HTX dịch vụ hỗ trợ

HTX chỉ làm một số khâu mà thành viên làm riêng rẽ không hiệu quả. Chẳng

hạn, HTX làm dịch vụ thủy lợi, dịch vụ bảo vệ thực vật, dịch vụ khuyến nông, hướng dẫn khoa học kỹ thuật, dịch vụ làm đất, bảo vệ đồng điền, cung ứng vật tư...Hình thức này khá phổ biến trong nông nghiệp vì nó giảm được chi phí sản xuất cho hộ thành viên, bảo đảm các quyền tự chủ của hộ, mở ra nhiều cơ hội tiếp cận thị trường. Ngoài mô hình chủ yếu này, trong nông nghiệp đang có sự tồn tại và phát triển các mô hình HTX khác như:

Mô hình HTX vừa dịch vụ, vừa kinh doanh tổng hợp: cùng với việc triển khai đa dạng các dịch vụ nông nghiệp, HTX đã chuyển mạnh sang phát triển sản xuất- kinh doanh ở các lĩnh vực khác như tổ chức chế biến nông sản, phát triển ngành nghề, kinh doanh thương mại, xây dựng, gia công đồ mộc, may mặc, đầu tư liên doanh với các doanh nghiệp khác.Mô hình này đã huy động được vốn đầu tư lớn, có phương án sản xuất kinh doanh khả thi, giải quyết được nhiều việc làm cho các hộ nông dân lúc nông nhàn.

Mô hình HTX chuyên ngành: các HTX tập trung đầu tư chuyên sâu vào các sản phẩm nông nghiệp có chất lượng và hàm lượng công nghệ cao, các sản phẩm sạch, sản phẩm sinh thái hoặc đầu tư chuyên canh, chuyên ngành như: HTX trồng hoa cây cảnh, HTX sản xuất rau an toàn, HTX bò sữa, HTX chăn nuôi gà, HTX chăn nuôi lợn, HTX nuôi thủy sản.

Mô hình HTX trang trại: do nhiều trang trại liên kết, hợp tác lại với nhau. HTX trang trại tập trung vào các khâu dịch vụ, hỗ trợ các trang trại thành viên trong việc cung ứng giống, bảo vệ thực vật, trao đổi kinh nghiệm sản xuất, tìm kiếm thông tin, tiêu thụ sản phẩm (Liên minh HTX tỉnh Bắc Ninh, 2012).

Thứ hai, HTX sản xuất tập trung

Thành viên góp vốn, đất đai, phương tiện hình thành tài sản tập thể để thế chấp vay vốn ngân hàng, vay nội bộ, tổ chức sản xuất tập trung như các doanh nghiệp khác. Thành viên được hưởng tiền công, tiền lương, lãi vốn góp... Mô hình này đã huy động được nguồn vốn lớn, phương tiện được giao cho thành viên quản lý, sử dụng; tài sản được nhóm thành viên góp vốn để hình thành được giao cho nhóm tổ chức sản xuất kinh doanh. Do vậy mà nguồn vốn được bảo toàn, hiệu quả sản xuất kinh doanh tăng (Liên minh HTX Việt Nam, 2005).

Thứ ba, mô hình hỗn hợp giữa dịch vụ hỗ trợ thành viên và sản xuất tập trung.

Mô hình này phát triển tương đối mạnh ở các HTX nông nghiệp, HTX thủy sản. Chẳng hạn, HTX có một số cơ sở sản xuất tập trung máy móc, phương tiện vận tải, mặt nước, đất canh tác, trạm trại giống, xưởng sản xuất, cửa hàng, tổ điện nước, phục vụ thành viên với giá ưu đãi, phục vụ nhu cầu xã hội theo giá thị trường. Hiện nay, trong lĩnh vực nông nghiệp có nhiều HTX điển hình kinh doanh tổng hợp đã góp phần vào sự chuyển dịch cơ cấu ngành nghề, đa dạng hình thức sở hữu, phương thức hoạt động phù hợp với xu hướng đô thị hoá, giải quyết vấn đề việc làm theo hướng “ly nông bất ly hương, giữ đất, thêm nghề” (Liên minh HTX Việt Nam, 2010).

2.1.2.2. Phát triển HTX theo chất lượng.

Phản ánh phát triển về chất lượng của HTX nông nghiệp được thể hiện bằng các chỉ tiêu sau:

Mức độ đáp ứng của bộ máy quản lý HTX: Đánh giá về mô hình tổ chức HTX và chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý HTX. Qua đó đề xuất biện pháp củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy quản lý HTX.

Quy mô thành viên và sự biến động về quy mô thành viên: Đánh giá về số lượng thành viên và số thành viên bình quân trên một HTX, thể hiện vai trò của HTX ở khu vực nông thôn.

Quy mô nguồn vốn và sự biến động nguồn vốn theo từng loại hình HTX: đánh giá nguồn vốn sở hữu của HTX và nguồn vốn vay. Đồng thời phân ra theo từng loại hình HTX là: HTX dịch vụ nông nghiệp và HTX chuyên ngành, số vốn bình quân/HTX. Qua đó đề xuất giải pháp tạo nguồn vốn cho HTX hoạt động và mở rộng dịch vụ sản xuất kinh doanh.

Số lượng dịch vụ trực tiếp mà mỗi HTX thực hiện được: Chỉ tiêu này thể hiện mỗi một HTX đã thực hiện được bao nhiêu dịch vụ nông nghiệp cho kinh tế hộ.

Mức độ đáp ứng nhu cầu của thành viên: thể hiện bằng số % giữa mức dịch vụ thực hiện được của HTX với tổng nhu cầu thành viên tương ứng theo từng loại dịch vụ. Chỉ tiêu này thể hiện trình độ phục vụ đối với nhu cầu thành viên.

Doanh thu và lãi hàng năm của HTX: phản ánh kết quả dịch vụ, kết quả sản xuất kinh doanh hàng năm của HTX. Trong đó phân ra theo từng loại hình HTX là

HTX dịch vụ nông nghiệp và HTX chuyên ngành. Qua đó rút ra hiệu quả của từng loại hình HTX, từ đó đề xuất giải pháp củng cố, phát triển cho từng loại hình HTX.

Thu nhập bình quân hàng năm của lao động trong HTX: Phản ánh về việc làm và thu nhập được mang lại từ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ của HTX

Số lãi được phân phối hàng năm: phản ánh hình thức phân phối lãi của HTX, khả năng tăng tích lũy tái đầu tư cơ sở hạ tầng của HTX, mức độ phân phối lãi cho thành viên HTX thông qua vốn góp và sử dụng dịch vụ của HTX. Đây là chỉ tiêu phản ánh quan hệ giữa lợi ích của HTX với lợi ích của thành viên.

Mức độ tiếp cận các chính sách hỗ trợ của Nhà nước: Đánh giá mức độ hưởng lợi của HTX từ các chính sách như: chính sách tín dụng, đất đai, thuế, chuyển giao ứng dụng khoa học công nghệ, xúc tiến thương mại, đào tạo nguồn nhân lực, đầu tư cơ sở hạ tầng.

Mức độ hài lòng của thành viên HTX: Tỷ lệ thành viên hài lòng với HTX, tỷ lệ thành viên gắn bó với HTX, tỷ lệ thành viên có ý định giới thiệu người thân, bạn bè gia nhập HTX. Đây là chỉ tiêu phản ánh mức độ HTX đáp ứng được các mong đợi của thành viên, mặt khác cũng phản ánh yêu cầu khách quan về phát triển HTX NN trong thời gian tới.

Mỗi một chỉ tiêu nói trên có tính độc lập tương đối và phản ánh hiệu quả hoạt động của HTX trên những khía cạnh khác nhau.

2.1.3. Các yếu tố tác động đến phát triển HTX nông nghiệp

2.1.3.1. Nhóm yếu tố tác động bên trong

*Quy mô cán bộ quản lý HTX:*Thực tiễn đã chứng minh đội ngũ cán bộ quản lý và kỹ thuật ở các HTX NN, mà đứng đầu là giám đốc có vai trò quyết định đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của HTX NN. Xây dựng đội ngũ cán bộ HTX NN cần được nhận thức đầy đủ, từ đó xác định những nhiệm vụ đặt ra phải làm và cần được giải quyết một cách khoa học hơn.

Hiện nay, trình độ của cán bộ hợp tác xã nông nghiệp còn thấp so với yêu cầu. Trong một thời gian dài, nhà nước chưa quan tâm chú trọng đúng mức đến việc đào tạo cán bộ cho hợp tác xã nông nghiệp. Vì vậy, nhà nước cần có cơ chế chính sách tạo điều kiện cho việc đào tạo cán bộ như: đầu tư mở trường dạy nghề, trường quản lý

chuyên môn cho các HTX, tiến đến là tiêu chuẩn hóa một số cán bộ chủ chốt của HTX nông nghiệp; cần đưa một số cán bộ có chuyên môn kỹ thuật nông nghiệp về cơ sở, hợp tác xã trực tiếp sản xuất, quản lý và hướng dẫn cho nông dân (Bộ Lao động thương binh và xã hội, 2014).

Quy mô thành viên HTX: Theo luật HTX năm 2003 những cá nhân, hộ gia đình khi tham gia HTX được gọi là xã viên HTX, nhưng đến luật HTX năm 2012 xã viên HTX được chuyển sang là thành viên HTX. Thành viên HTX bao gồm: cá nhân là công dân Việt Nam hoặc người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam, từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; hộ gia đình có người đại diện hợp pháp theo quy định của pháp luật; cơ quan tổ chức là pháp nhân Việt Nam.

Thành viên HTX là khách hàng của HTX là thị trường để tiêu thụ các sản phẩm dịch vụ của HTX. Do vậy phát triển số lượng thành viên là mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm dịch vụ cho HTX. Mặt khác khi tham gia HTX, các thành viên đều góp vốn đây là nguồn hình thành vốn điều lệ ban đầu của HTX. Từ đó khi phát triển số lượng thành viên cũng là yếu tố tác động làm tăng nguồn vốn hoạt động cho HTX. Hàng năm cần tuyên truyền vận động phát triển thành viên nhất là các cá nhân, hộ gia đình, doanh nghiệp có ảnh hưởng lớn đến quá trình sản xuất kinh doanh của HTX vào tham gia là thành viên của HTX nhằm nâng cao hiệu quả dịch vụ và hiệu quả sản xuất kinh doanh của HTX (Nguyễn Mạnh Cường, 2014).

Quy mô cơ sở vật chất kỹ thuật: Cơ sở vật chất được thể hiện bằng tài sản của HTX. Tài sản của HTX được phân chia làm hai loại: Tài sản cố định và đầu tư dài hạn; tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn. Đây là yếu tố quan trọng đảm bảo duy trì phát triển và khả năng cạnh tranh của HTX với các thành phần kinh tế khác. Trước hết phải đảm bảo cơ sở vật chất cho HTX làm việc và duy trì hoạt động như: trụ sở làm việc, phương tiện làm việc, tài sản phục vụ cho hoạt động dịch vụ của HTX cho nhu cầu sản xuất kinh doanh của thành viên. Do vậy sự tăng giảm của quy mô cơ sở vật chất kỹ thuật sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến sự tồn tại và phát triển hợp tác xã (Nguyễn Minh Tú, 2011).

Quy mô nguồn vốn: nguồn vốn của HTX là yếu tố quan trọng hình thành vốn đầu tư phát triển của HTX. Đây là yếu tố tác động mạnh đến quá trình ứng dụng tiên bộ khoa học kỹ thuật, đổi mới công nghệ, mở rộng phạm vi hoạt động dịch vụ của

HTX và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của HTX, cũng như tăng cường khả năng cạnh tranh của HTX với các thành phần kinh tế khác. Do vậy việc tăng giảm quy mô vốn đều ảnh hưởng đến sự phát triển của HTX nông nghiệp. Nguồn vốn của HTX là vấn đề bức xúc nhất hiện nay, hầu hết các HTX không vay được vốn của ngân hàng; vốn các chương trình dự án thì đi thẳng đến nông hộ. Ngân sách các cấp đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn chưa tương xứng và ngày càng giảm, cơ cấu đầu tư chưa hợp lý; đầu tư cho HTX nông nghiệp rất hạn chế (Nguyễn Thiện Nhân, 2015).

Kết quả hoạt động dịch vụ của HTX: Mục tiêu hoạt động của HTX trước hết phải thực hiện được nhiều và có hiệu quả các loại dịch vụ cho hộ thành viên, sau đó mới đến hiệu quả kinh tế. Các HTX tùy vào điều kiện của mình về lao động, vốn, cơ sở vật chất để thực hiện hai nhóm dịch vụ chủ yếu là: dịch vụ mang tính công ích cho các hộ thành viên và các dịch vụ gắn với kinh doanh (Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, 2003).

Nội dung hoạt động dịch vụ mang tính công bao gồm:

Dịch vụ chỉ đạo sản xuất nông nghiệp: HTX là đầu mối triển khai về thời vụ sản xuất, quy hoạch phát triển nông nghiệp và các chính sách hỗ trợ của nhà nước.

Dịch vụ thủy nông: HTX được giao quản lý vận hành hệ thống kênh mương, thủy lợi nội đồng để thực hiện dịch vụ tưới tiêu cho toàn bộ diện tích canh tác trên địa bàn.

Dịch vụ bảo vệ thực vật: HTX có trách nhiệm kiểm tra, dự báo tình hình sâu bệnh trên địa bàn, hướng dẫn thành viên sử dụng thuốc bảo vệ thực vật và các biện pháp hữu hiệu khác để phòng trừ sâu bệnh.

Dịch vụ thú y: HTX phối hợp với các cơ quan chuyên môn thú y thực hiện tốt dịch vụ tiêm phòng, chữa bệnh cho gia súc, gia cầm và các loại thủy, hải sản cho các hộ thành viên trong HTX và các hộ nông dân trong địa bàn.

Dịch vụ khuyến nông: hướng dẫn nông dân thực hiện cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi theo mùa vụ sản xuất, tổ chức tập huấn, xây dựng các mô hình trình diễn, tuyên truyền chuyển giao tiến bộ kỹ thuật mới cho hộ nông dân về sản xuất để tạo ra sản phẩm nông nghiệp hàng hoá với số lượng lớn, có chất lượng đáp ứng nhu cầu thị trường.

Dịch vụ gắn với kinh doanh của HTX bao gồm:

Dịch vụ cung ứng giống, vật tư nông nghiệp: HTX cung ứng các yếu tố “đầu

vào” cho sản xuất nông nghiệp bao gồm: giống cây trồng, vật nuôi, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y.

Dịch vụ làm đất: HTX đứng ra liên hệ thuê tổ chức cung cấp dịch vụ này để có được giá làm đất có lợi nhất hoặc HTX huy động vốn đầu tư mua sắm máy móc, thiết bị làm đất và tổ chức cung ứng dịch vụ làm đất cho thành viên.

Dịch vụ chế biến và tiêu thụ sản phẩm: HTX thông qua liên doanh, liên kết với doanh nghiệp để mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm cho hộ nông dân. Dịch vụ tín dụng nội bộ: các HTX có thể làm dịch vụ tín dụng nội bộ sử dụng vốn tự có và vốn nhân rồi huy động ở một bộ phận hộ thành viên để cho một bộ phận thành viên khác vay, đặc biệt là thành viên nghèo.

Dịch vụ kinh doanh và quản lý chợ: HTX tham gia kinh doanh, khai thác và quản lý chợ sẽ giúp cho HTX có địa điểm kinh doanh gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của HTX.

Kết quả hoạt động dịch vụ của HTX là yếu tố bảo đảm sự gắn kết bền vững giữa thành viên với HTX. Thông qua hoạt động dịch vụ HTX để đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh của hộ thành viên nhằm thúc đẩy kinh tế và mang lại lợi ích cho hộ thành viên. Qua đó tác động trở lại là thúc đẩy HTX phát triển, thu được lợi nhuận từ các hoạt động dịch vụ cho hộ thành viên và cho kinh tế hộ trên địa bàn. Do vậy đòi hỏi HTX phải đa dạng hóa và nâng cao chất lượng của từng loại dịch vụ.

Kết quả sản xuất kinh doanh của HTX: Doanh thu của HTX là toàn bộ giá trị sản phẩm hàng hóa, dịch vụ mà HTX đã bán, cung cấp cho thành viên và khách hàng được các thành viên và khách hàng trả tiền hoặc chấp nhận thanh toán, bao gồm: Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh thu từ hoạt động dịch vụ cho thành viên là các khoản thu từ các dịch vụ hỗ trợ sản xuất, kinh doanh của thành viên, doanh thu từ hoạt động tài chính và doanh thu từ các hoạt động khác (Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn, 2005).

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của HTX trong một năm(được gọi là lãi hoặc lợi nhuận), bao gồm: Chênh lệch thu lớn hơn chi của hoạt động sản xuất kinh doanh sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi hoạt động tín dụng nội bộ, lãi kinh doanh cổ phiếu, trái phiếu (Bộ tài chính, 2010 thông tư số 24/2010/TT.BTC).

Kết quả sản xuất kinh doanh là yếu tố bảo đảm trả công cho đội ngũ cán bộ và người lao động trong HTX. Là điều kiện thực hiện tái đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật và mở rộng qui mô dịch vụ, sản xuất kinh doanh, nâng cao khả năng cạnh tranh của HTX. Do vậy sự biến động kết quả sản xuất kinh doanh sẽ tác động trực tiếp đến các yếu tố nội tại của HTX như: Qui mô vốn, thu nhập bình quân của cán bộ quản lý HTX và người lao động. Từ đó để phát triển bền vững bắt buộc HTX phải nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và tăng lợi nhuận.

2.1.3.2. Nhóm yếu tố tác động bên ngoài

Bối cảnh kinh tế - xã hội: Sự phát triển các lĩnh vực hợp tác, các hình thức hợp tác và quy mô hợp tác ở những mức độ khác nhau là xuất phát từ quy luật quan hệ sản xuất phải phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.

Mặt khác, nó còn chịu sự tác động của môi trường, điều kiện đặc thù của từng địa phương, đó là trình độ dân trí, văn hóa, truyền thống, tâm lý, tính cộng đồng, sự hiểu biết, tính năng động sáng tạo trong hoạt động sản xuất-kinh doanh dưới tác động của nền kinh tế thị trường đang trong quá trình hội nhập với khu vực và thế giới (Bộ kế hoạch đầu tư - vụ HTX, 2007).

Trình độ phát triển nông nghiệp hàng hoá: Lý luận và thực tiễn chứng tỏ là khi nền kinh tế còn mang nặng tính chất tự cấp, tự túc, mục tiêu của người nông dân là tối đa hoá lợi ích, chứ không phải tối đa hoá lợi nhuận nên nhu cầu hợp tác của họ chủ yếu ở khâu đầu vào, với qui mô rất nhỏ bé. Do đó các hình thức tổ chức kinh tế hợp tác thường rất đơn giản. Khi sản xuất hàng hoá phát triển mạnh, mục tiêu của người dân là tối đa hoá thu nhập, nên nhu cầu hợp tác của họ nảy sinh và ngày càng bức xúc trên qui mô lớn.

Điều đó cho thấy, sự phát triển có hiệu quả các hình thức hợp tác sẽ tạo điều kiện thúc đẩy nền nông nghiệp hàng hoá phát triển. Như vậy các giải pháp phát triển HTX nông nghiệp không thể tách rời giải pháp phát triển nền nông nghiệp hàng hoá, trong đó bao gồm cả biện pháp phát triển kinh tế nông hộ và trang trại sản xuất hàng hoá. Bởi vì phát triển kinh tế nông hộ, trang trại gia đình vừa là mục tiêu, vừa là giải pháp để thúc đẩy sự ra đời và phát triển của HTX mới trong nông nghiệp (Bộ nông nghiệp và PTNT, 2001).

Nhu cầu và mức sống của nông dân: Với quá trình phát triển kinh tế hàng hoá, mức độ cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường sẽ gay gắt hơn; mức sống của nông dân có liên quan đến sự phân hoá giàu nghèo trong xã hội. Nông dân có xu hướng liên kết, hợp tác với nhau để tồn tại và phát triển. Do đó nhu cầu phát triển HTX nông nghiệp càng trở nên bức xúc, cấp thiết đối với những hộ kinh doanh cá thể, các doanh nghiệp vừa và nhỏ (Luu Đức Khải, 2014).

Thị trường đầu vào, đầu ra cho nông nghiệp: Kinh tế nông hộ không thể tự thân trở thành một đơn vị kinh tế hàng hóa phát triển trong nền kinh tế thị trường trước sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt của các doanh nghiệp lớn, trước hết trong dịch vụ “đầu vào”, “đầu ra” của kinh tế nông hộ. Do vậy, tất yếu các nông hộ phải liên kết lại với nhau trong các tổ chức kinh tế hợp tác của mình, tạo ra sức mạnh mới cạnh tranh trong thị trường, tự bảo đảm hoạt động dịch vụ “đầu vào”, “đầu ra” cho kinh tế hộ đạt kết quả cao hơn. Vì thế HTX nông nghiệp trở thành chỗ dựa vững chắc để kinh tế hộ trở thành đơn vị sản xuất hàng hóa tự chủ có khả năng cạnh tranh đạt hiệu quả cao trong nền kinh tế thị trường (Đặng Kim Sơn, 2006).

Liên kết HTX với các thành phần kinh tế khác: Trong điều kiện hiện nay, kinh tế nhà nước vẫn giữ vai trò có tính quyết định. Trong mối quan hệ đó, hợp tác xã phải đóng vai trò là người đại diện, là cầu nối giữa kinh tế nhà nước và kinh tế hộ. Thực hiện tốt hơn sự liên kết giữa các khâu sản xuất, thu hoạch, chế biến, tiêu thụ và giữa các thành phần kinh tế. Hợp tác xã giúp doanh nghiệp mở rộng phạm vi hoạt động phục vụ trực tiếp, có hiệu quả đến nông dân, tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế ký hợp đồng với nông dân để chế biến và tiêu thụ nông sản (Nguyễn Văn Quý, 2014).

Chính sách của Nhà nước đối với HTX: Chính phủ đã đưa ra và triển khai nhiều chính sách khác nhau nhằm thúc đẩy sự phát triển của HTX. Các chính sách này phần nào đã tác động đến sự phát triển của HTX, tuy nhiên tác động của các chính sách này còn tương đối hạn chế, những hạn chế này xuất phát từ sự không rõ ràng trong nhận thức về khái niệm HTX. HTX cần được coi là một tổ chức kinh tế - xã hội thì các chính sách ưu đãi xã hội về mặt đất đai, thuế, đầu tư, và các ưu đãi xã hội khác mới có thể được thực thi một cách hiệu quả (Bùi Quang Vinh, 2014).

2.2. Cơ sở thực tiễn

2.2.1. Kinh nghiệm phát triển HTX nông nghiệp ở nước ngoài

2.2.1.1. Kinh nghiệm phát triển HTX nông nghiệp ở Mỹ:

Ngay từ những năm đầu thế kỷ 20, theo quy định của các bang thì các HTX có thể do các chủ trại thành lập để cùng hoạt động buôn bán hoặc tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của chủ trại. Về cơ bản, các HTX nông nghiệp của các chủ trại được phân làm ba loại: HTX tiêu thụ, HTX cung ứng và HTX chuyên đảm bảo các dịch vụ sản xuất.

Trong các HTX tiêu thụ, trên 50% giá trị chu chuyển hàng hoá là do việc bán các sản phẩm nông nghiệp .

Các HTX cung ứng làm nhiệm vụ cung ứng hạt giống, phân bón, nhiên liệu, vật liệu xây dựng và các hàng hoá cho các chủ nông trại (chiếm khoảng 31% chu chuyển hàng hoá).

Nhiều HTX được chuyên môn hoá theo ngành như: ngũ cốc, sữa, rau quả, bông... Số HTX sản xuất ngũ cốc rất lớn. Bên cạnh đó còn có một số lớn HTX ngũ cốc địa phương. Hiện nay 80% số HTX địa phương là những người có cổ phần trong các HTX khu vực hoặc các liên hiệp HTX.

HTX có vai trò đặc biệt quan trọng trong ngành nông nghiệp Mỹ. Năm 2002, có 3.140 HTX nông nghiệp cung cấp cho khoảng 3,1 triệu nông dân, dịch vụ tiếp thị nông nghiệp, cung ứng nguyên vật liệu sản xuất nông nghiệp và các dịch vụ khác liên quan đến sản xuất nông nghiệp chiếm tới 28% thị phần. Khu vực HTX mạnh với số lượng lớn công dân Mỹ tham gia HTX trong một nền kinh tế có tính cạnh tranh rất mạnh ở Mỹ chứng tỏ hiệu quả của HTX. HTX được tổ chức để đáp ứng nhu cầu thành viên, tập trung vào việc tạo ra lợi ích xã viên hơn là lợi nhuận cho nhà đầu tư. Việc định hướng vào thành viên làm cho HTX khác cơ bản với các công ty (Đào Xuân Cần, 2012).

2.2.1.2 Kinh nghiệm phát triển HTX NN ở Cộng hoà Liên bang Đức:

Số lượng các HTX NN và dịch vụ nông thôn Đức vẫn còn chiếm tỷ lệ khá cao với 2.675 HTX trong tổng số 5.318 HTX hiện có, chiếm hơn 50%. Tổng doanh thu của tất cả các HTX nông nghiệp và 26 liên hiệp HTX NN năm 2010 là hơn 38,0 tỷ Euro. Riêng lĩnh vực nông nghiệp đã thu hút tổng cộng 2,2 triệu thành viên.

HTX NN Cộng hòa liên bang Đức hoạt động kinh doanh, dịch vụ ở nhiều lĩnh vực,

ngành nghề khác nhau, bao gồm:

- HTX dịch vụ nông nghiệp tổng hợp có 852 HTX
- HTX mua bán nông nghiệp có 339 HTX
- HTX sữa và sản phẩm sữa có 281 HTX
- HTX trồng nho và chế biến nho có 216 HTX
- HTX chế biến dầu, rượu, cồn có 121 HTX
- HTX chăn nuôi và chế biến sản phẩm thịt có 87 HTX
- HTX chế biến rau, củ, quả có 72 HTX
- HTX trồng cỏ và chế biến thức ăn gia súc có 65 HTX
- HTX cung cấp điện có 52 HTX
- HTX dịch vụ máy nông nghiệp có 54 HTX
- HTX thủy hải sản có 32 HTX
- HTX hoa, cây cảnh có 28 HTX
- HTX dịch vụ nhà kho, nhà đông lạnh có 39 HTX
- HTX lâm nghiệp có 30 HTX
- HTX dịch vụ nông nghiệp khác có 256 HTX

Trong số các HTX nông nghiệp hiện nay vẫn còn có 156 HTX đang thực hiện đồng thời hoạt động tiết kiệm - tín dụng nội bộ theo giấy phép của cơ quan chức năng ngành ngân hàng. Ngoài dịch vụ cung cấp cho thành viên, các HTX NN tạo ra hơn 102.000 việc làm trực tiếp. Tính trung bình mỗi HTX nông nghiệp sử dụng 35 lao động. Nhờ cơ giới hóa, tự động hóa rất cao, năng suất lao động nông nghiệp cũng tăng đáng kể. Cách đây 60 năm, một lao động nông nghiệp có thể nuôi được 10 người thì ngày nay con số đó là 124 người. Các HTX nông nghiệp của Đức đang nắm thị phần cao đối với rất nhiều sản phẩm nông nghiệp quan trọng: 70% thị phần sản phẩm thịt chế biến, hơn 60% thị phần của các sản phẩm sữa, hơn 33% thị phần rượu nho.

Ngày nay, phần lớn các chính sách nông nghiệp lớn của Cộng hòa liên bang Đức đều do Ủy ban châu Âu quyết định và ban hành. Tuy nhiên, ở một số lĩnh vực như bảo vệ môi trường nông nghiệp, trong khuôn khổ chung Nhà nước Đức vẫn có những chính sách hỗ trợ cụ thể. Theo qui định pháp luật, các HTX nông nghiệp Đức cũng như HTX trong các lĩnh vực khác được coi là một loại hình doanh nghiệp, hoạt

động như doanh nghiệp và bình đẳng với các loại hình doanh nghiệp khác trong lĩnh vực nông nghiệp. Bình đẳng về mọi quyền lợi như mọi nghĩa vụ theo luật định. Các chính sách hỗ trợ, khuyến khích cho nông nghiệp đều được áp dụng chung cho tất cả đối tượng tham gia lĩnh vực này, trong đó có HTX và thành viên HTX. Hệ thống cơ sở hạ tầng nông thôn hay HTX nông nghiệp đều được Nhà nước chú trọng đầu tư. Trước kia tất cả các chủ thể kinh doanh nông nghiệp, cá nhân, hộ gia đình, doanh nghiệp nông thôn hay HTX nông nghiệp đều được Nhà nước Đức hỗ trợ khi họ bị ảnh hưởng thiệt thòi vì các điều kiện hạ tầng khó khăn, không đảm bảo cạnh tranh. Hiện nay, các hỗ trợ trực tiếp đó đối với kinh tế nông nghiệp không còn phù hợp với chính sách chung của Ủy ban châu Âu nên bị bãi bỏ. Thay vào đó, Nhà nước Đức sử dụng các chính sách hỗ trợ gián tiếp như thông qua các chương trình bảo vệ môi trường nông nghiệp, ưu đãi về thuế khi đầu tư vào thiết bị sử dụng năng lượng mặt trời, sức gió. Nhà nước đặc biệt chú trọng đến việc đào tạo cho người nông dân, giúp họ nâng cao ý thức bảo vệ môi trường và hạn chế tối đa ảnh hưởng xấu tới hệ sinh thái. Do đa số người nông dân tham gia là thành viên của một HTX nông nghiệp nên rất nhiều chương trình đào tạo hay hỗ trợ gián tiếp cho người nông dân được các HTX chủ động thực hiện hoặc kết hợp, hợp tác với các cơ quan, tổ chức khác (Liên đoàn HTX Raiffeisen Cộng hòa liên bang Đức, 2014).

2.2.1.3. Kinh nghiệm phát triển HTX NN ở Nhật Bản:

Sau chiến tranh thế giới lần thứ II, Chính quyền đã tiến hành cải cách ruộng đất, mua lại ruộng đất của địa chủ và bán lại cho những hộ nông dân thiếu ruộng đất trả tiền dần, hình thành các nông trại gia đình tự canh tác trên mảnh ruộng của mình. Đến nay, trên 99% trang trại gia đình ở Nhật Bản là thành viên của các HTX trong nông nghiệp.

Đến năm 1947 luật HTX nông nghiệp được ban hành nhằm thúc đẩy việc phát triển các hoạt động kinh tế hợp tác giữa các hộ nông dân để phát huy mọi lực lượng sản xuất trong nông nghiệp, nâng cao địa vị kinh tế xã hội của nông dân và trên cơ sở phát triển toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Năm 1967, chính phủ Nhật Bản lại ban hành chính sách cơ bản về HTX để phát triển nông nghiệp. Thực hiện chính sách này mạng lưới HTX trong nông nghiệp được

tập hợp lại thành một hệ thống HTX nông nghiệp toàn Nhật Bản với hai loại hình HTX nông nghiệp đa ngành (tổng hợp) và HTX nông nghiệp chuyên ngành.

HTX nông nghiệp tổng hợp và HTX nông nghiệp chuyên ngành có chức năng và nhiệm vụ giống nhau. Nhiệm vụ hoạt động chủ yếu của HTX nông nghiệp (chuyên ngành và tổng hợp) là thực hiện các dịch vụ kinh tế kỹ thuật, tác động tới dịch vụ đầu vào và đầu ra trong quá trình sản xuất và sinh hoạt của hộ thành viên bao gồm các hoạt động sau:

- Mua bán và tiêu thụ các nông sản do nông trại sản xuất ra.
- Cung ứng vật tư kỹ thuật cho nông dân với giá rẻ hơn bên ngoài.
- Cung ứng cho nông dân các mặt hàng thiết yếu về sinh hoạt và sản xuất như: lương thực, thực phẩm, hàng may mặc, đồ gỗ vật liệu xây dựng, hàng công nghiệp, xe máy, ô tô...
- Độc quyền làm chức năng tín dụng nông nghiệp và bảo hiểm thông qua các chi nhánh ngân hàng HTX nông nghiệp và liên đoàn bảo hiểm nông nghiệp.
- Nghiên cứu các vấn đề kỹ thuật nông nghiệp phục vụ nông trại gia đình, tổ chức các lớp bồi dưỡng kỹ thuật, nghiệp vụ quản lý cho các chủ trang trại.
- Đại diện cho các nông trại tham gia ý kiến với Nhà nước về các vấn đề liên quan đến sản xuất, tiêu thụ nông sản, đến giá cả vật tư nông sản, đến quyền lợi của nông dân.

Để giúp các tổ chức HTX hoạt động, Chính phủ Nhật Bản đã tăng cường xây dựng hệ thống phục vụ xã hội hóa nông nghiệp, coi HTX nông nghiệp là một trong những hình thức phục vụ xã hội hóa tốt nhất và yêu cầu các cấp, các ngành phải giúp đỡ và bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho tổ chức này. Đồng thời, Chính phủ còn yêu cầu các ngành tài chính, thương nghiệp giúp đỡ về vốn, kỹ thuật, tư liệu sản xuất. Tuy nhiên, không làm ảnh hưởng đến tính tự chủ và độc lập của các HTX này (Đào Xuân Cầm, 2012).

2.2.1.4. Kinh nghiệm phát triển HTX nông nghiệp ở Thái Lan.

HTX là một hình thức khá phát triển ở Thái Lan, cùng với sự phát triển nền kinh tế của đất nước, ở Thái Lan các tổ chức HTX đã phát triển sâu rộng trong cả nước và ngày càng vững mạnh. Trong đó, HTX nông nghiệp có 1.797 HTX chiếm

52,1% , chiếm vai trò quan trọng nhất và chủ đạo trong phong trào HTX ở Thái Lan. Hiện nay, HTX nông nghiệp đa ngành có chức năng làm dịch vụ đầu vào và đầu ra cho quá trình sản xuất nông nghiệp của hộ nông dân thành viên, trong đó kinh doanh thóc gạo lớn nhất của HTX nông nghiệp. Hệ thống HTX nông nghiệp ở Thái Lan được phân thành ba cấp bao gồm: HTX cơ sở (xã, huyện), liên hiệp HTX tỉnh và liên đoàn HTX quốc gia.

HTX nông nghiệp ở Thái Lan được hình thành do nông dân cá thể tự nguyện liên kết với nhau và hoạt động của nó rất đa dạng bao gồm những lĩnh vực sau:

- Cho thành viên vay tín dụng.
- Nhận tiền gửi tiết kiệm của thành viên.
- Thu mua nông sản cho thành viên để kinh doanh.
- Cung ứng vật tư máy móc nông nghiệp, hạt giống cho thành viên.

HTX nông nghiệp và HTX tín dụng là hai mô hình HTX tiêu biểu nhất ở Thái Lan. HTX nông nghiệp được thành lập nhằm đáp ứng nhu cầu của thành viên trong các lĩnh vực: vay vốn, gửi tiền tiết kiệm và tiền ký quỹ, tiêu thụ sản phẩm, tiếp thị, hỗ trợ phát triển nông nghiệp và các dịch vụ khác.

Để tạo điều kiện cho khu vực HTX phát triển và khuyến khích xuất khẩu, Chính phủ Thái Lan đã ban hành nhiều chính sách thiết thực như chính sách giá, tín dụng nhằm khuyến khích nông dân phát triển sản xuất. Sự hỗ trợ, giúp đỡ của Chính phủ Thái Lan thực sự có hiệu quả trong việc hoạch định các chính sách đối với phát triển khu vực HTX. Thông qua sự trợ giúp của Chính phủ, HTX nông nghiệp, thành viên được vay vốn với lãi suất thấp với thời hạn ưu đãi thích hợp cho việc kinh doanh hoặc sản xuất của họ (Đào Xuân Cần, 2012).

2.2.2. Kinh nghiệm phát triển HTX nông nghiệp ở Việt Nam

2.2.2.1. Quá trình hình thành và phát triển HTX nông nghiệp ở Việt Nam

Tình hình phát triển HTX nông nghiệp giai đoạn 1955 - 1986.

Giai đoạn 1955 - 1986, HTX được xác định là một trong hai hình thức tổ chức kinh tế chính thức ở Việt Nam. Giai đoạn này được coi là giai đoạn bùng nổ của HTX với số lượng HTX nông nghiệp tăng từ 45 HTX năm 1955 lên 17.022 HTX năm 1986. HTX trở thành hình thức tổ chức kinh tế phổ biến thay dần hình thức kinh tế cá thể và

tổ đội sản xuất. Nhiều HTX đã phát triển thành HTX bậc cao có quy mô toàn thôn, toàn xã, thậm chí liên xã, nhất là trong nông nghiệp.

Sự phát triển nhanh chóng về mặt số lượng của HTX trong giai đoạn 1955 - 1986 được giải thích bởi sự đề cao tuyệt đối của Nhà nước đối với kinh tế tập thể, trong khi đó vai trò của kinh tế hộ, kinh tế tư nhân lại bị phủ định. Nghị quyết Hội nghị ban chấp hành Trung ương lần thứ 8 (khóa II) tháng 8 năm 1955 đã đề ra chủ trương xây dựng thí điểm một số HTX nông nghiệp. Trong 3 năm thực hiện thí điểm, nước ta xây dựng được 45 HTX và trên 100.000 tổ đổi công. Cho đến đại hội Đảng VI năm 1986, cùng với việc thực hiện cải tạo nông nghiệp, công thương nghiệp tư bản tư doanh, HTX ở nước ta đã được hình thành ở hầu hết các lĩnh vực, các ngành kinh tế và ở tất cả địa phương.

Sự phát triển nhanh chóng của HTX đã có nhiều đóng góp cho công cuộc giải phóng dân tộc và sự phát triển đất nước. Khu vực HTX đã huy động được các nguồn lực của Nhà nước và nhân dân phục vụ công cuộc kháng chiến chống Mỹ; cải thiện một bước đời sống, bộ mặt của nông thôn, kết cấu hạ tầng khu vực. Tuy vậy, sự phát triển của HTX trong giai đoạn 1955 - 1986 đã bộc lộ một số hạn chế, đặc biệt sau năm 1972, tình hình kinh tế của các HTX nhìn chung còn rất nhiều khó khăn về con người và vật chất.

Ngoài ra, các nguyên tắc cơ bản của HTX như tự nguyện, tự chủ, dân chủ, công bằng, minh bạch cũng không được thực hiện đầy đủ. Thứ nhất, nguyên tắc tự nguyện gia nhập HTX không được coi trọng. Thứ hai, tính tự chủ của HTX không được đảm bảo. Dưới tác động của cơ chế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, bao cấp, Nhà nước kiểm soát toàn bộ các yếu tố sản xuất cũng như phân phối về thu nhập. Ngoài ra, các HTX hoạt động theo điều lệ mẫu thống nhất do Chính phủ quy định. Những can thiệp này đã ảnh hưởng không nhỏ đến nguyên tắc tự chủ của HTX. Thứ ba, hoạt động của HTX thiếu sự công bằng minh bạch cần thiết. Quan hệ lợi ích giữa Nhà nước - HTX - xã viên không được phân định rạch ròi, đặc biệt lợi ích của xã viên và người lao động trong HTX ít được chú trọng.

Nhìn một cách tổng quát, phát triển HTX ở Việt Nam trong thời kỳ 1955 - 1986 mang tính áp đặt cao, các nguyên tắc cơ bản của HTX như tự nguyện, tự chủ, công bằng và minh bạch trong tổ chức và quản lý chưa được thực hiện đầy đủ. Điều này đã

tạo ra một hệ thống HTX lớn về mặt số lượng và quy mô, nhưng không phản ánh được bản chất của HTX.

Tình hình phát triển HTXNN giai đoạn 1987 - 1996

Giai đoạn 1987 - 1996, kinh tế tập thể cùng kinh tế nhà nước được coi là hình thức kinh tế chủ đạo của nền kinh tế, tuy nhiên đây cũng là thời kỳ khó khăn nhất trong quá trình phát triển HTX ở nước ta, số lượng HTX bị giảm mạnh, Sự suy giảm về mặt số lượng của HTX trong giai đoạn 1987 - 1996 một mặt phản ánh những thay đổi về chính sách mặt khác phản ánh sự yếu kém của bộ phận lớn các HTX, cũng như sự phát triển vượt quá yêu cầu về mặt số lượng HTX trong giai đoạn trước 1986. Từ năm 1986, Việt Nam chuyển dần từng bước từ cơ chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang cơ chế kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, coi trọng khuyến khích và tạo điều kiện phát triển kinh tế hộ, kinh tế cá thể, kinh tế tư nhân, coi kinh tế hộ là chủ thể kinh tế tự chủ. Sự chuyển đổi cơ chế kinh tế đã làm giảm dần vai trò và lợi thế của HTX cũng như làm bộc lộ sự yếu kém của HTX.

Sự suy thoái của các HTX trong giai đoạn 1987 - 1996 phản ánh sự lỗi thời của hệ thống HTX hoạt động không phù hợp với nguyên tắc cơ bản của HTX (nguyên tắc tự nguyện, tự chủ, dân chủ) được thành lập trong giai đoạn trước 1986 trong điều kiện kinh tế thị trường. Ngoài ra, sự suy thoái của hệ thống HTX trong thời kỳ này cũng phản ánh rằng, để tồn tại và phát triển bền vững, các HTX cần được thành lập trên cơ sở các nhu cầu chung của thành viên hơn là sự áp đặt của các cơ quan chính quyền.

Tình hình phát triển HTX nông nghiệp giai đoạn 1997 - 2003

Giai đoạn 1997 - 2003, kinh tế Nhà nước cùng với kinh tế tập thể mà nòng cốt là HTX được coi là nền tảng của kinh tế quốc dân trong nền kinh tế nhiều thành phần. Giai đoạn này cũng là giai đoạn thực hiện chuyển đổi hợp tác xã từ mô hình HTX kiểu cũ (mang nặng tính hành chính, bao cấp) sang mô hình HTX kiểu mới (mang nặng tính tự chủ, thị trường) theo Nghị quyết số 13 - NQ/TW ngày 18/3/2002 về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể. Tình hình phát triển HTX trong giai đoạn 1997 - 2003 có một số điểm đáng chú ý sau: thứ nhất, việc giải thể một số lượng lớn HTX khẳng định nếu HTX không hoạt động đúng các nguyên tắc tự nguyện, tự chủ, dân chủ, công bằng và minh bạch sẽ gặp khó khăn trong điều kiện kinh tế thị

trường. Thứ hai, sự ra đời của các HTX mới phản ánh đây là một hình thức tổ chức kinh tế có thể tồn tại và phát triển trong điều kiện thị trường. Thứ ba, các HTX chuyển đổi và thành lập mới theo luật chủ yếu tập trung ở các vùng nông thôn có điều kiện kinh tế khó khăn.

Đặc điểm phát triển của HTX trong giai đoạn 1997 - 2003 khẳng định các HTX không được thành lập trên cơ sở tinh thần tự nguyện của thành viên, không có khả năng tự chủ (không kịp đổi mới) sẽ gặp nhiều khó khăn trong điều kiện kinh tế thị trường. Ngoài ra sự ra đời của một loạt HTX mới và sự phát triển rộng rãi của HTX ở khu vực nông thôn và khu vực khó khăn trong thời kỳ này phản ánh HTX là hình thức tổ chức kinh tế chuyển đổi cần được ưu tiên phát triển đặc biệt là ở khu vực nông thôn và khu vực mà người dân gặp nhiều khó khăn hay bất lợi (Nguyễn Văn Giàu, 2012).

Tình hình phát triển HTX nông nghiệp giai đoạn từ năm 2004 đến nay

Giai đoạn 2004 đến nay đánh dấu sự phục hồi của kinh tế HTX cả về số lượng và chất lượng. Sự phục hồi này phần nào phản ánh những tác động tích cực của Luật HTX sửa đổi năm 2003 đến khu vực kinh tế hợp tác và HTX. Các HTX đã tham gia ngày càng sâu rộng vào nhiều lĩnh vực kinh tế khác nhau, đến cuối năm 2013 cả nước có 370.921 tổ hợp tác, 19.886 hợp tác xã. Trong đó, có 10.086 hợp tác xã nông nghiệp, 3.075 hợp tác xã công nghiệp - thủ công nghiệp, 1.457 hợp tác xã thương mại dịch vụ, 1.090 hợp tác xã giao thông vận tải, 1.146 quỹ tín dụng nhân dân, 761 hợp tác xã xây dựng, 1.529 hợp tác xã dịch vụ điện nước và 857 hợp tác xã khác. Tổng số có 53 liên hiệp hợp tác xã, chủ yếu trong lĩnh vực thương mại dịch vụ, vận tải và nông nghiệp (Liên minh HTX Việt Nam, 2012).

Trong lĩnh vực nông nghiệp, hầu hết các HTXNN đã tổ chức lại hoạt động sản xuất kinh doanh gắn với kinh tế hộ theo hình thức dịch vụ hỗ trợ với các khâu dịch vụ như: thủy lợi, làm đất, bảo vệ thực vật, cung ứng vật tư kỹ thuật, phân bón, cây con giống. Một số HTX đã tổ chức được việc tiêu thụ nông sản hàng hóa cho thành viên. Nhiều HTX cùng với việc tổ chức tốt các hoạt động dịch vụ nông nghiệp đã chú trọng phát triển thêm các ngành nghề sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp và các hoạt động thương mại dịch vụ khác, hình thành hợp tác dịch vụ kinh doanh tổng hợp, tăng cường liên kết kinh tế giữa các HTX với nhau và giữa các hộ thành viên trong HTX

với nhau. Thông qua hoạt động hỗ trợ của HTX nhiều hộ thành viên phát triển sản xuất kinh doanh có hiệu quả, thu nhập và đời sống được cải thiện, số hộ đã giàu lên góp phần không nhỏ trong xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới (Liên minh HTX Việt Nam, 2010).

2.2.2.2. Chủ trương của Đảng và nhà nước về phát triển HTX nông nghiệp

Năm 1945, ngay sau khi cách mạng tháng tám thành công, phong trào HTX của Việt Nam được Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ quan tâm chỉ đạo, tạo điều kiện phát triển. Ngày 11 tháng 4 năm 1956 Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư đến điền chủ nông gia Việt Nam, trong thư đã chỉ rõ: Việt Nam là một nước sống về nông nghiệp. Nền kinh tế của ta lấy canh nông làm gốc. Trong công cuộc xây dựng nước nhà, Chính phủ trông mong vào nông dân, trông cậy vào nông nghiệp một phần lớn. Nông dân ta giàu thì nước ta giàu. Nông nghiệp ta thịnh thì nước ta thịnh. Nông dân muốn giàu, nông nghiệp muốn thịnh thì cần phải có HTX (Lê Hữu Nghĩa - Tạ Ngọc Tấn, 2008).

Trong thời kỳ Đổi mới vừa qua, Đảng đã đề ra nhiều chủ trương và quan điểm về đổi mới tổ chức HTX, Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 5/4/1988 của Bộ chính trị khẳng định: HTX, tập đoàn sản xuất là tổ chức kinh tế tự nguyện của nông dân, hoạt động theo nguyên tắc tự quản lý, tự chịu trách nhiệm về hiệu quả sản xuất - kinh doanh, có tư cách pháp nhân, bình đẳng trước pháp luật. Phải dân chủ hóa, công khai hóa công tác quản lý, phát huy quyền lực tối cao của đại hội thành viên, làm cho thành viên thực sự tham gia vào công tác quản lý sản xuất, kinh doanh của tập thể.

Nghị quyết số 13 - NQ/TW ngày 18 tháng 3 năm 2002, hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, đã xác định:

Kinh tế tập thể với nhiều hình thức hợp tác đa dạng, mà nòng cốt là hợp tác xã, dựa trên sở hữu của các thành viên và sở hữu tập thể, liên kết rộng rãi những người lao động, các hộ sản xuất, kinh doanh, các doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc các thành phần kinh tế, không giới hạn quy mô, lĩnh vực và địa bàn.

Kinh tế tập thể lấy lợi ích kinh tế làm chính, bao gồm lợi ích của các thành viên và lợi ích tập thể, đồng thời coi trọng lợi ích xã hội của thành viên, góp phần xóa đói,

giảm nghèo, tiến lên làm giàu cho các thành viên, phát triển cộng đồng.

Tiếp tục phát triển kinh tế tập thể trong các ngành, lĩnh vực, địa bàn, trong đó trọng tâm là ở khu vực nông nghiệp, nông thôn. Phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp, nông thôn phải trên cơ sở bảo đảm quyền tự chủ của kinh tế hộ, trang trại, hỗ trợ đắc lực cho kinh tế hộ, trang trại phát triển (Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa IX, 2002).

2.2.2.3. Kinh nghiệm phát triển HTX nông nghiệp ở các địa phương trong nước

Kinh nghiệm phát triển HTX nông nghiệp ở thành phố Hà Nội

Hiện nay, toàn Thành phố có 985 HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, trong đó có 908 HTX NN và 77 HTX chuyên ngành nông nghiệp là HTX chăn nuôi; HTX thủy sản; HTX trồng rau, hoa, cây ăn quả, trồng nấm.

Về cơ bản, hiện nay các HTX của thành phố đã có sự chuyển biến tích cực đảm bảo được những dịch vụ thiết yếu có tính cộng đồng cao phục vụ kinh tế hộ nông dân mà không một tổ chức, doanh nghiệp nào có thể thay thế. Các HTX đã làm được các dịch vụ thiết yếu, đáp ứng ngày càng nhiều hơn nhu cầu đa dạng của thành viên.

Bên cạnh những mặt đạt được là rất quan trọng các HTX vẫn còn nhiều những hạn chế, tồn tại và khó khăn. Nhiều HTX chưa tuân thủ theo đúng qui định của Luật HTX. Hoạt động sản xuất, kinh doanh của HTX chưa thiết thực, chưa gắn với thị trường để tăng nhanh thu nhập cho thành viên, tích lũy cho HTX. Hầu hết các HTX quy mô thôn mới chỉ thực hiện được một số dịch vụ đầu vào của sản xuất nông nghiệp, chưa mở rộng sang các dịch vụ khác theo hướng thúc đẩy phát triển kinh tế của thành viên. Cơ sở vật chất kỹ thuật nghèo nàn, trình độ công nghệ thấp: ngoài hệ thống thủy lợi, chỉ có nhà kho và một số máy móc nhỏ, các HTX quy mô thôn không có trụ sở làm việc, không có đất xây cửa hàng dịch vụ và cơ sở chế biến.

Phương hướng phát triển HTX nông nghiệp đến năm 2020: Tổ chức lại các HTXNN từ quy mô thôn thành quy mô xã, cơ bản thực hiện xong việc tổ chức lại các HTX tại 400 xã, thị trấn. HTX được tổ chức lại theo quy mô toàn xã phải đảm bảo hoạt động dịch vụ sản xuất nông nghiệp cho tất cả các hộ nông dân trên địa bàn. Chú trọng phát triển các khâu dịch vụ chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và các dịch vụ xã hội khác của các hộ nông dân có nhu cầu, bảo đảm kinh doanh có lãi, nhưng

đồng thời phải mang lại lợi ích thiết thực cho thành viên và cộng đồng xã hội.

Giải pháp phát triển HTX nông nghiệp đến năm 2020:

Tổ chức tuyên truyền Luật HTX năm 2012 và nội dung đề án: “Tổ chức lại các HTX quy mô thôn thành HTX quy mô toàn xã trên địa bàn thành phố từ nay đến năm 2020” tới cán bộ, Đảng viên, HTX và nông dân nhằm tạo ra sự đồng thuận cao đối với nhiệm vụ đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả khu vực kinh tế tập thể trong nông nghiệp, nông thôn.

Phát triển thành viên đảm bảo trên 70% số hộ nông dân tham gia HTX. Đối với HTX chuyên ngành, vận động hộ trang trại, hộ sản xuất hàng hóa cùng ngành nghề, người lao động và tổ chức doanh nghiệp có quan hệ sản xuất, kinh doanh dịch vụ cùng ngành nghề tham gia HTX.

Thành phố sẽ hỗ trợ 50% kinh phí đào tạo chính quy cho Chủ tịch hội đồng quản trị, Giám đốc, Trưởng Kiểm soát HTX tại trường đào tạo cán bộ Liên minh HTX Việt Nam; hỗ trợ 100% kinh phí bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ cho hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng theo kế hoạch hàng năm.

Thành phố hỗ trợ 100% tiền thuê gian hàng tham gia hội chợ, triển lãm trong nước dành riêng cho khu vực HTX và 50% tham gia ngoài nước; 70% kinh phí xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa; 100% xây dựng và triển khai cổng thông tin điện tử, sàn giao dịch thương mại điện tử cho HTX (Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, 2013).

Kinh nghiệm phát triển HTX nông nghiệp ở tỉnh Hà Tĩnh:

Toàn tỉnh có 453 HTX và 01 Liên hiệp HTX trong đó: HTX nông, lâm, ngư nghiệp: 212 HTX; Dịch vụ điện: 156; Công nghiệp - TTCN: 39; Thương mại dịch vụ: 04; Vận tải - xây dựng: 10; Môi trường: 15; Quỹ tín dụng nhân dân: 14.

Trong tổng số 453 HTX, có 33% khá giỏi, 53% trung bình, 14% làm ăn thua lỗ. Trong lĩnh vực nông nghiệp nhiều HTX đảm đương các khâu dịch vụ cho thành viên và đã có tác dụng trong việc nâng cao năng suất cây trồng, vật nuôi, áp dụng những kiến thức cơ bản về khoa học kỹ thuật, tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế hộ, kinh tế trang trại phát triển, gia tăng sản lượng hàng hóa nông, lâm, thủy sản. Tuy nhiên phần lớn các hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp, năng lực nội tại còn hạn chế, chưa đáp

ứng kịp thời sự phát triển hàng hóa của kinh tế hộ ở nhiều vùng. Do nguồn lực và quy mô nhỏ bé nên khả năng tích lũy để đầu tư phát triển sản xuất còn chậm.

Phương hướng phát triển HTX nông nghiệp đến năm 2020:

Chú trọng xây dựng phát triển HTX, tổ hợp tác ở các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, khuyến khích những HTX tiêu thụ nông sản phẩm, làm giống cây, con đặc biệt những HTX sử dụng công nghệ cao. Cần liên kết với các lâm trường, nông trường, các doanh nghiệp chế biến có nguyên liệu từ nông, lâm nghiệp để tổ chức sản xuất.

Phát triển và củng cố các HTX, tổ hợp tác chế biến thủy sản ở vùng có nghề cá tập trung, vùng nuôi trồng tập trung, các vùng bãi ngang, những nơi có cơ sở hậu cần dịch vụ, có cảng cá, bến cá và chợ cá nhằm để chế biến và tiêu thụ.

Chính sách phát triển HTX nông nghiệp đến năm 2020:

Tập huấn, bồi dưỡng ngăn ngày cho các thành viên hội đồng quản trị, ban giám đốc, ban kiểm soát, tài vụ kế toán, cán bộ chuyên môn kỹ thuật, trưởng bộ phận kinh doanh, tổ trưởng, tổ phó hợp tác đảm bảo đúng nội dung chương trình và chất lượng đào tạo, ngân sách tỉnh sẽ hỗ trợ 100% kinh phí.

Hỗ trợ đào tạo đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp cho các chức danh hội đồng quản trị, ban giám đốc, ban kiểm soát, kế toán trưởng, cán bộ làm công tác chuyên môn nghiệp vụ. Ngân sách Nhà nước hỗ trợ 100% học phí, theo thông báo của nhà trường.

Hỗ trợ kinh phí cho các HTX thành lập mới theo mức ngân sách nhà nước hỗ trợ là 20 triệu đồng/HTX (trong đó ngân sách tỉnh 15 triệu, ngân sách huyện là 5 triệu). Riêng các HTX môi trường, quỹ tín dụng, HTX chế biến hàng nông lâm thủy sản, sản xuất hàng xuất khẩu và các HTX thành lập tại các khu tái định cư là 25 triệu đồng/HTX (trong đó ngân sách tỉnh là 20 triệu, ngân sách huyện là 5 triệu). Hỗ trợ công tác tuyên truyền, vận động thành lập mới, phổ biến giáo dục pháp luật.

Ngân sách tỉnh bố trí 10 tỷ đồng theo lộ trình 5 năm để hình thành nguồn vốn ban đầu quỹ hỗ trợ phát triển HTX. Tạo điều kiện về cơ chế để quỹ huy động các nguồn vốn khác, đảm bảo mức vốn hoạt động của quỹ không ngừng được mở rộng (Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, 2010).

Kinh nghiệm phát triển HTX nông nghiệp ở tỉnh Ninh Bình.

Toàn tỉnh có 258 HTX nông nghiệp đang hoạt động với tổng số 250.072 thành viên, trong đó có 16.232 lao động thường xuyên làm việc tại HTX; có 53/258 quy mô toàn xã; 113/258 HTX có trụ sở (chiếm 43,7%), hầu hết trụ sở các HTX đều xuống cấp, nhiều năm nay không được tu sửa. Năm 2013 tổng doanh thu đạt 159.432 triệu đồng, (bình quân 617 triệu đồng/HTX), trong đó từ hoạt động dịch vụ là 110.540 triệu đồng; một số HTX quy mô nhỏ, hoạt động yếu có doanh thu thấp chỉ đạt từ 10 đến 23 triệu đồng; nộp thuế cho nhà nước là 36.646 triệu đồng; lợi nhuận sau thuế là 2.093 triệu đồng (bình quân có 8,12 triệu đồng/HTX); bình quân lương của giám đốc là 954.700 đồng/tháng. HTX nông nghiệp hiện nay chủ yếu tập trung vào các khâu dịch vụ đầu vào phục vụ sản xuất cho thành viên (như tưới tiêu, bảo vệ, cung ứng giống, vật tư, làm đất...), bình quân mỗi HTX làm được 4 khâu dịch vụ các loại. Trong đó, số HTX có từ 5 dịch vụ trở lên là 96 HTX chiếm 37% tổng số HTX; số HTX có từ 3-4 dịch vụ là 124 HTX chiếm 48%; số HTX chỉ có 1-2 dịch vụ là 31 HTX chiếm 12%, cá biệt có 7 HTX không thực hiện dịch vụ nào.

Tuy nhiên, phần lớn các Hợp tác xã quy mô hoạt động còn nhỏ, thiếu vốn, cơ sở vật chất kỹ thuật nghèo nàn, công nghệ sản xuất, nguồn nhân lực yếu, chưa thực sự là chỗ dựa của kinh tế hộ thành viên, các hoạt động dịch vụ của nhiều HTX chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của kinh tế hộ thành viên.

Phương hướng phát triển HTX nông nghiệp đến năm 2020: Tiếp tục phát triển kinh tế tập thể với nhiều hình thức đa dạng mà nòng cốt là các HTX. Đổi mới các HTX cả về tổ chức, quản lý và hoạt động theo mô hình HTX kiểu mới, không chỉ là tổ chức kinh tế hợp tác tự nguyện mà còn là đơn vị kinh tế hoạt động trong nền kinh tế thị trường, có chức năng kinh tế và xã hội.

Các giải pháp chủ yếu phát triển HTX nông nghiệp đến năm 2020:

Tiếp tục quán triệt và thường xuyên tuyên truyền sâu rộng luật hợp tác xã và các chủ trương, chính sách về phát triển HTX. Qua đó, nâng cao nhận thức cho các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân về vị trí, vai trò, tính tất yếu khách quan của việc phát triển kinh tế tập thể và phát triển HTX. Kien toàn bộ máy

quản lý Nhà nước đối với HTX gắn với quá trình chuyển đổi, tổ chức lại và thành lập HTX. Hàng năm ủy ban nhân dân các cấp, các ngành xây dựng kế hoạch, bố trí kinh phí và tổ chức triển khai thực hiện phát triển kinh tế tập thể ở địa phương, đơn vị, đồng thời kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với kinh tế tập thể.

Tăng cường phát triển thị trường sản phẩm hàng hoá, đặc biệt chú ý thị trường nông thôn, tổ chức các hội chợ đưa hàng Việt về nông thôn nhằm thực hiện tốt việc cung ứng đầu vào cho sản xuất, cung ứng hàng hoá phục vụ cho tiêu dùng đồng thời tiêu thụ các loại nông sản, thực phẩm sản xuất ra.

Phát triển mô hình HTX đầu tư khoa học kỹ thuật để thâm canh và phát triển chiều sâu như: HTX chăn nuôi gia súc gia cầm, HTX rau an toàn, HTX kết hợp sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, HTX trang trại, HTX sản xuất nấm,...từng bước hình thành Liên hiệp HTX sản xuất nấm, tạo điều kiện khẳng định và xây dựng thương hiệu Nấm Ninh Bình.

Phát triển HTX ở một số lĩnh vực như chợ, môi trường, dịch vụ tổng hợp; khuyến khích phát triển HTX dịch vụ ở những địa phương có tiềm năng du lịch, tuyên truyền, hướng dẫn thành lập mô hình HTX du lịch cộng đồng;

Cán bộ, thành viên HTX có đủ điều kiện đi học các trường đại học, cao đẳng trung học chuyên nghiệp có cam kết làm việc cho HTX ít nhất 5 năm sau khi tốt nghiệp, được ngân sách Nhà nước hỗ trợ 50% học phí theo quy định của trường. Tỉnh tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ chức danh gồm: thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán HTX và cán bộ nghiệp vụ HTX từ nguồn ngân sách địa phương (Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình, 2014).

Kinh nghiệm phát triển HTX nông nghiệp ở tỉnh Hưng Yên.

HTXNN hiện có 179 HTX, chiếm 57,4% tổng số HTX toàn tỉnh, thu hút 14.856 thành viên. HTX nông nghiệp duy trì được nhiều hoạt động giúp đỡ kinh tế hộ phát triển, đó là: Hướng dẫn các hộ nông dân thực hiện lịch thời vụ, tiếp nhận và tổ chức nhân giống mới và các tiến bộ kỹ thuật nông nghiệp để chuyển giao kịp thời cho các hộ nông dân sản xuất.

Tuy nhiên HTX trong lĩnh vực nông nghiệp còn nhiều khó khăn như: mức vốn

góp của thành viên thấp, tích lũy của HTX còn quá ít, nên hiệu quả sản xuất kinh doanh còn thấp và chỉ có khoảng 30% số HTX nông nghiệp có mức lãi từ 40 triệu đồng/năm trở lên, đội ngũ cán bộ quản lý còn hạn chế về trình độ, năng lực quản lý, có 80% số HTX chưa có trụ sở.

Giải pháp phát triển HTX nông nghiệp đến năm 2020:

Kiện toàn tổ chức quản lý, tổ chức hoạt động theo các quy định của Luật. Xây dựng mô hình hoạt động theo hướng “Mô hình HTX sản xuất kinh doanh dịch vụ tổng hợp”. Tập trung vào nâng cao năng lực và hiệu quả các hoạt động, mở rộng và phát triển thêm các hoạt động mới; tăng cường vốn, quỹ.

Giúp các HTX xác định rõ ràng về thành viên, tư cách thành viên tham gia HTX; về vốn quỹ (vốn góp, phương thức và cơ chế huy động vốn); về sở hữu trong HTX.

Nâng cao vai trò của HTX trong việc liên kết, hợp tác giữa thành viên với nhau; HTX với thành viên; HTX với các thành phần kinh tế khác (Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên, 2014).

2.2.2.4. Bài học kinh nghiệm về phát triển HTX nông nghiệp trên thế giới và các địa phương trong nước

Từ kinh nghiệm về phát triển HTX nông nghiệp của một số nước trên thế giới và các địa phương trong nước, chúng tôi rút ra những bài học kinh nghiệm sau:

Phát triển HTX nông nghiệp là yêu cầu khách quan đối với sự phát triển: Phát triển kinh tế hợp tác xã và HTX là một yêu cầu khách quan của sự phát triển. Trên thực tế HTX không có nhiều đóng góp cho tăng trưởng, tuy nhiên HTX cần được coi là nhân tố tạo ra sự ổn định cho sự phát triển bền vững, đáp ứng nhu cầu kinh tế, văn hóa xã hội của thành viên, nhiều người có hoàn cảnh bất lợi.

HTX nông nghiệp cần được coi là công cụ quan trọng đảm bảo an sinh xã hội và phát triển cộng đồng: HTX là hình thức tổ chức kinh tế - xã hội cần được ưu tiên phát triển đặc biệt ở khu vực nông thôn là khu vực mà người dân gặp nhiều khó khăn hay bất lợi. Chính vì vậy, HTX cần được coi là tổ chức đảm bảo an sinh xã hội cho người nghèo. HTX có thể thực hiện rất tốt vai trò bảo đảm mức sống tối thiểu, tạo công ăn việc làm, ưu đãi xã hội và trợ giúp xã hội.

Phát triển HTX nông nghiệp cần bảo đảm các nguyên tắc tự nguyện, tự chủ, dân chủ, công bằng, minh bạch trong tổ chức và hoạt động của HTX: Xây dựng HTX phải xuất phát từ nhu cầu của nông dân, bảo đảm nguyên tắc tự nguyện gia nhập và ra HTX. Tránh chủ quan, nóng vội, gò ép, áp đặt từ trên xuống. Phát triển HTX trên cơ sở thu hút nhiều thành viên có tiềm lực kinh tế, có năng lực kinh doanh bao gồm cả thể nhân và pháp nhân như: Trang trại, HTX, doanh nghiệp và các trung tâm nghiên cứu chuyển giao khoa học công nghệ tham gia vào HTX. Đồng thời một thành viên có thể tham gia nhiều HTX.

Phát triển đa dạng các loại hình HTX như: HTX dịch vụ một số khâu sản xuất cho thành viên, HTX dịch vụ kết hợp sản xuất kinh doanh tổng hợp, HTX chuyên ngành trong các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp và HTX bảo quản, chế biến nông sản thực phẩm.

Phát triển HTX cần gắn với việc đáp ứng nhu cầu hàng hóa, dịch vụ của thành viên và tạo công ăn việc làm cho người lao động: HTX cần được phát triển theo hướng tạo công ăn việc làm cho người lao động hoặc cung cấp hàng hóa dịch vụ cho thành viên. Các HTX thực hiện chức năng chủ yếu của mình là làm dịch vụ cho sản xuất của các hộ gia đình tạo điều kiện cho các hộ gia đình sản xuất tốt nhất. Mục đích chủ yếu của HTX là phục vụ sản xuất nông nghiệp của các hộ gia đình thành viên chứ không phải kinh doanh kiếm lãi thuần túy.

Phát triển HTX nông nghiệp đòi hỏi sự trợ giúp đặc biệt từ nhà nước: HTX là một khu vực yếu kém và đang gặp rất nhiều khó khăn về nội lực như vốn, cơ sở vật chất và hiệu quả kinh doanh. HTX cần được hưởng các ưu đãi của Nhà Nước thông qua các chính sách riêng đối với HTX về thuế thu nhập, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, vốn, đất đai, phát triển cơ sở hạ tầng.

3. ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN CỦA HUYỆN YÊN PHONG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm cơ bản của huyện Yên Phong

3.1.1. Điều kiện tự nhiên

Yên Phong là huyện nằm ở phía Tây Bắc của tỉnh Bắc Ninh trong vùng đồng bằng Sông Hồng, với 14 đơn vị hành chính gồm 01 thị trấn và 13 xã.

Bảng 3.1-Hiện trạng sử dụng đất của huyện Yên Phong năm 2014

Thứ tự	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	Tổng diện tích đất tự nhiên		9.686,15	100,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	6.120,16	63,18
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	5.720,91	59,06
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	5.720,91	59,06
1.2	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	399,25	4,12
1.3	Đất nông nghiệp khác	NKH		0,00
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	3.531,68	36,46
2.1	Đất ở	OTC	920,5	9,50
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	837,25	8,64
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	83,25	0,86
2.2	Đất chuyên dùng	CDG	1.919,3	19,81
2.2.1	Đất trụ sở cơ quan	CTS	17,01	0,18
2.2.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	6,13	0,06
2.2.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi NN	CSK	478,69	4,94
2.2.4	Đất có mục đích công cộng	CCC	1.417,47	14,63
2.3	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN	22,33	0,23
2.4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	98,65	1,02
2.5	Đất sông suối và mặt nước	SNM	570,69	5,89
2.6	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,21	0,00
3	Đất chưa sử dụng	CSD	34,31	0,35

Nguồn: Phòng tài nguyên và môi trường huyện Yên Phong

Phía Bắc giáp huyện Hiệp Hoà và Việt Yên tỉnh Bắc Giang.

Phía Nam giáp thị xã Từ Sơn và huyện Tiên Du.

Phía Đông giáp thành phố Bắc Ninh.

Phía Tây giáp huyện Đông Anh và Sóc Sơn thành phố Hà Nội.

Diện tích tự nhiên của huyện Yên Phong là 9.686,15 ha và được sử dụng cho các mục đích sau:

Đất nông nghiệp: 6.120,16 ha, chiếm 63,2 % diện tích tự nhiên;

Đất phi nông nghiệp: 3.531,68 ha, chiếm 36,5 % diện tích tự nhiên;

Đất chưa sử dụng: 34,31 ha, chiếm 0,3 % diện tích tự nhiên;

Tình hình sử dụng đất được thể hiện cụ thể qua bảng 3.1

3.1.2. Đặc điểm kinh tế - xã hội

3.1.2.1. Tình hình phát triển kinh tế

Trong 5 năm qua , kinh tế của huyện tăng trưởng cao, bình quân 5 năm là 19,9%. Quy mô nền kinh tế tăng nhanh, năm 2014 giá trị tổng sản phẩm của huyện đạt 1837,5 tỷ đồng. Thu nhập bình quân đầu người đạt 16,9 triệu đồng ,tăng 2,37 lần so với năm 2010. Giá trị sản xuất công nghiệp là 1 616 tỷ đồng, giá trị sản xuất nông nghiệp 366 tỷ, giá trị sản xuất khu vực dịch vụ 326 tỷ, thu ngân sách 91,17 tỷ đồng. Giá trị sản xuất trên 1 ha canh tác đạt 70 triệu đồng , tăng 17,2 % so với năm 2010 (Ủy ban nhân dân huyện Yên Phong, 2013).

Bảng 3.2- Hiện trạng cơ cấu kinh tế huyện Yên Phong

Cơ cấu	Đơn vị tính : %				
	2010	2011	2012	2013	2014
Nông nghiệp	66,9	51,9	41,9	32,2	22,2
Công nghiệp-Xây dựng	17,6	25,6	29,6	37,9	53,4
Dịch vụ	15,5	22,5	28,5	29,9	24,4
Tổng cộng	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0

Nguồn: Chi cục Thống kê huyện Yên Phong

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, năm 2010 giá trị sản xuất công nghiệp xây dựng chiếm 17,6% giá trị tổng sản phẩm của huyện, đã tăng lên

53,4% năm 2014 ; giá trị dịch vụ năm 2010 chiếm tỷ lệ 15,5% đã tăng lên 24,4% năm 2014. Trong khi đó giá trị sản xuất nông nghiệp giảm từ 66,9% năm 2010 xuống còn 22,2% năm 2014, thể hiện qua bảng 3.2.

- Ngành nông nghiệp

Giá trị sản xuất khu vực nông nghiệp (theo giá cố định năm 1994) ước đạt 366 tỉ đồng; trong đó: trồng trọt 161 tỉ đồng (chiếm 44%), chăn nuôi - thủy sản 193,3 tỉ đồng (chiếm 52,8 %), dịch vụ nông nghiệp 11,7 tỉ đồng (chiếm 3,2 %).

Trồng trọt: Tổng diện tích gieo trồng hàng năm có xu hướng giảm dần trong những năm gần đây. Diện tích gieo trồng năm 2014 đạt 6.120 ha, giảm 463 ha so với năm 2010. Tuy nhiên do đẩy mạnh việc đầu tư, thâm canh, tăng vụ. áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào trong sản xuất nên năng suất, sản lượng các loại cây trồng vẫn tăng lên , bình quân giai đoạn 2010 – 2014 tăng 6,86%, thể hiện qua bảng 3.3.

Chăn nuôi: Trong những năm qua, chăn nuôi ở Yên Phong đã được quan tâm đầu tư, phát triển. Tỷ trọng chăn nuôi tăng dần trong cơ cấu ngành nông nghiệp , từ 45% năm 2010 lên 51% năm 2014, thể hiện qua bảng 3.4.

Nuôi trồng thủy sản: Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản của huyện năm 2014 đạt 433 ha, tăng gấp 1,11 lần so với năm 2010. Tổng sản lượng nuôi trồng thủy sản năm 2014 đạt 2.753 tấn tăng gấp 1,18 lần so với năm 2010.

Từ phát triển sản xuất nông nghiệp của Huyện Yên Phong trong những năm qua, tạo tiền đề phát triển nhiều loại hình HTX chuyên ngành trong sản xuất nông nghiệp như: HTX sản xuất kinh doanh lúa chất lượng cao, HTX sản xuất kinh doanh khoai tây, HTX sản xuất kinh doanh rau an toàn, HTX chăn nuôi gia cầm cung cấp trứng, HTX chăn nuôi lợn thịt, HTX nuôi thả cá.....nhằm cung cấp sản phẩm cho các doanh nghiệp tại khu công nghiệp Yên Phong.

Bảng 3.3- Diện tích, năng suất, sản lượng một số cây trồng chính

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	2010	2011	2012	2013	2014
1.Lúa xuân						
Diện tích	Ha	5.542,0	5.394,0	5.282,0	5.207,0	5.193,0
Năng suất	Tạ/ha	55,2	63,0	63,8	64,5	69,1
Sản lượng	Tạ	305.918,4	339.822,0	336.991,6	335.851,5	358.836,3
2.Lúa mùa						
Diện tích	Ha	5.535,0	5.414,0	5.320,0	5.202,0	5.133,0
Năng suất	Tạ/ha	54,0	50,4	53,5	52,7	55,5
Sản lượng	Tạ	298.890,0	272.865,6	284.620,0	274.145,4	284.881,5
3. Rau, củ các loại						
Diện tích	Ha	1.138,9	710,0	861,0	366,0	231,7
Năng suất	Tạ/ha	240,0	272,0	213,9	203,7	202,0
Sản lượng	Tạ	273.336,0	193.120,0	184.167,9	74.554,2	46.803,4
4.Khoai lang						
Diện tích	Ha	204,7	241,0	101,0	58,0	59,4
Năng suất	Tạ/ha	125,0	119,0	100,3	100,0	65,0
Sản lượng	Tạ	25.587,5	28.679,0	10.130,3	5.800,0	3.861,0
5. Khoai tây						
Diện tích	Ha	240,0	272,0	238,0	341,0	345,0
Năng suất	Tạ/ha	118,0	119,8	148,0	108,2	110,0
Sản lượng	Tạ	28.320,0	32.585,6	35.224,0	36.896,2	37.950,0

Nguồn: Chi cục Thống kê huyện Yên Phong

Bảng 3.4- Cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp

Năm	Tổng số (tr.đồng)	Chia ra			Tổng	Cơ cấu %		
		Trồng trọt	Chăn nuôi	Dịch vụ		Trồng trọt	Chăn nuôi	Dịch vụ
2010	300.045	156.755	134.895	8.395	100	52	45	3
2011	302.123	159.478	141.607	1.038	100	53	47	0
2012	246.174	141.190	97.979	7.005	100	57	40	3
2013	290.380	141.606	141.297	7.477	100	49	49	3
2014	333.157	155.843	169.736	7.578	100	47	51	2

Nguồn: Chi cục Thống kê huyện Yên Phong

- Ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

Giá trị sản xuất công nghiệp năm 2014 (giá cố định năm 1994) đạt 1.616 tỷ đồng, tăng 37,1%/năm đưa Yên Phong từ một huyện thuần nông sang phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại hoá.

Ngoài công nghiệp của huyện, trên địa bàn huyện có khu công nghiệp Yên Phong với diện tích: 665 ha nằm trên địa bàn các xã: Yên Trung, Đông Tiến, Long Châu và Đông Phong. Hiện đã có 72 nhà đầu tư, trong đó có 63 nhà đầu tư nước ngoài, chủ yếu là Hàn Quốc. Tổng vốn đăng ký là 4,7 tỷ USD chiếm hơn 50% nguồn vốn đầu tư vào các khu công nghiệp tập trung trên địa bàn tỉnh. Hiện có 55 doanh nghiệp đi vào hoạt động, giải quyết việc làm cho 61.000 lao động công nghiệp và 4.000 lao động dịch vụ gián tiếp. Năm 2014 đã tạo giá trị hơn 230 nghìn tỷ đồng, xuất khẩu hơn 13 tỷ USD, nộp ngân sách 3.091 tỷ đồng (Cục thống kê Bắc Ninh, 2012).

- Ngành thương mại, dịch vụ

Lĩnh vực thương mại, dịch vụ phát triển theo hướng đáp ứng tốt hơn các nhu cầu về sản xuất kinh doanh và phục vụ đời sống nhân dân. Tổng mức mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ năm 2014 đạt trên 800 tỷ đồng tăng bình quân 16,4% tăng 1,7 lần so với năm 2010.

3.1.2.2. Dân số và lao động

Tính đến ngày 31/12/2014, dân số của huyện Yên Phong là 151.700 người, mật độ dân số trung bình là 1.567 người/km². Trong đó khu vực nông thôn có 136.478 người chiếm 89,9% dân số; khu vực thành thị 15.222 người chiếm 10.1%. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm từ 1,45% năm 2010 xuống còn 1,37% năm 2014.

Tổng số lao động năm 2014 là 70.100 lao động chiếm 46,2% dân số, so với năm 2010 tăng 6.149 lao động. Hiện nay, lao động nông nghiệp chiếm 66,5%, các ngành kinh tế khác chiếm 33,5%. Tỷ lệ lao động được đào tạo chiếm khoảng 26,9% và số lao động thiếu việc làm ở nông thôn chiếm 27% so với tổng số lao động. Điều đó chứng tỏ rằng ở khu vực nông nghiệp chất lượng lao động chưa cao (Cục thống kê Bắc Ninh niên giám Thống kê Bắc Ninh, 2013).

3.1.2.3. Đánh giá chung về tình hình phát triển kinh tế - xã hội

Thuận lợi:

Đất đai đa dạng thích hợp với nhiều loại cây trồng có giá trị cao, khí hậu, thủy văn điều hoà đảm bảo cho một nền sản xuất nông nghiệp phát triển tương đối ổn định và bền vững.

Yên Phong nằm trong khu vực vùng kinh tế trọng điểm khu vực đồng bằng bắc bộ với mạng lưới giao thông thuận tiện cho việc lưu thông hàng hoá. Tạo tiền đề cho các HTX NN mở rộng liên doanh liên kết giữa HTX với doanh nghiệp trên địa bàn trong và ngoài tỉnh.

Khó khăn

Dân số nông thôn năm 2014 là: 136.478 người chiếm tỷ lệ 89,9% tổng dân số của huyện, lao động nông nghiệp chiếm 66.5% và lao động trong lĩnh vực công nghiệp dịch vụ chiếm 33.5%, tuy nhiên lao động trong nông nghiệp chủ yếu là lao động trên 40 tuổi, đây vừa là áp lực cho việc giải quyết việc làm nông thôn vừa là trở ngại trong việc chuyển giao ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp.

Diện tích đất nông nghiệp trên đầu người thấp, bình quân 403m²/người, dẫn đến qui mô đất nông nghiệp ở các HTX nông nghiệp rất thấp, bình quân 74.6 ha/HTX. Đây là yếu tố gây khó khăn cho mở rộng sản xuất nông nghiệp của các HTX và nguồn thu từ các hoạt động dịch vụ phục vụ sản xuất của HTX.

Một số vùng nông sản thực phẩm đã được hình thành như: vùng lúa nếp, vùng khoai tây, vùng rau xanh, vùng chăn nuôi gia cầm ở các xã Tam Giang, Dũng Liệt, Yên Phụ, Hòa Tiến. Song hiện tại qui mô còn nhỏ số lượng sản phẩm còn ít và chưa đáp ứng được các tiêu chuẩn của doanh nghiệp. Đây là yếu tố cản trở đến việc mở rộng dịch vụ tiêu thụ nông sản thực phẩm cho hộ nông dân.

3.2. Phương pháp nghiên cứu

3.2.1. Nguồn số liệu

3.2.1.1. Số liệu thứ cấp

Số liệu thứ cấp là các số liệu thông tin năm 2014, được sử dụng nguồn số liệu của cơ quan nhà nước như: Cục thống kê Bắc Ninh, Chi cục thống kê huyện Yên Phong, Liên minh HTX tỉnh Bắc Ninh, UBND huyện Yên Phong, Chi cục thống kê huyện Yên Phong và phòng Tài nguyên môi trường huyện Yên Phong.

3.2.1.2. Số liệu sơ cấp:

Nguồn số liệu sơ cấp là số liệu kết quả điều tra tại thời điểm năm 2014 ở 30 HTX thuộc 14 xã, thị trấn và chiếm 37,5% tổng số HTX (82 HTX). Phân loại theo mô hình HTX là:

- HTX dịch vụ nông nghiệp: 25 HTX chiếm 34,4% tổng số HTX dịch vụ nông nghiệp

- HTX chuyên ngành: 5 HTX chiếm 50% tổng số HTX chuyên ngành.

Trong số 25 HTX dịch vụ nông nghiệp có 5 HTX loại khá chiếm 50 % so với HTX loại khá và 20 HTX loại trung bình chiếm 34,4% so với HTX loại trung bình

Số HTX lựa chọn điều tra phỏng vấn thuộc các xã là HTX có tính đại diện cho từng loại hình HTX như HTX dịch vụ sản xuất kinh doanh tổng hợp và HTX dịch vụ đơn thuần. Đây cũng là những HTX thể hiện rõ các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình hình thành và phát triển HTX nông nghiệp.

Số lượng HTX lựa chọn điều tra phỏng vấn thể hiện qua bảng 3.5

Từ 30 HTX được lựa chọn, tiến hành trực tiếp lấy thông tin theo mẫu phiếu phỏng vấn. Tổng số 300 phiếu, trong đó có 270 phiếu phỏng vấn hộ và 30 phiếu phỏng vấn giám đốc HTX. Cụ thể là:

- Phiếu phỏng vấn chủ hộ thành viên HTX: 270 phiếu, bình quân 9

phiếu/HTX.(mẫu phiếu theo phụ lục 01)

- Phiếu phỏng vấn giám đốc HTX: 30 phiếu, bình quân 1 phiếu/HTX (mẫu phiếu theo phụ lục 02)

Nội dung phiếu điều tra phỏng vấn chủ hộ thành viên HTX gồm các nhóm thông tin sau:

Nhóm 1: thông tin chung về hộ như họ tên chủ hộ, số khẩu, số lao động, hình thức sản xuất kinh doanh.

Nhóm 2: vai trò của hộ thành viên đối với HTX như viết đơn tự nguyện tham gia HTX, góp vốn điều lệ, tham gia các kỳ họp của HTX, ý kiến đóng góp xây dựng HTX, trả phí dịch vụ khi sử dụng dịch vụ của HTX.

Nhóm 3: các dịch vụ được tiếp cận và đánh giá nhận xét về các loại hình dịch vụ như xây dựng mô hình, tập huấn đào tạo, thăm quan học tập. Đánh giá mức độ đáp ứng các loại dịch vụ của HTX so với nhu cầu của hộ bao gồm: chỉ đạo sản xuất, thủy nông, bảo vệ thực vật, thú y, khuyến nông, bảo vệ đồng điền, cung ứng giống vật tư, làm đất, thu hoạch và tiêu thụ sản phẩm.

Nhóm 4: nhu cầu của hộ trong thời gian tới như tư vấn về chính sách pháp luật, kỹ thuật, thị trường. Nhu cầu cần HTX cung cấp các loại dịch vụ nào.

Nhóm 5: sự hài lòng của thành viên đối với hoạt động của HTX hiện nay. Yêu cầu của thành viên về mục tiêu hoạt động của HTX trong giai đoạn 2015 -2020.

Nhóm 6: đánh giá về quy mô HTX hiện nay là phù hợp hoặc không phù hợp.

Nhóm 7: những kiến nghị đề xuất của chủ hộ đối với huyện và HTX.

Nội dung phiếu điều tra phỏng vấn giám đốc về hoạt động của HTX nông nghiệp bao gồm các nhóm thông tin:

Nhóm 1: thông tin chung về HTX như tên HTX, địa chỉ, loại hình HTX, quy mô HTX, năm thành lập hoặc chuyển đổi HTX.

Nhóm 2: tình hình cơ bản của HTX như tình hình cán bộ quản lý HTX, trình độ chuyên môn cán bộ HTX, số lượng thành viên HTX, tài sản và nguồn vốn của HTX.

Nhóm 3: kết quả hoạt động dịch vụ của HTX như các loại dịch vụ HTX đảm nhận, đơn giá các loại phí dịch vụ, doanh thu từ các loại dịch vụ.

Bảng 3.5- Số lượng HTX NN lựa chọn điều tra phỏng vấn

TT	Tên xã	Tổng số HTX	Số HTX điều tra	Phân ra			
				HTX DVNN		HTX chuyên ngành	
				Tổng số	Số HTX	Tổng số	Số HTX
				HTX	điều tra	HTX	điều tra
1	Yên Phụ	6	3	5	2	1	1
2	Hòa Tiến	7	3	5	2	2	1
3	Tam Giang	5	2	5	2		
4	Đông Tiến	6	2	5	2	1	
5	Yên Trung	11	3	9	2	2	1
6	Dũng Liệt	6	3	5	2	1	1
7	Tam Đa	4	1	4	1		
8	Thụy Hòa	4	2	4	2		
9	Đông Phong	4	2	4	2		
10	Long Châu	5	3	4	2	1	1
11	Trung Nghĩa	5	2	5	2		
12	Đông Thọ	8	2	7	2	1	
13	Văn Môn	5	1	5	1		
14	T.T Chờ	6	1	5	1	1	
	<i>Cộng</i>	82	30	72	25	10	5

Nhóm 4: kết quả kinh doanh của HTX như tổng doanh thu, lãi, trích lập các quỹ, thu nhập bình quân của lao động thường xuyên/tháng, thu nhập bình quân của từng loại cán bộ quản lý HTX/tháng, hình thức phân phối của HTX.

Nhóm 5: sự liên kết của HTX với HTX và doanh nghiệp trong thực hiện các dịch vụ phục vụ sản xuất kinh doanh của hộ thành viên HTX

Nhóm 6: thực hiện các chính sách hỗ trợ của nhà nước đối với HTX như chính sách hỗ trợ khuyến khích thành lập mới HTX, chính sách bồi dưỡng đào tạo, đất đai, thuế, thành lập quỹ hỗ trợ phát triển HTX và các chính sách khác. Nhu cầu của HTX

về các chính sách hỗ trợ của nhà nước.

Nhóm 7: những khó khăn và kiến nghị đề xuất của HTX.

3.2.2. Phương pháp sử dụng số liệu

3.2.2.1. Phương pháp thống kê kinh tế

Phương pháp này được sử dụng để nghiên cứu các hiện tượng xã hội số lớn, ở nhiều nơi nhiều lúc. Phương pháp này dùng để nghiên cứu tổng hợp các văn kiện , Nghị quyết của Đảng và Nhà nước về phát triển HTX NN, các văn bản, chính sách và hệ thống pháp luật cũng như các số liệu về kinh tế hợp tác từ các cơ quan Nhà nước để đánh giá hiện trạng của HTX NN, sự phát triển và xu hướng phát triển của HTX NN.

3.2.2.2. Phương pháp chuyên khảo.

Là phương pháp nghiên cứu đi sâu vào đơn vị điển hình, đặc biệt là các điển hình tiên tiến. Phương pháp này dùng để nghiên cứu đánh giá kết quả hoạt động của từng hợp tác xã đại diện cho các vùng của huyện Yên Phong.

3.2.2.3. Phương pháp chuyên gia

Là phương pháp nghiên cứu dựa trên cơ sở thu nhập của các ý kiến chuyên gia để làm sáng tỏ về thực trạng phát triển HTX NN hiện nay và định hướng phát triển HTX NN trong thời gian tới.

3.2.2.4. Phương pháp PRA

PRA là một phương pháp có sự tham gia đồng tình của người dân, là một phần căn bản trong việc xây dựng kế hoạch đề án, điều đó duy trì được các kỹ thuật địa phương cũng như duy trì các hệ thống bền vững của sinh thái, kinh tế, chính sách và những khởi điểm phát triển bền vững thật sự đó sẽ hợp thành những cách tiếp cận mà chính cộng đồng địa phương có thể quản lý và kiểm soát. Phương pháp này được sử dụng nghiên cứu, đánh giá kết quả dịch vụ của HTX cho sản xuất kinh doanh của các hộ thành viên và đánh giá mức độ hài lòng của thành viên đối với HTX.

4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

4.1. Đánh giá thực trạng phát triển HTX NN ở huyện Yên Phong giai đoạn 2004 - 2014.

4.1.1. Thực trạng phát triển về số lượng HTX NN

4.1.1.1 Tình hình số lượng HTX NN từ năm 2004 đến năm 2014.

Sau khi luật HTX 2003 được ban hành và có hiệu lực, các HTX nông nghiệp trên địa bàn huyện Yên Phong đã chuyển đổi hoạt động theo luật HTX. Số lượng HTX qua các năm được thể hiện ở bảng 4.1.

Bảng 4.1- Tình hình số lượng HTX NN từ năm 2004 đến năm 2014

TT	Tên Xã, thị trấn	Số lượng HTX phân ra các năm (HTX)				
		2004	2006	2008	2010	2014
1	Yên Phụ	1	1	5	6	6
2	Hòa Tiến	2	2	5	7	7
3	Tam Giang	1	5	5	5	5
4	Đông Tiến	2	2	5	6	6
5	Yên Trung	3	3	9	9	11
6	Dũng Liệt	2	2	5	5	6
7	Tam Đa	1	1	4	4	4
8	Thụy Hòa	1	1	4	4	4
9	Đông Phong	1	2	2	4	4
10	Long Châu	1	2	2	4	5
11	Trung Nghĩa	2	2	5	5	5
12	Đông Thọ	1	2	3	7	8
13	Văn Môn	1	2	2	5	5
14	T.T Chờ	2	2	5	5	6
	Cộng	21	29	61	76	82

Nguồn: Liên minh HTX tỉnh Bắc Ninh

Bảng 4.2- Số lượng HTX NN trên địa bàn huyện yên phong năm 2014

TT	Tên Xã, thị trấn	Số thôn (thôn)	Tổng số HTX NN (HTX)	Phân ra	
				HTX DVNN	HTX chuyên ngành
1	Yên Phụ	5	6	5	1
2	Hòa Tiến	5	7	5	2
3	Tam Giang	5	5	5	
4	Đông Tiến	5	6	5	1
5	Yên Trung	9	11	9	2
6	Dũng Liệt	5	6	5	1
7	Tam Đa	4	4	4	
8	Thụy Hòa	4	4	4	
9	Đông Phong	4	4	4	
10	Long Châu	4	5	4	1
11	Trung Nghĩa	5	5	5	
12	Đông Thọ	7	8	7	1
13	Văn Môn	5	5	5	
14	T.T Chờ	5	6	5	1
	<i>Cộng</i>	72	82	72	10

Nguồn: Liên minh HTX tỉnh Bắc Ninh

Trong giai đoạn 2004 - 2014, các HTX NN của huyện Yên Phong không ngừng tăng lên. Từ 21 HTX được chuyển đổi đầu tiên để hoạt động theo luật HTX 2003 đã tăng lên 76 HTX năm 2010 và 82 HTX năm 2014. Trong giai đoạn này, có 21 HTX được chuyển đổi từ mô hình HTX cũ sang, có 51 HTX mới được chia tách từ HTX qui mô toàn xã và qui mô liên thôn, có 10 HTX được thành lập mới. Trong số 10 HTX thành lập mới có: 06 HTX chăn nuôi lợn và chăn nuôi gia cầm; có 02 HTX nuôi trồng thủy sản; có 01 HTX sản xuất kinh doanh nấm và 01 HTX sản xuất kinh doanh tổng hợp trong lĩnh vực nông nghiệp. Như vậy, HTX được thành lập mới chủ yếu là HTX chuyên ngành trong các lĩnh vực: Trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản.

Qua bảng 4.2 cho thấy, trong tổng số 82 HTX có 72 HTX DV NN chiếm 87,8% và có HTX chuyên ngành chiếm 12,2% tổng số HTX. Số HTX DV NN được phân bố đều ở các xã, thị trấn và theo địa bàn thôn. Toàn huyện có 14 xã, thị trấn và 72 thôn, tương ứng 72 thôn là 72 HTX DV NN.

4.1.1.2. Tình hình biến động số lượng HTX NN theo loại hình HTX

Theo số liệu điều tra năm 2014, loại hình tổ chức hoạt động của HTX NN ở huyện Yên Phong được phân thành 3 loại hình sau: HTX dịch vụ đơn thuần, HTX dịch vụ kinh doanh tổng hợp và HTX chuyên ngành.

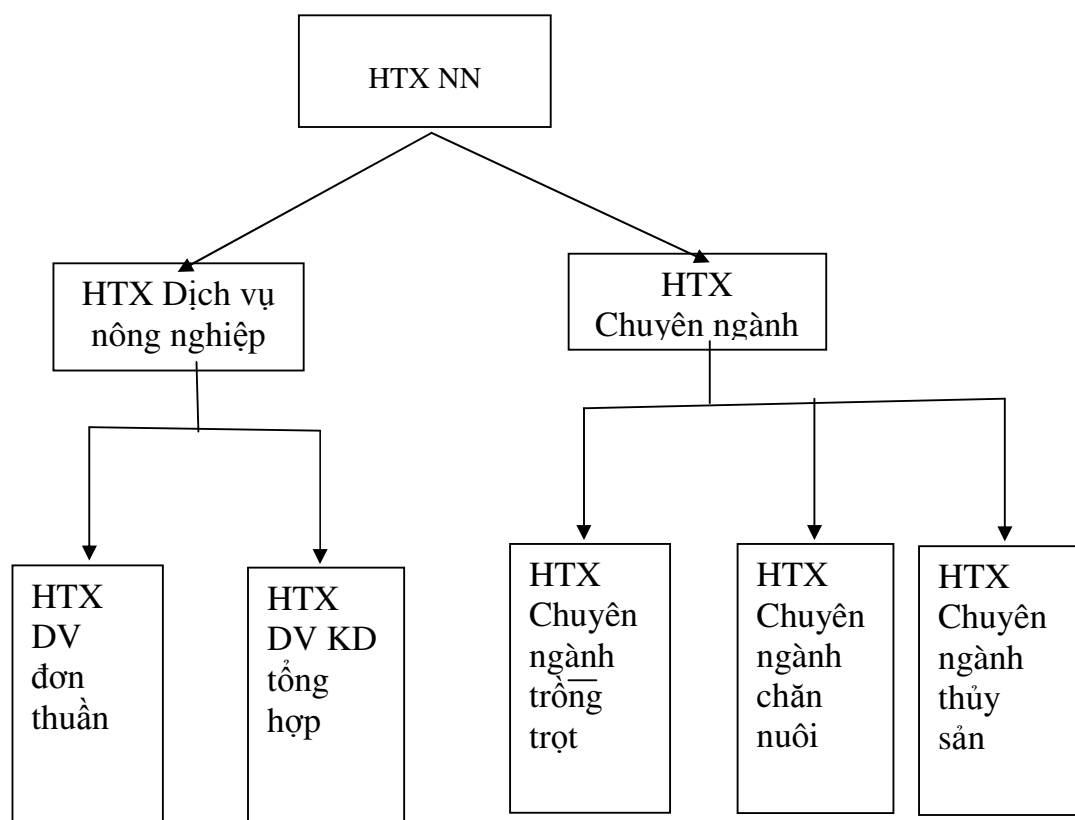
HTX dịch vụ đơn thuần: Là HTX chỉ làm được 2 - 3 khâu dịch vụ thiết yếu mang tính phục vụ cộng đồng trên địa bàn thôn như: Dịch vụ thủy nông, dịch vụ bảo vệ thực vật, dịch vụ bảo vệ đồng ruộng. Các khâu dịch vụ của HTX hoạt động không có lãi chỉ phục vụ sản xuất của hộ thành viên là chính.

HTX dịch vụ kinh doanh tổng hợp: Ngoài việc bảo đảm từ 3 - 4 khâu dịch vụ thiết yếu cho hộ thành viên, các HTX còn huy động vốn để tổ chức sản xuất kinh doanh tổng hợp tạo ra lợi nhuận cao hơn. Qua đó các HTX có điều kiện cung cấp dịch vụ cho thành viên tốt hơn. HTX có xu hướng mở rộng hoạt động sang lĩnh vực khác như kinh doanh thương mại, dịch vụ tín dụng nội bộ, kinh doanh khai thác và quản lý chợ...

HTX chuyên ngành: Là HTX tổ chức sản xuất kinh doanh và phục vụ sản xuất kinh doanh cho các hộ thành viên thuộc các ngành như trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản. Các HTX này đã đáp ứng yêu cầu sản xuất hàng hóa theo cơ chế thị trường hiện nay.

Năm 2014, các loại hình HTX NN ở huyện Yên Phong, được thể hiện qua sơ đồ 4.1:

Theo phân loại trên và qua bảng 4.3, số HTX NN dịch vụ đơn thuần tăng nhanh qua các năm, năm 2004 chiếm 57,1% đến năm 2014 chiếm 71,9% so với tổng số HTX. Trong khi đó số HTX dịch vụ kinh doanh tổng hợp lại giảm từ 38,1% năm 2004 xuống còn 15,8% năm 2014. Tuy nhiên, số HTX chuyên ngành tăng từ 4,8% năm 2004 lên 12,3% tổng số HTX năm 2014. Như vậy, ở huyện Yên Phong HTX NN DV đơn thuần chiếm tỷ lệ cao là 71,9%, còn HTX NN DV kinh doanh tổng hợp chiếm tỷ lệ thấp là 15,8% và HTX chuyên ngành còn ít là 12,3% tổng số HTX.



Sơ đồ 4.1- Loại hình HTX NN ở huyện Yên Phong.

Bảng 4.3- Số lượng HTX NN phân theo loại hình tổ chức hoạt động

STT	Loại hình HTX	Đơn vị tính	2004	2006	2008	2010	2014
1	Số HTX NN dịch vụ đơn thuần	HTX	12	18	44	55	59
	Tỷ lệ so với tổng số HTX	%	57,1	62,0	72,1	72,3	71,9
2	Số HTX NN dịch vụ kinh doanh tổng hợp	HTX	8	9	12	14	13
	Tỷ lệ so với tổng số HTX	%	38,1	31,0	19,7	18,4	15,8
3	Số HTX chuyên Ngành	HTX	1	2	5	7	10
	Tỷ lệ so với tổng số HTX	%	4,8	7,0	8,3	9,3	12,3
	<i>Cộng</i>	HTX	21	29	61	76	82
	<i>Tỷ lệ so với tổng số HTX</i>	%	100	100	100	100	100

Nguồn: Liên minh HTX tỉnh Bắc Ninh

4.1.1.3. Tình hình biến động số lượng HTX DV NN theo ranh giới thôn, liên thôn và xã.

HTX DVNN có 72 HTX, chiếm 87,8% tổng số HTX phân theo ranh giới thôn, liên thôn và xã, thể hiện qua bảng 4.4.

Từ số liệu bảng 4.4 cho thấy, số HTX DV NN có qui mô toàn xã và qui mô liên thôn giảm nhanh qua các năm như: Năm 2004 HTX qui mô toàn xã chiếm 38,1% và qui mô liên thôn chiếm 61,9%; đến năm 2008 HTX qui mô liên thôn chiếm 14,7% và qui mô thôn chiếm 85,3%; đến năm 2010 và năm 2014 thì 100% HTX DV NN đều là qui mô thôn.

Bảng 4.4- Tình hình HTX DVNN phân theo ranh giới thôn, liên thôn và xã

STT	HTX DVNN theo qui mô	Đơn vị tính	2004	2006	2008	2010	2014
1	Số HTXDV NN qui mô toàn xã	HTX	8	3			
	Tỷ lệ so với tổng số HTX	%	38,1	10,3			
2	Số HTX DVNN liên thôn	HTX	13	21	9		
	Tỷ lệ so với tổng số HTX	%	61,9	72,4	14,7		
3	Số HTX DVNN qui mô thôn	HTX		5	52	72	72
	Tỷ lệ so với tổng số HTX	%		17,3	85,3	100	100
4	Số HTXDVNN có giám đốc do trưởng thôn kiêm nhiệm	HTX			23	52	64
	Tỷ lệ so với tổng số HTX	%			37,7	68,4	88,9
5	Số HTXDV NN có giám đốc do đại hội thành viên bầu	HTX	21	29	38	20	8
	Tỷ lệ so với tổng số HTX	%	100	100	62,3	31,6	11,1

Nguồn: Liên minh HTX tỉnh Bắc Ninh

Về chức danh giám đốc HTX, năm 2004 có 100% giám đốc HTX do đại hội thành viên bầu; đến năm 2010 có 68,4% giám đốc HTX do trưởng thôn kiêm nhiệm và 31,6% giám đốc do đại hội thành viên bầu; năm 2014 có 88,9% giám đốc do trưởng thôn kiêm nhiệm và 11,1% giám đốc HTX do đại hội thành viên bầu. Như vậy đến nay giám đốc HTX DV NN ở huyện Yên Phong chủ yếu là do trưởng thôn kiêm nhiệm.

4.1.1.4. Đánh giá phân loại HTX NN qua các năm

Căn cứ vào tiêu chí đánh giá HTX của Liên minh HTX Việt Nam:

HTX giỏi là HTX hoạt động sản xuất, kinh doanh đạt hiệu quả cao, doanh thu và lợi nhuận hàng năm tăng từ 10% trở lên. Thu nhập của người lao động trong HTX ổn định bình quân đạt từ 1.000.000 đồng/tháng trở lên, không vi phạm pháp luật, sổ sách rõ ràng; hoàn thành nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.

HTX khá là HTX hoạt động sản xuất, kinh doanh đạt hiệu quả cao; doanh thu và lợi nhuận hàng năm tăng. Thu nhập của người lao động bình quân đạt từ 700.000 đồng/tháng đến gần 1.000.000 đồng/tháng, không vi phạm pháp luật, sổ sách rõ ràng; hoàn thành nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.

HTX trung bình là HTX hoạt động ổn định, không thua lỗ, thu nhập của người lao động bình quân từ 500.000 đồng/tháng đến gần 700.000 đồng/tháng, không vi phạm pháp luật, sổ sách rõ ràng; hoàn thành nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.

HTX yếu kém là HTX đang trong tình trạng sản xuất, kinh doanh thua lỗ, hoạt động cầm chừng. Việc làm và thu nhập của xã viên không ổn định, không hoàn thành nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước (Liên minh HTX tỉnh Bắc Ninh, 2012).

Từ tiêu chuẩn và số liệu bảng 4.5, cho thấy HTXNN loại khá có xu hướng giảm qua các năm, từ năm 2004 chiếm 29,7%, năm 2010 là 15,2% và đến năm 2014 là 12,5%. Trong khi đó HTX trung bình và HTX yếu kém tăng qua các năm. Cụ thể năm 2004 HTX trung bình chiếm 65,6% và HTX yếu chiếm 5,1%; năm 2010 là 72,4% và 12,4%; đến năm 2014 là 70,9% và 16,6%. Như vậy năm 2014 số HTX trung bình yếu kém chiếm tỷ lệ cao là 87,5% tổng số HTX NN.

Nguyên nhân dẫn đến HTX trung bình và yếu kém là do: HTX có quy mô nhỏ chủ yếu là HTX quy mô thôn, hoạt động HTX chỉ làm được một số dịch vụ mang tính chất phục vụ sản xuất hộ thành viên như: dịch vụ thủy lợi, dịch vụ bảo vệ đồng điền, dịch vụ bảo vệ thực vật, còn các dịch vụ mang tính chất kinh doanh như cung ứng vật tư, dịch vụ làm đất, chế biến nông sản, tiêu thụ sản phẩm còn hạn chế, dẫn đến doanh thu và lợi nhuận hàng năm đạt thấp.

Bảng 4.5- Phân loại HTX NN qua các năm

Năm	Số lượng HTX NN	Xếp loại					
		Khá		Trung Bình		Yếu	
		Số lượng (HTX)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (HTX)	Tỷ lệ (%)	Số Lượng (HTX)	Tỷ lệ (%)
2004	21	6	29,7	14	65,6	1	5,1
2005	25	7	27,5	17	67,3	1	5,2
2006	29	7	25,4	20	69,0	2	5,6
2007	44	10	22,6	31	70,7	3	6,7
2008	61	11	18,7	43	72,8	5	8,5
2009	66	11	17,3	48	72,5	7	10,7
2010	76	12	15,2	55	72,4	9	12,4
2011	79	12	14,7	57	72,0	10	13,3
2012	82	10	12,5	60	73,0	12	14,5
2013	82	10	12,5	59	71,9	13	15,8
2014	82	10	12,5	58	70,9	14	16,6

Nguồn: Liên minh HTX tỉnh Bắc Ninh

4.1.1.5 Nhận xét về phát triển số lượng HTX NN

Số HTX nông nghiệp tăng nhanh qua các năm, nguyên nhân là do số HTX dịch vụ qui mô thôn được hình thành do chia tách từ HTX qui mô toàn xã và HTX qui mô liên thôn. Mặt khác là do HTX chuyên ngành được thành lập các năm theo nhu cầu thị trường.

Theo loại hình tổ chức hoạt động, HTX dịch vụ đơn thuần chiếm tỷ lệ cao (71,9%) còn lại HTX dịch vụ kinh doanh tổng hợp chiếm tỷ lệ thấp (15,8%) và HTX chuyên ngành còn ít (12,3%). Trong tổng số HTX NN, có 72 HTX dịch vụ nông nghiệp chiếm 87,7% và trong HTX dịch vụ nông nghiệp, qua các năm HTX có qui mô thôn tăng nhanh đến năm 2010 và 2014 có 100% HTX là qui mô thôn. Nghĩa là tổ chức bộ máy quản lý HTX và hoạt động sản xuất kinh doanh chỉ nằm trong ranh giới thôn.

Mặt khác trưởng thôn kiêm nhiệm giám đốc HTX ngày càng chiếm tỷ lệ cao

(năm 2014 là 88,9%) và giám đốc HTX do đại hội thành viên bầu chiếm tỷ lệ thấp (11,1%), thể hiện tổ chức HTX không theo quy định của luật HTX.

Về phân loại HTX qua các năm, HTX trung bình và HTX yếu kém chiếm tỷ lệ cao (chiếm 87,5%) còn HTX loại khá chiếm tỷ lệ thấp (12,5%). Điều này thể hiện hoạt động của HTX còn hạn chế.

4.1.2. Thực trạng phát triển về chất lượng HTX NN

Để đánh giá thực trạng phát triển về chất lượng HTX NN ở huyện Yên Phong, chúng tôi tiến hành điều tra đánh giá các yếu tố tác động đến phát triển HTX trong năm 2014, bao gồm:

Nhóm yếu tố tác động bên trong: qui mô cán bộ quản lý HTX; qui mô thành viên HTX; qui mô cơ sở vật chất kỹ thuật; qui mô nguồn vốn; kết quả dịch vụ; kết quả sản xuất kinh doanh.

Nhóm yếu tố tác động bên ngoài: Sự liên doanh liên kết của HTX với các thành phần kinh tế; tiếp cận các chính sách hỗ trợ của nhà nước; ý kiến của các thành viên đánh giá về hoạt động HTX và mục tiêu của HTX trong tương lai.

4.1.2.1. Nhóm yếu tố tác động bên trong:

Quy mô cán bộ quản lý HTX: theo luật HTX năm 2012 chức danh Trưởng ban quản trị được thay bằng Chủ tịch hội đồng quản trị, chức danh Chủ nhiệm HTX được thay bằng Giám đốc HTX, chức danh Phó chủ nhiệm HTX được thay bằng Phó giám đốc HTX.

Theo kết quả phiếu điều tra và phỏng vấn cán bộ HTX tại 30 HTX, số liệu thể hiện qua bảng 4.6, cho thấy: Trình độ học vấn của đội ngũ cán bộ chủ chốt của HTX với các chức danh là: Giám đốc, phó giám đốc, cán bộ kiểm soát và cán bộ kế toán. Nhìn chung đều có trình độ trung học cơ sở và trung học phổ thông, như năm 2014 có 100%, tuy nhiên số cán bộ quản lý HTX có trình độ trung học phổ thông đều dưới năm 50%, đây cũng là nguyên nhân mà cán bộ quản lý HTX gặp nhiều khó khăn khi tham gia các chương trình đào tạo đại học, cao đẳng.

Bảng 4.6- Trình học vấn của cán bộ quản lý HTX

	2004		2006		2008		2010		2014	
Trình độ	Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (Người i)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (Người i)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (Người i)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)
Tiểu học	30	31,9	17	14,3	06	2,5	02	0,8	00	0
THCS	42	44,7	44	37	141	57,8	135	51,1	145	51,2
THPT	22	23,4	58	48,7	97	39,7	127	48,1	138	48,8
<i>Tổng cộng</i>	94	100	119	100	244	100	264	100	283	100

Nguồn: Số liệu điều tra

Về trình độ chuyên môn, theo số liệu phiếu điều tra và phỏng vấn cán bộ HTX tại 30 HTX thể hiện ở bảng 4.7 cho thấy:

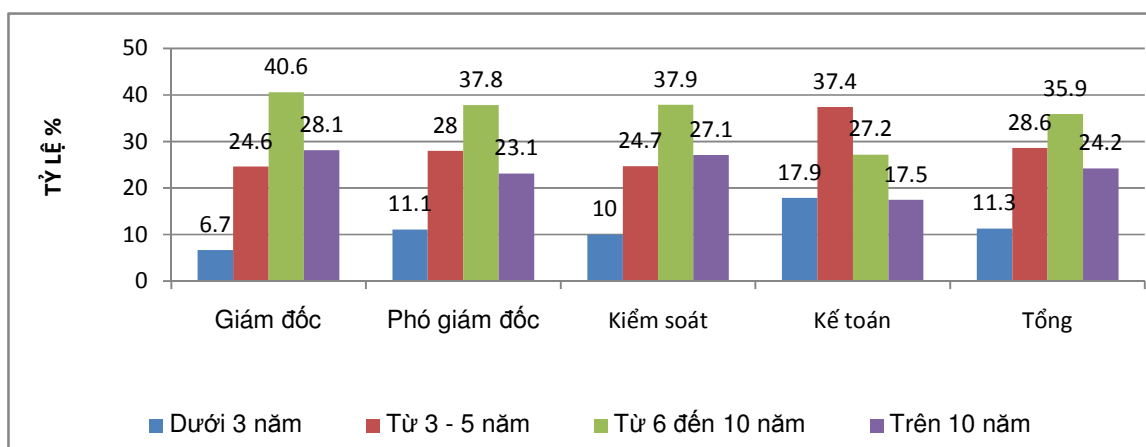
Bảng 4.7- Trình độ chuyên môn của cán bộ quản lý HTX

	2004		2006		2008		2010		2014	
Trình độ	Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (Người i)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (Người i)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (Người i)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)
Đại học, Cao đẳng	1	1	1	0,8	2	0,8	7	2,7	13	4,6
Trung cấp	4	4,3	5	4,2	8	3,3	10	3,8	16	5,7
Sơ cấp	7	7,5	9	7,6	10	4,1	8	3	15	5,3
Chưa qua đào tạo	82	87,2	104	87,4	224	91,8	239	90,5	239	84,4

Nguồn: Số liệu điều tra

Trình độ chuyên môn của cán bộ quản lý HTX có trình độ đại học, cao đẳng qua các năm còn chiếm tỷ lệ thấp, năm 2004 là 1,0%, đến năm 2014 là 4,6%, trình độ trung cấp năm 2004 là 4,3%, đến năm 2014 là 5,7%. Trong khi đó số lượng cán bộ chưa qua đào tạo các năm đều chiếm tỷ lệ cao, năm 2004 là 87,2%, đến năm 2014 là 84,4%. Từ đó việc tiếp cận các chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước còn hạn chế. Các tiến bộ khoa học kỹ thuật chậm được ứng dụng triển khai, nhân rộng trong HTX. Công tác điều hành hoạt động HTX chủ yếu dựa vào kinh nghiệm.

Để đánh giá năng lực của cán bộ HTX ngoài về trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn thì kinh nghiệm thực tiễn trong ngành nghề sản xuất kinh doanh mà cán bộ HTX tham gia cũng có vai trò quan trọng. Theo kết quả số liệu phiếu điều tra phỏng vấn cán bộ HTX năm 2014 tại 30 HTX, đã thể hiện cán bộ quản lý HTX có trên 10 năm công tác chiếm tỷ lệ 24,2%, từ 6 - 10 năm chiếm tỷ lệ 35,9%, từ 3 - 5 năm chiếm tỷ lệ 28,6% và dưới 5 năm chiếm tỷ lệ 11,3%. Trong đó chức danh giám đốc HTX có trên 10 năm là 28,1%, từ 6 - 10 năm là 40,6%, từ 3 - 5 năm là 24,6% và dưới 3 năm là 6,7%. Chức danh kế toán, có trên 10 năm là 17,5%, từ 6 - 10 năm là 27,2%, từ 3 - 5 năm là 37,4% và dưới 3 năm là 17,9%. Như vậy cán bộ quản lý HTX khi thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, nghiệp vụ chủ yếu dựa vào kinh nghiệm hiện có. Kinh nghiệm thực tiễn của cán bộ quản lý HTX được thể hiện qua biểu đồ:



Biểu đồ 4.1- Kinh nghiệm thực tiễn của cán bộ quản lý HTX

Bảng 4.8. Số lượng thành viên HTX NN qua các năm

Năm	Số lượng thành viên	Tốc độ tăng (%)
2004	31870	
2005	32123	0,79
2006	32410	0,89
2007	32654	0,75
2008	32950	0,90
2009	33102	0,46
2010	33350	0,74
2011	33455	0,31
2012	33550	0,28
2013	33620	0,49
2014	33746	0,37

Nguồn: Liên minh HTX tỉnh Bắc Ninh

Qui mô thành viên HTX NN: qua bảng 4.8, tổng số thành viên qua các năm đều có xu hướng tăng, nhưng tốc độ tăng chậm đều dưới 1%/năm. Năm 2004 có tổng số 31.870 thành viên, năm 2010 có: 33.350 thành viên và năm 2014 có: 33.746 thành viên. Riêng năm 2014 có số thành viên là hộ gia đình nông dân: 30.211 thành viên chiếm 89,5% và số thành viên là cá nhân người lao động: 3.525 thành viên chiếm 10,5%. Như vậy thành viên HTX chủ yếu là đại diện hộ nông dân, còn thành viên cá nhân chủ yếu là của các HTX chuyên ngành. Nguyên nhân số lượng thành viên tăng qua các năm là do hộ nông dân tách hộ và HTX chuyên ngành thành lập từ năm 2006 đến 2014.

Về số lượng thành viên bình quân/HTX cho từng loại HTX như: HTX dịch vụ nông nghiệp và HTX chuyên ngành được thể hiện qua bảng 4.9. Từ số liệu bảng 4.9 cho thấy: số lượng thành viên bình quân 1 HTX có xu hướng giảm nhanh từ 1.517 thành viên giảm còn 411 năm 2014. Tương ứng số lượng thành viên bình quân/HTX DVNN cũng giảm theo từ 1.516 thành viên năm 2004 xuống còn 461 thành viên năm 2014.

Bảng 4.9- Số lượng thành viên phân theo loại hình HTX

STT	Năm	Số lượng thành viên bình quân/HTX	Phân ra	
			HTX DVNN	HTX chuyên ngành
1	2004	1517	1516	18
2	2006	1117	1116	20
3	2008	540	538	21
4	2010	440	438	21
5	2014	411	461	52

Nguồn: Liên minh HTX tỉnh Bắc Ninh

Nguyên nhân số lượng thành viên bình quân giảm là do: số lượng HTX tăng do HTX quy mô toàn xã và HTX quy mô liên thôn được chia tách thành quy mô thôn. Trong khi đó HTX chuyên ngành với thành viên là cá nhân người lao động vẫn duy trì ổn định và tăng từ 18 thành viên năm 2004 lên 52 thành viên năm 2014.

Qui mô cơ sở vật chất kỹ thuật: qua bảng 4.10 ta thấy, tổng giá trị tài sản của HTX NN có xu hướng tăng qua các năm, năm 2004 giá trị tài sản là 60.354 triệu đồng, năm 2010 là: 66.672 triệu đồng và đến năm 2014 là: 67.508 triệu đồng. Tuy nhiên cơ cấu giá trị tài sản lưu động so với tổng giá trị tài sản chiếm tỉ lệ thấp từ 13-14%, như năm 2004 là: 13,4% và năm 2014 là: 14,3%. Tài sản lưu động trong các HTX chủ yếu là nợ phải thu từ hộ thành viên, vật tư, tiền mặt tồn quỹ và tiền gửi ngân hàng. Còn giá trị tài sản cố định chiếm tỷ lệ cao trong tổng giá trị tài sản, thường chiếm trên 85% như: năm 2004 là 86,6% và năm 2014 là 85,7%. Giá trị tài sản cố định trong các HTX chủ yếu là các công trình thủy lợi, máy cày, kho lạnh bảo quản giống được HTX đầu

tư xây dựng mua sắm cùng với nguồn vốn ngân sách của tỉnh Bắc Ninh hỗ trợ.

Bảng 4.10- Giá trị tài sản của HTX NN qua các năm

STT	Năm	Tổng tài sản	Tài sản lưu động		Tài sản cố định	
			Số tiền (triệu đồng)	Tỷ lệ so với tổng tài sản (%)	Số tiền (triệu đồng)	Tỷ lệ so với tổng tài sản (%)
1	2004	60354	8110	13,4	52244	86,6
2	2005	63643	8321	13,0	55322	87,0
3	2006	64652	8542	13,2	56110	86,8
4	2007	65314	8794	13,4	56520	86,6
5	2008	65724	8840	13,4	56884	86,6
6	2009	66320	9068	13,6	57252	86,4
7	2010	66672	9242	13,8	57430	86,2
8	2011	66979	9325	13,9	57654	86,1
9	2012	67264	9522	14,1	57742	85,9
10	2013	67310	9590	14,2	57720	85,8
11	2014	67508	9674	14,3	57834	85,7

Nguồn: Liên minh HTX tỉnh Bắc Ninh

Qui mô nguồn vốn HTX: nguồn vốn HTX bao gồm: vốn chủ sở hữu của HTX và vốn vay, các khoản nợ chưa đến hạn trả. Vốn chủ sở hữu của HTX gồm có: vốn không được chia và vốn chia của HTX.

Theo kết quả phiếu điều tra về qui mô vốn của HTX NN được thể hiện ở bảng 4.11 cho thấy: tổng số vốn đều tăng qua các năm từ 9.144 triệu đồng năm 2004 lên 12.786 triệu đồng năm 2014. Tương ứng vốn tự có cũng tăng từ 7.924 triệu đồng năm 2004 lên 9.452 triệu đồng năm 2014 và vốn vay tăng từ 1.120 triệu đồng năm 2004 lên 3.334 triệu đồng năm 2014. Tuy nhiên tổng số vốn bình quân trên HTX rất thấp, năm 2014 là 156 triệu đồng/HTX, trong đó vốn bình quân HTX DVNN chỉ có 54 triệu đồng/HTX, nguyên nhân là do: vốn tự có và vốn vay đều thấp, vì HTX DVNN tiếp cận với các nguồn vốn vay của các ngân hàng thương mại gặp nhiều khó khăn về tài sản thế chấp.

Riêng vốn bình quân trên HTX chuyên ngành tăng nhanh qua các năm và năm 2014 là: 889 triệu đồng/HTX, nếu so với HTX DVNN cao gấp 16,4 lần. Như vậy sản xuất kinh doanh của HTX DVNN gặp nhiều khó khăn về vốn, việc mở rộng các dịch vụ thương mại, đầu tư trụ sở làm việc và phương tiện làm việc của HTX rất hạn chế. Các HTX chuyên ngành có vốn lớn, có nhiều cơ hội mở rộng sản xuất kinh doanh tổng hợp, đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng nhu cầu thành viên và nhu cầu thị trường ngày càng tốt hơn.

Bảng 4.11. Qui mô vốn của các HTX NN qua các năm

		Đơn vị tính: Triệu đồng				
STT	Chỉ tiêu	2004	2006	2008	2010	2014
1	Tổng số vốn	9144	10090	10635	11572	12786
	+ Vốn chủ sở hữu HTX	7924	8320	8620	9052	9452
	+ Vốn vay	1220	1770	2015	2520	3334
2	Tổng vốn BQ/ HTX	435	348	174	152	156
	+ Vốn BQ/HTX DVNN	436	338	140	106	54
	+ Vốn BQ/HTX chuyên ngành	420	476	554	610	889
3	Tổng số vốn BQ/thành viên	0,28	0,31	0,32	0,35	0,41

Nguồn: Số liệu điều tra

Vốn điều lệ của HTX có vị trí quan trọng trong tổng số vốn sở hữu của HTX nhất là khi HTX mới thành lập. Vốn điều lệ HTX là tổng số vốn do các thành viên đóng góp theo quy định tại điều lệ của HTX. Đại hội thành viên quyết định việc điều chỉnh tăng, giảm vốn điều lệ của HTX .

Đánh giá về vốn điều lệ của HTX, chúng tôi tiến hành lấy phiếu điều tra tại 30 HTX kết quả số liệu được thể hiện ở bảng 4.12, cho thấy vốn điều lệ bình quân HTX là thấp, năm 2014 là 67 triệu đồng, trong đó HTX DV NN vốn điều lệ là 27 triệu đồng. Nguyên nhân vốn điều lệ thấp trong HTX DVNN là do HTX chuyển đổi, thành viên không góp vốn điều lệ mà chỉ được quy đổi từ vốn tích lũy của HTX cũ thành vốn điều lệ của HTX mới.

Bảng 4.12- Tình hình vốn điều lệ của các HTX NN qua các năm

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2004	2006	2008	2010	2014
1	Tổng vốn điều lệ	Tr.đ	1987	2251	3970	4578	5478
2	Vốn điều lệ bình quân/HTX						
	+ Vốn điều lệ bình quân/ HTX DVNN	Tr.đ	95	77	65	60	67
	+ Vốn điều lệ bình quân/HTX chuyên ngành	Tr.đ	92	68	47	34	27
		Tr.đ	150	210	271	318	355
3	Vốn điều lệ bình quân/ thành viên	1000đ	62,3	69,4	120,5	137,3	162,3
4	Tỷ lệ vốn điều lệ/Tổng vốn	%	21,7	22,3	37,3	39,5	42,8

Nguồn: Số liệu điều tra

Riêng HTX chuyên ngành được hình thành từ nhu cầu hợp tác của cá nhân, các chủ trang trại, doanh nghiệp đều góp vốn điều lệ khi gia nhập HTX. Do vậy vốn điều lệ bình quân/HTX cao như năm 2014 là: 355 triệu đồng/HTX và cao gấp 13,1 lần HTX DVNN, dẫn đến HTX có khả năng mở rộng sản xuất kinh doanh ngay từ khi mới thành lập. Từ vốn điều lệ của HTX chuyên ngành cao và tăng qua các năm làm cho tỷ lệ vốn điều lệ/tổng số vốn tăng nhanh qua các năm như: năm 2004 là 21,7%, đến năm 2014 tăng lên 42,8%. Như vậy HTX chuyên ngành đã bảo đảm nguyên tắc tổ chức, hoạt động HTX đó là: thành viên tự nguyện và góp vốn điều lệ HTX.

Kết quả dịch vụ của HTX NN: theo kết quả phiếu điều tra phỏng vấn hộ thành viên về nhu cầu của thành viên đối với các loại dịch vụ được thể hiện qua bảng 4.13.

Từ số liệu phỏng vấn trên cho thấy, dịch vụ chỉ đạo sản xuất nông nghiệp có 78,2% số hộ là rất cần và 12,5% cần, còn không cần chiếm 9,3%; dịch vụ thủy nông có 80,1% là rất cần và 17,8% cần, còn không cần chiếm 2,1%; dịch vụ bảo vệ thực vật có 75,4% là rất cần và 16,7% cần, còn không cần chiếm 7,9%; dịch vụ cung ứng giống vật tư có 75,0% là rất cần và 23,3% cần, còn 1,7% là không cần; dịch vụ tiêu thụ sản phẩm có 85,2% là rất cần và 12,5% cần, còn 2,3% là không cần. Như vậy nhu cầu của thành viên rất cần và cần HTX thực hiện các loại dịch vụ để phục vụ sản xuất kinh doanh của hộ thành viên.

Bảng 4.13. Nhu cầu của thành viên về các loại dịch vụ

Đơn vị tính: %

STT	Loại dịch vụ	Rất cần	Cần	Không cần
I	<i>Dịch vụ công ích</i>			
1	Chỉ đạo sản xuất NN	78,2	12,5	9,3
2	Thủy nông	80,1	17,8	2,1
3	Bảo vệ thực vật	75,4	16,7	7,9
4	Thú y	77,3	20,5	2,2
5	Khuyến nông	70,7	27,0	2,3
6	Bảo vệ đồng điền	85,2	13,1	1,7
II	<i>Dịch vụ gắn với KD</i>			
7	Cung ứng giống, vật tư	75,0	23,3	1,7
8	Làm đất	72,4	17,9	9,7
9	Thu hoạch	73,2	21,7	5,1
10	Tiêu thụ sản phẩm	85,2	12,5	2,3

Nguồn: Số liệu điều tra

Về thực hiện các loại dịch vụ, năm 2014 qua bảng 4.14 cho thấy một số khâu dịch vụ do HTX đảm nhận chiếm tỷ lệ cao như số HTX làm dịch vụ thủy nông chiếm 69,5% tổng số HTX; dịch vụ bảo vệ thực vật chiếm 69,5% ; dịch vụ bảo vệ đồng điền chiếm 69,5%. Trong khi đó một số loại dịch vụ còn chiếm tỷ lệ thấp như dịch vụ khuyến nông chiếm 23,2%, dịch vụ cung ứng vật tư chiếm 13,4%, dịch vụ làm đất bằng máy chiếm 37,8%, thu hoạch bằng máy chiếm 37,8%, tiêu thụ sản phẩm chiếm 21,9%. Như vậy HTX chủ yếu mới thực hiện được các loại dịch vụ mang tính công ích còn các dịch vụ gắn với kinh doanh chưa được mở rộng.

Bảng 4.14. Tình hình số lượng HTX NN thực hiện các loại dịch vụ

STT	Loại dịch vụ	2004		2006		2008		2010		2014	
		Tỷ		Tỷ		Tỷ		Tỷ		Tỷ	
		Số	lệ	Số	Tỷ lệ	Số	Tỷ lệ	Số	Tỷ lệ	Số	Tỷ lệ
		HTX	(%)	HTX	(%)	HTX	(%)	HTX	(%)	HTX	(%)
I	<i>Dịch vụ công ích</i>										
1	Chỉ đạo SX NN	9	42,8	14	48,2	29	47,5	37	48,7	39	47,5
2	Thủy nông	14	66,6	15	71,4	43	70,5	54	71,0	57	69,5
3	Bảo vệ thực vật	14	66,6	15	71,4	43	70,5	56	73,7	57	69,5
4	Thú y	14	66,6	15	71,4	43	70,5	53	69,7	55	67,0
5	Khuyến nông	4	19,0	6	20,6	14	22,9	19	25,0	19	23,2
6	Bảo vệ đồng điền	14	66,6	15	71,4	43	70,5	53	69,7	57	69,5
II	<i>Dịch vụ gắn với KD</i>										
7	Cung ứng giống	9	42,8	12	41,3	11	18,0	11	14,5	11	13,4
8	Làm đất	7	33,3	9	31,0	23	37,7	30	39,5	31	37,8
9	Thu hoạch	5	23,8	9	31,0	23	37,7	28	36,8	31	37,8
10	Tiêu thụ sản phẩm	2	9,5	4	13,8	10	16,3	15	19,7	18	21,9

Nguồn: Số liệu điều tra

Qua số liệu phiếu điều tra phỏng vấn tại 30 HTX, năm 2014 một số dịch vụ mang tính công ích đều đáp ứng trên 70% số hộ, cụ thể là dịch vụ thủy nông nhu cầu thành viên là 97,9%, HTX đáp ứng 73,1%, còn lại nhà nước là xí nghiệp thủy nông Yên Phong đáp ứng 24,8%; dịch vụ bảo vệ thực vật nhu cầu thành viên 92,1%, HTX đáp ứng 74,3% còn lại là trạm bảo vệ thực vật huyện đáp ứng 17,8%; dịch vụ thú y nhu cầu thành viên là 97,8%, HTX đáp ứng 70,7% còn lại trạm thú y huyện và thú y xã đáp ứng 27,1%; dịch vụ bảo vệ đồng điền nhu cầu thành viên là 98,3%, HTX đáp ứng 71,9% còn lại chính quyền thôn đáp ứng 26,4%.

Các dịch vụ gắn với kinh doanh như dịch vụ cung ứng giống vật tư nhu cầu thành viên là 98,3%, HTX đáp ứng được 15,8% còn lại dịch vụ tư nhân đáp ứng 67,8% và nhà nước là trạm khuyến nông huyện đáp ứng 14,7%; dịch vụ làm đất nhu cầu thành viên là 90,3%, HTX đáp ứng 40,2% còn tư nhân đáp ứng 50,1%; dịch vụ thu

hoạch nhu cầu thành viên là 94,9%, HTX đáp ứng 41,4% và tư nhân đáp ứng 53,5%; tiêu thụ sản phẩm nhu cầu thành viên là 97,9%, HTX đáp ứng 25,6% còn lại tư nhân và hộ thành viên tự tiêu thụ là 72,3%. Riêng dịch vụ khuyến nông yêu cầu thành viên là 97,7%, HTX chỉ đáp ứng được 25,6% còn lại 72,1 % do nhà nước đáp ứng thông qua hệ thống cán bộ khuyến nông xã và cán bộ khuyến nông huyện. Còn lại các dịch vụ gắn với kinh doanh HTX đáp ứng ở mức độ thấp và chủ yếu do tư nhân đáp ứng theo nhu cầu sản xuất kinh doanh của hộ thành viên HTX.

Bảng 4.15- Mức độ HTX đáp ứng dịch vụ cho thành viên năm 2014

Đơn vị tính: %

STT	Loại dịch vụ	Nhu cầu dịch vụ của thành viên	Mức độ đáp ứng dịch vụ của HTX	Mức độ đáp ứng dịch vụ của tư nhân	Mức độ đáp ứng dịch vụ của nhà nước
I	<i>Dịch vụ công ích</i>				
1	Chỉ đạo sản xuất NN	90,7	50,0		40,7
2	Thủy nông	97,9	73,1		24,8
3	Bảo vệ thực vật	92,1	74,3		17,8
4	Thú y	97,8	70,7		27,1
5	Khuyến nông	97,7	25,6		72,1
6	Bảo vệ đồng điền	98,3	71,9		26,4
II	<i>Dịch vụ gắn với KD</i>				
7	Cung ứng giống, vật tư	98,3	15,8	67,8	14,7
8	Làm đất	90,3	40,2	50,1	
9	Thu hoạch	94,9	41,4	53,5	
10	Tiêu thụ sản phẩm	97,9	25,6	72,3	

Nguồn: Số liệu điều tra

Để đánh giá phạm vi hoạt động dịch vụ của HTX DVNN Yên Phong, chúng tôi so sánh giữa mức độ đáp ứng dịch vụ của HTX NN Yên Phong với mức độ đáp ứng dịch vụ của HTX trong toàn tỉnh và thể hiện qua bảng 4.16.

Bảng 4.16. So sánh mức độ dịch vụ của HTX huyện yên Phong so với toàn Tỉnh trong năm 2014

STT	Loại dịch vụ	Mức độ đáp ứng dịch vụ của HTX huyện Yên Phong (%)	Mức độ đáp ứng dịch vụ của HTX trong toàn tỉnh (%)	So sánh giữa HTX huyện yên Phong với HTX trong toàn tỉnh (tăng: +, giảm: -)
I	<i>Dịch vụ công ích</i>			
1	Chỉ đạo sản xuất NN	50,0	65,2	-15,2
2	Thủy nông	73,1	78,8	-5,7
3	BVTV	74,3	76,5	-2,2
4	Thú y	70,7	75,8	-5,1
5	Khuyến nông	25,6	47,4	-21,8
6	Bảo vệ đồng điền	71,9	81,2	-9,3
II	<i>Dịch vụ gắn với KD</i>			
7	Cung ứng giống, vật tư	15,8	45,7	-29,9
8	Làm đất	40,2	47,3	-7,1
9	Thu hoạch	41,4	44,6	-3,5
10	Tiêu thụ sản phẩm	25,6	22,4	+3,2

Nguồn: Số liệu điều tra

Qua bảng 4.16 phản ánh: dịch vụ chỉ đạo sản xuất thấp hơn toàn tỉnh là 15,2%; dịch vụ khuyến nông và chuyển giao khoa học kỹ thuật, xây dựng mô hình, tập huấn hướng dẫn kỹ thuật thấp hơn là 21,8%; dịch vụ cung ứng giống vật tư phân bón cho hộ thành viên thấp hơn là 29,9%; riêng dịch vụ tiêu thụ sản phẩm cho các hộ thành viên ở huyện Yên Phong cao hơn mức độ đáp ứng của HTX trong toàn tỉnh là 3,2%. Nguyên nhân là do các HTX chuyên ngành làm tốt dịch vụ tiêu thụ các sản phẩm: gạo, khoai tây, trứng gà, thịt lợn cho hộ thành viên tại thị trường khu công nghiệp Yên Phong.

Kết quả sản xuất kinh doanh của HTX NN qua các năm: để đánh giá doanh thu và lãi hàng năm của HTX, chúng tôi phân thành ba nhóm:

Bảng 4.17. Số lượng HTXNN phân theo tiêu thức doanh thu, lãi .

STT	Chỉ tiêu	2004		2006		2008		2010		2014	
		Số lượng HTX (HTX)	Tỷ lệ (%)	Số lượng HTX (HTX)	Tỷ lệ (%)	Số lượng HTX (HTX)	Tỷ lệ (%)	Số lượng HTX (HTX)	Tỷ lệ (%)	Số lượng HTX (HTX)	Tỷ lệ (%)
I	Doanh thu BQ/HTX (Tr đồng)										
	+ Dưới 500										
1	+ Từ 500 – 1.000			5	17,2	52	85,2	69	90,8	72	87,8
2	+ Từ trên 1.000 – 2.000										
	+ Trên 2.000	21	100	21	72,4	9	14,8	7	9,2		
3											
				3	10,4					9	10,9
4										1	1,2
II	Lãi BQ/HTX (Tr đồng)										
1	+ Dưới 50			5	17,2	41	67,2	54	71,0	67	81,7
2	+ Từ 50– 100	13	61,9	24	82,8	15	24,6	15	19,7	5	6,1
3	+ Từ trên 100 -200										
	+ Trên 200	8	38,1			5	8,2	5	6,6		
4								2	2,7	10	12,2

Nguồn: Số liệu điều tra

Nhóm 1: doanh thu dưới 500 triệu đồng và tương ứng lãi dưới 50 triệu đồng

Nhóm 2: doanh thu từ 500 triệu đồng đến 100 triệu đồng và tương ứng lãi từ 50 đến 100 triệu đồng.

Nhóm 3: doanh thu từ 1.000 đến 2.000 triệu đồng và tương ứng lãi từ 100 đến 200 triệu đồng.

Nhóm 4: doanh thu trên 2.000 triệu đồng và tương ứng lãi trên 200 triệu đồng.

Theo kết quả số liệu phiếu điều tra phỏng vấn tại 30 HTX thể hiện qua bảng 4.17 cho thấy, số HTX có doanh thu hàng năm dưới 500 triệu đồng chiếm tỉ lệ cao so với tổng số HTX, như năm 2010 chiếm 90,8% và năm 2014 chiếm 87,8%. Nguyên nhân là do các HTX DVNN quy mô toàn xã đã tách thành HTX DVNN quy mô thôn và khả năng mở rộng sản xuất kinh doanh của HTX còn nhiều hạn chế. Tuy nhiên năm 2014 đã xuất hiện 9 HTX chiếm 10,9% có doanh thu từ 1.000 đến 2.000 triệu đồng và có 1 HTX có doanh thu trên 2.000 triệu đồng. Đây là những HTX chuyên ngành trong lĩnh vực chăn nuôi, thủy sản và HTX kinh doanh tổng hợp, đáp ứng nhu cầu thị trường và có tính cạnh tranh cao.

Từ doanh thu số HTX có lãi dưới 50 triệu đồng cũng chiếm tỉ lệ cao như năm 2010 chiếm 71%, năm 2014 chiếm 81,7%. Song số HTX có lãi trên 200 triệu đồng năm 2014 có 10 HTX chiếm 12,2% và đều là HTX chuyên ngành.

Về quy mô doanh thu và lãi bình quân chung HTX và phân theo loại hình HTX, thể hiện qua bảng 4.18

Tổng doanh thu của các HTX có xu hướng tăng từ năm 2004: 21.124 triệu đồng, năm 2010 là 33.130 triệu đồng và năm 2014 là 35.268 triệu đồng. Tuy nhiên, doanh thu bình quân HTX DVNN vừa có xu hướng giảm vừa có doanh thu ở mức độ thấp như năm 2010 doanh thu bình quân/HTX DVNN là 376 triệu đồng, đến năm 2014 là 277 triệu đồng. Trong khi đó doanh thu bình quân /HTX chuyên ngành vừa có xu hướng tăng nhanh vừa có doanh thu cao, như năm 2010 là 1.022 triệu đồng, năm 2014 là 1.530 triệu đồng và cao gấp 5,5 lần so với doanh thu HTX DVNN.

Tương ứng tổng lãi có xu hướng tăng, năm 2004 là 1.478 triệu đồng, đến năm 2014 là 3.496 triệu đồng. Về lãi bình quân/HTX DVNN vừa có xu hướng giảm

vừa có mức lãi rất thấp như năm 2010 là 25,4 triệu đồng và năm 2014 là 19,4 triệu đồng. Còn các HTX chuyên ngành vừa có xu hướng tăng vừa có mức lãi cao như năm 2010 là 185 triệu đồng và năm 2014 là 2010 triệu đồng và cao gấp 10,8 lần so với HTX DVNN.

Bảng 4.18. Doanh thu, lãi của HTX NN qua các năm

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2004	2006	2008	2010	2014
1	Tổng doanh thu	21124	26674	31532	33130	35268
	Doanh thu BQ/HTX	1005	919	516	436	430
	+ Doanh thu BQ/HTX DVNN	1038	952	485	376	277
	+ Doanh thu BQ/ HTX chuyên ngành	352	474	876	1022	1530
2	Tổng lãi	1478	2015	2522	3050	3496
	Lãi BQ/HTX	70,3	69,5	41,3	40,1	42,6
	+ Lãi BQ/ HTX DVNN	67,9	63,3	30,1	25,4	19,4
	+ Lãi BQ/ HTX chuyên ngành	120	152	167	185	210

Nguồn: Số liệu điều tra

Theo kết quả phiếu điều tra phỏng vấn cán bộ HTX tại 30 HTX cho thấy: năm 2014 từ doanh thu bình quân/HTX thấp dẫn đến mức lương bình quân của giám đốc của HTX cũng thấp là 990.000 đồng/tháng.

Bảng 4.19. Thu nhập bình quân Giám đốc và lao động HTX năm 2014

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Lương BQ Giám đốc HTX/tháng	990
	+ Giám đốc HTX NN	530
	+ Giám đốc HTX chuyên ngành	4300
2	Thu nhập BQ lao động HTX/tháng	824
	+Lao động HTX DVNN	450
	+ Lao động HTX chuyên ngành	3520

Nguồn: Số liệu điều tra

Trong đó giám đốc HTX NN chỉ có 530.000 đồng/tháng, còn giám đốc HTX chuyên ngành đạt 4.300.000 đồng/tháng, nhiều giám đốc HTX DVNN không an tâm với công việc, không thực hiện được chính sách bảo hiểm xã hội.

Về thu nhập bình quân của người lao động/tháng trong HTX cũng ở mức thấp chỉ đạt 824.000 đồng/tháng. Trong đó HTX DVNN chỉ đạt 450.000 đồng/tháng còn HTX chuyên ngành đạt 3.520.000 đồng/tháng. Nguyên nhân HTX DVNN người lao động có thu nhập thấp là do HTX có quy mô nhỏ, khối lượng công việc không nhiều, không thường xuyên và chủ yếu là các dịch vụ mang tính phục vụ cộng đồng, với đơn giá chi phí trên đầu sào thấp, bình quân từ 30.000 đồng - 35.000 đồng/sào.

Tình hình phân phối lãi trong HTX NN: Theo số liệu phiếu điều tra phỏng vấn tại 30 HTX được thể hiện ở bảng 4.20.

Số HTX có trích lập quỹ đầu tư phát triển năm 2010 tỷ lệ là 80,8% và năm 2014 tỷ lệ là 87,8%. Còn số HTX trích lập quỹ dự phòng còn thấp, năm 2010 tỷ lệ là 5,3% và năm 2014 tỷ lệ là 9,7%.

Việc chia lãi cho thành viên mới chỉ có các HTX chuyên ngành thực hiện được bởi vì thành viên khi gia nhập HTX đều góp vốn cổ phần và có giấy chứng nhận vốn góp đồng thời các HTX có số lãi hàng năm cao. Số HTX chia lãi cho thành viên theo vốn góp năm 2010 có 9,2% và năm 2014 có 12,2%.

Bảng 4.20. Tình hình thực hiện phân phối lãi trong HTX NN

STT	Chỉ tiêu	2004		2006		2008		2010		2014	
		Số lượng HTX (HTX)	Tỷ lệ (%)	Số lượng HTX (HTX)	Tỷ lệ (%)	Số lượng HTX (HTX)	Tỷ lệ (%)	Số lượng HTX (HTX)	Tỷ lệ (%)	Số lượng HTX (HTX)	Tỷ lệ (%)
1	Trích lập quỹ đầu tư phát triển	20	95,2	27	93,1	56	91,8	69	90,8	72	87,8
2	Trích lập quỹ dự phòng					2	3,3	4	5,3	8	9,7
3	Trích lập các quỹ khác										
4	Chia lãi cho thành viên theo vốn góp	1	4,8	2	6,9	5	8,2	7	9,2	10	12,2

Nguồn: Số liệu điều tra

4.1.2.2. Nhóm yếu tố tác động bên ngoài

Tính liên kết trong HTX : Sự liên kết trong HTX được thể hiện bằng liên kết giữa HTX với HTX và liên kết giữa HTX với các doanh nghiệp. Theo kết quả điều tra năm 2014, số HTX có liên kết với các HTX khác chiếm 9,7% và có liên kết với doanh nghiệp chiếm 14,6% tổng số HTX. Nội dung liên kết chủ yếu là: Chuyển giao khoa học kỹ thuật, cung ứng giống lúa, giống khoai tây và phân bón. Đồng thời tiêu thụ một số sản phẩm của hộ thành viên như: Lúa nếp, khoai tây và trứng gia cầm cho các doanh nghiệp chế biến tại khu công nghiệp Yên Phong . Sở dĩ việc liên kết giữa HTX với các thành phần kinh tế khác còn hạn chế là do: Vùng sản xuất nông sản tập trung có quy mô nhỏ, chất lượng quy cách sản phẩm chưa đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp chế biến, tính pháp lý và độ tin cậy trong hợp đồng kinh tế chưa cao. Đây là yếu tố ảnh hưởng đến huy động nguồn lực từ bên ngoài để mở rộng quy mô HTX trong bối cảnh năng lực nội tại của HTX còn yếu.

Tiếp cận các chính sách hỗ trợ của nhà nước đối với HTX NN:

Nghị định Chính phủ số 88/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005, HTX NN được hưởng các chính sách hỗ trợ, khuyến khích sau: Hỗ trợ, khuyến khích thành lập hợp tác xã; Bồi dưỡng, đào tạo; Đất đai; Tín dụng; Hỗ trợ hoạt động xúc tiến thương mại; Hỗ trợ ứng dụng đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ, khuyến nông, khuyến ngư và khuyến công; Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, đời sống của cộng đồng thành viên và tham gia các chương trình phát triển kinh tế - xã hội (Chính phủ, 2005 - Nghị định số 88/2005/NĐ.CP).

Theo kết quả phiếu điều tra phỏng vấn tại 30 HTX thể hiện qua bảng 4.21, đa số các HTX mới tiếp cận được chính sách về bồi dưỡng đào tạo cán bộ quản lý HTX. Số HTX tiếp cận được chính sách này qua các năm đều đạt trên 80% tổng số HTX, như năm 2004 là 85,7% và năm 2014 đạt 93,9%.

Các chính sách hỗ trợ về khuyến nông, khuyến ngư, hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng và tham gia các chương trình phát triển kinh tế xã hội, các HTX đều tiếp cận mức độ trung bình. Về chính sách khuyến khích thành lập HTX, chính sách đất đai, tín dụng, hỗ trợ hoạt động xúc tiến thương mại, khuyến công, số HTX tiếp cận được còn thấp.

Bảng 4.21- Mức độ tiếp cận của HTX NN đối với chính sách hỗ trợ

STT	Chỉ tiêu	2004		2006		2008		2010		2014	
		Số lượng HTX (HTX)	Tỷ lệ (%)	Số lượng HTX (HTX)	Tỷ lệ (%)	Số lượng HTX (HTX)	Tỷ lệ (%)	Số lượng HTX (HTX)	Tỷ lệ (%)	Số lượng HTX (HTX)	Tỷ lệ (%)
1	Thành lập HTX	1	4,7	1	3,4	3	4,9	3	3,9	5	6,1
2	Bồi dưỡng, đào tạo	18	85,7	24	82,7	55	90,1	71	93,4	77	93,9
3	Chính sách đất đai	2	9,5	2	6,9	2	3,3	3	39,4	3	3,6
4	Chính sách tín dụng	4	19,0	4	13,8	5	8,2	5	6,6	7	8,5
5	Xúc tiến thương mại	2	9,5	2	6,9	4	6,5	4	5,2	5	6,1
6	Khuyến nông	4	19,0	6	20,6	14	22,9	19	25,0	21	25,6
7	Khuyến ngư	2	9,5	3	10,3	5	8,2	11	14,5	15	18,2
8	Khuyến công	1	4,7	2	6,9	5	8,2	5	6,6	7	8,5
9	Đầu tư cơ sở hạ tầng	11	52,3	19	65,5	25	40,9	31	40,7	37	45,1
10	Chương trình kinh tế xã hội	4	19,0	7	24,1	12	19,6	18	23,6	23	28,0

Nguồn: Số liệu điều tra

4.1.2.3. *Mức độ hài lòng và cần thiết phát triển HTX từ thành viên:* theo số liệu phỏng vấn hộ thành viên năm 2014, các thành viên tương đối hài lòng với thực trạng HTX hiện nay. Điều này thể hiện ở bảng 4.22, tỷ lệ thành viên hài lòng với hoạt động HTX là 59.5%, tỷ lệ thành viên tiếp tục gắn bó với HTX là 63,3% và tỷ lệ thành viên vận động người thân tham gia HTX là 69.2%. Ngoài ra, kết quả này cũng phản ánh sự cần thiết phải tiếp tục phát triển HTX từ góc độ thành viên.

Bảng 4.22. Mức độ hài lòng và cần thiết phát triển HTX từ thành viên

Đơn vị tính: %

STT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ thành viên đồng ý
1	Thành viên hài lòng với HTX	59,5
2	Thành viên tiếp tục gắn bó với HTX	63,3
3	Thành viên giới thiệu người khác tham gia HTX	69,2

Nguồn: Số liệu điều tra

4.1.2.4. *Mục tiêu hoạt động của HTX từ thành viên:* kết quả điều tra từ thành viên năm 2014 ở bảng 4.23 thể hiện: các HTX trong tương lai cần được định hướng để tạo ra công ăn việc làm và cung cấp hàng hóa dịch vụ cho thành viên hơn là phát triển theo mô hình doanh nghiệp để tối đa hóa lợi nhuận.

Bảng 4.23. Mục tiêu hoạt động của HTX từ thành viên

Đơn vị tính: %

STT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ có nhu cầu
1	Cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho thành viên	33,4
2	Tạo việc làm cho thành viên	55,7
3	Tạo lợi nhuận để phân phối lại cho thành viên	10,9

Nguồn: số liệu điều tra

4.1.2.3. *Nhận xét về phát triển chất lượng HTX NN*

Đội ngũ cán bộ quản lý HTX đều có trình độ Trung học cơ sở và Trung học phổ thông. Song về chuyên môn nghiệp vụ số cán bộ quản lý chưa qua đào tạo chiếm tỷ lệ cao, năm 2014 chiếm tỷ lệ 84,4% tổng số cán bộ. Mặt khác độ tuổi của

giám đốc HTX trên 50 tuổi chiếm 58,1%, từ 40 đến 50 tuổi chiếm 31,5% và dưới 40 tuổi chiếm 10,4% tổng số Giám đốc HTX.

Thành viên HTX NN chủ yếu là đại diện hộ nông dân, còn các trang trại, các HTX, các doanh nghiệp chưa tham gia là thành viên của HTX. Hộ nông dân tham gia là thành viên HTX với mục đích để sử dụng sản phẩm dịch vụ của HTX, thành viên không góp vốn.

Cơ sở vật chất của HTX chủ yếu là tài sản cố định với hệ thống thủy lợi được chuyển từ HTX cũ sang. Vốn hoạt động của HTX thấp cho nên hạn chế về mở rộng sản xuất kinh doanh nhất là các HTX DVNN.

Hoạt động của HTX NN chủ yếu là dịch vụ phục vụ sản xuất kinh doanh của hộ thành viên, thông qua các dịch vụ thiết yếu phục vụ cộng đồng. Đây là những loại dịch vụ có đơn giá chi phí tính theo đầu sào, chỉ đảm bảo chi phí hoạt động điều hành và không có lãi. Còn các dịch vụ gắn với kinh doanh có lợi nhuận chưa phát triển tại các HTX. Mức độ đáp ứng nhu cầu dịch vụ của thành viên còn thấp và thấp hơn so với HTX trong toàn tỉnh.

Doanh thu hàng năm của HTX chủ yếu từ hoạt động dịch vụ của HTX cho hộ thành viên nhưng phần lớn lại là dịch vụ công ích nên doanh thu hàng năm đạt thấp và tương ứng mức lãi cũng đạt thấp nhất là các HTX DVNN. Đồng thời việc trích lập các quỹ theo chế độ phân phối thu nhập của HTX chưa thực hiện được. Chính sách hỗ trợ của nhà nước, HTX tiếp cận còn ở mức độ thấp, dẫn đến chính sách chưa thực sự trở thành động lực thúc đẩy HTX phát triển.

4.1.3. Đánh giá chung về tình hình phát triển HTX NN

4.1.3.1. Kết quả đạt được

Số lượng HTX nông nghiệp được duy trì và phát triển qua các năm, đến năm 2014 toàn huyện có 82 HTX trong đó HTX dịch vụ nông nghiệp là 72 HTX chiếm 87,7% tổng số HTX và HTX chuyên ngành là 10 HTX chiếm 12,3%. Như vậy 100% số thôn đều có HTX dịch vụ nông nghiệp.

Loại hình HTX kinh doanh tổng hợp đã hình thành ở một số xã, số HTX hiện có là 13 HTX. Đây là những mô hình HTX vừa phục vụ nhu cầu thành viên HTX, vừa phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh của hộ nông dân trên địa bàn trong và ngoài xã.

Loại hình HTX chuyên ngành, bao gồm: HTX chuyên ngành trồng trọt, chuyên ngành chăn nuôi và chuyên ngành thủy sản. Trong những năm qua, HTX chuyên ngành đã hình thành và phát triển nhanh. Đây là loại hình HTX thực hiện rất tốt dịch vụ “đầu vào” và dịch vụ “đầu ra” cho sản xuất kinh doanh của hộ thành viên, từ đó hình thành chuỗi giá trị khép kín: cung ứng giống vật tư - sản xuất - bảo quản, chế biến - tiêu thụ sản phẩm.

4.1.3.2. Những hạn chế cần giải quyết:

Đối với nhóm yếu tố tác động bên trong:

Số lượng HTX lớn nhưng quy mô HTX nhỏ, chủ yếu là HTX DVNN với 100% là quy mô thôn. HTX chuyên ngành sản xuất kinh doanh có hiệu quả nhưng phát triển về số lượng còn chậm. Tổ chức hoạt động của HTX DVNN được chuyển đổi tổ chức lại theo luật HTX năm 2003 nhưng chỉ mang tính hình thức. Thành viên gia nhập HTX là đại diện hộ nông dân và không góp vốn điều lệ, chỉ với mục đích là sử dụng sản phẩm dịch vụ của HTX, đại hội thành viên không bầu Giám đốc HTX, do trưởng thôn kiêm nhiệm.

Đội ngũ cán bộ chủ chốt của HTX chưa qua đào tạo chiếm tỷ lệ cao và phần lớn có tuổi đời trên 50 tuổi. Chưa thu hút được cán bộ trẻ, Giám đốc HTX dưới 40 tuổi chiếm tỷ lệ thấp. Đây là nhân tố ảnh hưởng tới chất lượng công tác quản lý HTX.

Cơ sở vật chất kỹ thuật nghèo nàn, 100% HTX dịch vụ nông nghiệp chưa có trụ sở làm việc, cho nên các hoạt động giao dịch trong HTX đều thực hiện tại nhà riêng của giám đốc HTX.

Nguồn vốn hoạt động của HTX còn hạn chế, chưa tiếp cận được các nguồn vốn vay từ các ngân hàng thương mại do không có tài sản đảm bảo tiền vay. Nhất là HTX DVNN lại càng khó khăn hơn so với HTX chuyên ngành.

Hoạt động sản xuất, kinh doanh của HTX chưa gắn với thị trường, các HTX mới chỉ thực hiện được một số dịch vụ đầu vào của sản xuất với mức phí dịch vụ thấp, bình quân thu các loại phí dịch vụ từ 30.000 đồng đến 35.000 đồng/360m² đất canh tác/vụ sản xuất. Các HTX liên kết khu công nghiệp Yên Phong còn lúng túng, chưa chủ động, linh hoạt trong việc chuyển đổi hình thức kinh doanh.

Doanh thu và lãi thu được hàng năm thấp, chủ yếu mới bù đắp chi phí hoạt động dịch

vụ. Do vậy việc tăng tích lũy vốn và các quỹ của HTX còn rất chậm.

Đối với nhóm yếu tố tác động bên ngoài

Tính liên kết trong nội bộ khu vực HTX còn rất yếu, HTX chưa tạo được các mối liên doanh, liên kết với các đơn vị khác có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình. Còn ít HTX hợp nhất hoặc sáp nhập thành các HTX có quy mô lớn hơn.

Công tác tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về kinh tế tập thể và HTX chưa thường xuyên nên nhận thức về Luật HTX và HTX kiểu mới của nhiều cán bộ quản lý HTX còn mơ hồ dẫn đến tình trạng tư tưởng trông chờ, ỷ nại vào Nhà nước.

Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách hỗ trợ HTX NN nhưng thực tế HTX tiếp cận được và hưởng lợi từ các chính sách đó còn hạn chế. Chính sách chưa thật sự là động lực thúc đẩy HTX phát triển.

4.1.3.3. Mức độ hài lòng và mục tiêu hoạt động của HTX từ thành viên:

Hiện nay các HTX còn nhiều vấn đề tồn tại kéo dài, tuy nhiên thành viên vẫn hài lòng với hoạt động của HTX vì họ cho rằng HTX vẫn là tổ chức cần thiết để hỗ trợ, phục vụ cho sản xuất nông nghiệp của hộ gia đình trên địa bàn thông qua các sản phẩm dịch vụ thiết yếu của HTX như: dịch vụ khuyến nông, thủy nông, bảo vệ thực vật, làm đất, cung ứng giống vật tư phân bón. Do vậy trong thời gian tới vẫn cần có tổ chức HTX với mục tiêu hoạt động mà hộ thành viên yêu cầu là: cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho thành viên; tạo công ăn việc làm cho thành viên và tạo lợi nhuận để phân phối lại cho thành viên.

4.2. Quan điểm, phương hướng, mục tiêu và giải pháp phát triển HTX NN ở huyện Yên Phong đến năm 2020

4.2.1. Quan điểm phát triển HTX NN

4.2.1.1. Phát triển HTX NN phải gắn với quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, chương trình xây dựng nông thôn mới và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện Yên Phong đến năm 2020.

Kế hoạch kinh tế xã hội của huyện Yên Phong giai đoạn 2015 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 là những định hướng, mục tiêu, chỉ tiêu về phát triển kinh tế, về giáo dục, y tế, đầu tư cơ sở hạ tầng và an sinh xã hội. Đây cũng là

định hướng thị trường để các thành phần kinh tế như doanh nghiệp, hợp tác xã, tư nhân xây dựng chiến lược kế hoạch phát triển riêng của mình. Do vậy sự hình thành và phát triển HTX NN của huyện Yên Phong phải gắn liền với thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trong kế hoạch kinh tế - xã hội của huyện. Cụ thể là HTX NN phải phát triển theo hướng:

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nội bộ ngành nông nghiệp: tăng giá trị trồng trọt trên đơn vị canh tác thông qua chuyển đổi tăng doanh thu lúa chất lượng cao, cây rau màu có giá trị cao như: khoai tây, rau xanh an toàn. Phát triển chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm và nuôi thả cá theo hướng sản xuất hàng hóa, tập trung, quy mô lớn, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp.

Thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động nông thôn. Mở rộng và nhân cây nghề mới nhằm phát triển ngành nghề tiểu thủ công nghiệp mà tỉnh Bắc Ninh sẵn có tiềm năng như: sản xuất đồ gỗ, may tre đan, may mặc...

4.2.1.2. Phát triển HTX NN phải tuân thủ theo luật HTX năm 2012, bảo đảm nguyên tắc tự nguyện, dân chủ, tự chịu trách nhiệm. Tổ chức và hoạt động của HTX không giới hạn bởi địa giới hành chính.

Thành viên tự nguyện tham gia HTX và đa dạng hóa thành viên: HTX là các tổ chức tự nguyện và mở đối với mọi thành viên xã hội mong muốn sử dụng dịch vụ của HTX, sẵn sàng chấp thuận các trách nhiệm của thành viên HTX, không phân biệt giới tính, xã hội, chủng tộc, chính trị hoặc tôn giáo.

Thành viên tham gia HTX bao gồm thể nhân và pháp nhân như: cá nhân, hộ gia đình, trang trại, HTX, doanh nghiệp, trung tâm kinh tế ...

Kiểm soát một cách dân chủ bởi các thành viên: HTX là tổ chức mang tính dân chủ được kiểm soát bởi các thành viên là những người tham gia vào việc xác định các chính sách và ra quyết định của HTX với tư cách vừa là đồng sở hữu vừa đồng sử dụng dịch vụ của HTX. Mọi hoạt động của HTX như sản xuất kinh doanh, tài chính, phân phối thu nhập, trích lập quỹ, các đóng góp xã hội phải được công khai tới các thành viên trong đại hội hoặc bằng các hình thức thông tin khác.

Tổ chức và hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ của HTX không giới hạn về địa giới hành chính: HTX được phép sản xuất kinh doanh, dịch vụ, vừa phục vụ nhu

cầu thành viên HTX, vừa đáp ứng nhu cầu thị trường bên ngoài, không giới hạn về địa giới hành chính. HTX phục vụ các thành viên của mình một cách hiệu quả và tăng cường phong trào HTX bằng cách hợp tác với nhau trên bình diện địa phương, vùng, quốc gia và quốc tế, theo chuyên ngành hoặc dưới hình thức hợp lực thành viên.

4.2.1.3. Phát triển HTX NN theo hướng đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ nhằm mục đích vừa đáp ứng các nhu cầu sản xuất và đời sống của thành viên vừa đáp ứng các nhu cầu nông sản thực phẩm cung cấp cho các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn huyện Yên Phong.

Xuất phát từ nhu cầu hợp tác của hộ thành viên và nhu cầu của thị trường để thành lập HTX NN. HTX thành lập trước hết là phục vụ nhu cầu của thành viên, sau đó là đáp ứng nhu cầu của thị trường để có lợi nhuận tăng tích lũy và bảo đảm HTX phát triển bền vững. Hoạt động của HTX không chỉ bó hẹp ở một ngành, một lĩnh vực hoặc bó hẹp trong một địa giới hành chính nhất định. Từ đó đòi hỏi HTX NN vừa bảo đảm các dịch vụ thiết yếu cho các hộ thành viên HTX và hộ nông dân trên địa bàn, vừa phải mở rộng các dịch vụ khác mà các hộ không làm được, hoặc các hộ làm được nhưng hiệu quả thấp.

4.2.1.4. Phát triển HTX NN trên cơ sở khai thác tiềm lực của từng thành viên là chủ yếu, chính sách hỗ trợ khuyến khích của nhà nước là động lực quan trọng.

HTX muốn tồn tại phát triển thì phải bảo đảm duy trì, phát triển các yếu tố nội tại của HTX, đó là: Đội ngũ cán bộ quản lý HTX, nguồn lực tài chính. Để khai thác các yếu tố này, ngay từ khi thành lập HTX cần thực hiện đa dạng hóa thành viên HTX nhằm thu hút mở rộng thành viên HTX là các hộ sản xuất kinh doanh giỏi là trang trại, là các HTX và doanh nghiệp. Để khai thác tiềm năng sẵn có về: kinh nghiệm kinh doanh của Giám đốc doanh nghiệp, chủ trang trại; về tiềm lực tài chính, về thị trường, về quản trị kinh doanh. Từ đó tạo ra sự liên kết giữa hộ thành viên HTX với chủ trang trại, với giám đốc doanh nghiệp ngay trong nội tại HTX, dưới sự quản lý chung của hội đồng quản trị HTX và sự chỉ đạo, điều hành của chủ tịch hội đồng quản trị và giám đốc HTX.

Mặt khác, HTX là một khu vực đang gặp rất nhiều khó khăn về vốn, cơ sở vật chất và hiệu quả kinh doanh. Do đó cần được hưởng các ưu đãi Nhà nước thông qua các chính sách riêng đối với HTX.

4.2.2. Phương hướng phát triển HTX NN

Phát triển số lượng các HTX dịch vụ kinh doanh tổng hợp tại các xã, thị trấn. Thành viên gia nhập HTX, không giới hạn bởi địa giới hành chính và mở rộng thành viên là các hộ sản xuất kinh doanh giỏi, các doanh nghiệp nhằm bảo đảm cho HTX có những nguồn lực về con người, tài chính ngay từ khi mới thành lập HTX. Hoạt động của HTX vừa thực hiện các dịch vụ công ích cho sản xuất vừa thực hiện các dịch vụ gắn với kinh doanh để phục vụ nhu cầu thành viên HTX, vừa đáp ứng nhu cầu thị trường trên địa bàn vùng và các khu công nghiệp của huyện Yên Phong và tỉnh Bắc Ninh.

Phát triển số lượng các HTX chuyên ngành theo từng loại ngành hàng nông sản thực phẩm theo đòi hỏi thị trường của khu công nghiệp Yên phong và nằm trong các vùng qui hoạch sản xuất nông nghiệp tập trung của huyện Yên Phong. Với các sản phẩm chủ yếu là: lúa chất lượng cao, khoai tây, rau xanh, thịt lợn, thịt gia cầm, trứng gia cầm và cá. HTX chuyên ngành được thành lập trên cơ sở tự nguyện của các hộ gia đình, các chủ trang trại, chủ thu gom chế biến, chủ thương lái.

Mở rộng qui mô HTX đối với loại hình HTX dịch vụ đơn thuần cả về số lượng lẫn chất lượng, theo hướng: hợp nhất các HTX qui mô thôn thành HTX qui mô xã và bảo đảm tổ chức, hoạt động theo luật hợp tác xã năm 2012 hoặc HTX qui mô thôn tự nguyện là thành viên của HTX mới trên địa bàn xã. Đồng thời nâng cao chất lượng các dịch vụ công ích và mở rộng hoạt động các dịch vụ gắn với kinh doanh.

Những HTX nông nghiệp có trên 60% diện tích đất nông nghiệp chuyển sang đất công nghiệp, cần rà soát điều chỉnh lại mục tiêu phát triển HTX, đó là: chuyển từ mục tiêu dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp sang dịch vụ theo nhu cầu của khu công nghiệp. Trước mắt, là thực hiện các dịch vụ phù hợp với điều kiện kinh tế của HTX như: dịch vụ cung ứng nông sản thực phẩm cho khu công nghiệp, dịch vụ phục vụ sinh hoạt của công nhân, dịch vụ thuê nhà ở, dịch vụ giữ trẻ. Đây là những nhu cầu cấp bách của khu công nghiệp Yên Phong hiện nay.

4.2.3. Mục tiêu phát triển HTX NN đến năm 2020

Căn cứ thực trạng và quan điểm, phương hướng phát triển HTX nông nghiệp giai đoạn 2015- 2020 của huyện Yên Phong. Để tạo bước đột phá về phát triển số

lượng và chất lượng HTX nông nghiệp, mục tiêu phát triển HTX nông nghiệp đến năm 2020 được thể hiện qua bảng 4.24.

Bảng 4.24. Mục tiêu phát triển HTX NN đến năm 2020

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2014	2015	2020
1	HTX DV kinh doanh tổng hợp	HTX	13	15	20
2	HTX chuyên ngành	HTX	10	13	25
3	Tỷ lệ cán bộ quản lý HTX qua đào tạo	%	15,6	20	60
4	Doanh thu bình quân HTX/năm	Tr.đ	430	500	1500
5	Thu nhập bình quân của lao động/tháng	1000đ	824	1000	3000
6	Tỷ lệ HTX đạt loại khá	%	12,5	15	70

Trong mục tiêu, chỉ tiêu HTX dịch vụ kinh doanh tổng hợp năm 2014 hiện có 13 HTX, đến năm 2015 đạt 15 HTX và đến năm 2020 đạt 20 HTX. Chỉ tiêu HTX chuyên ngành năm 2014 hiện có 10 HTX, đến năm 2015 đạt 13 HTX và đến năm 2020 đạt 25 HTX. Chỉ tiêu cán bộ quản lý HTX qua đào tạo chuyên môn nghiệp vụ được tính từ trình độ đào tạo sơ cấp trở nên năm 2014 hiện có 15,6%, đến năm 2015 đạt 20% và đến năm 2020 đạt 60%. Chỉ tiêu tỷ lệ HTX đạt loại khá năm 2014 hiện có 12,5%, đến năm 2015 đạt 15% và đến năm 2020 đạt 70% tổng số HTX NN.

4.2.4. Những giải pháp phát triển HTX NN.

Căn cứ chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước về phát triển HTX, Luật HTX năm 2012 và định hướng phát triển HTXNN của huyện Yên Phong đến năm 2020, chúng tôi đề xuất các nhóm giải pháp sau:

4.2.4.1. Nhóm giải pháp phát triển các yếu tố bên trong:

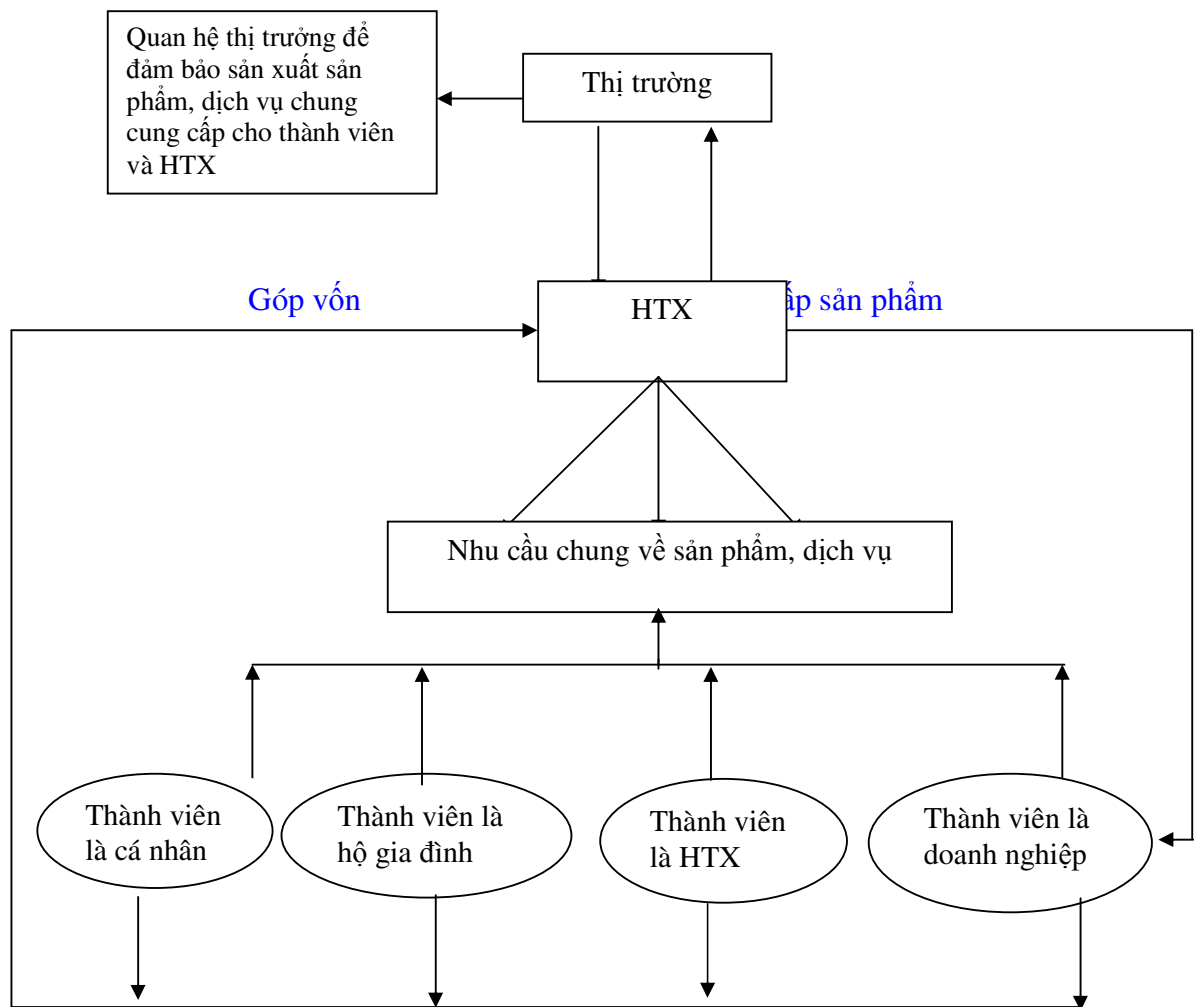
Tuyên truyền quán triệt nghị quyết, luật HTX và các chính sách hỗ trợ khuyến khích phát triển HTX.

Tiếp tục tuyên truyền quán triệt sâu sắc quan điểm đường lối của Đảng về vị trí vai trò của HTX, luật HTX và các văn bản hướng dẫn thi hành chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển HTX NN. Để cán bộ, Đảng viên, nhân dân hiểu biết bản chất của HTX NN là coi trọng lợi ích xã hội của thành viên, góp phần xóa đói giảm nghèo, phát triển cộng đồng. Đồng thời cần chú ý phát triển HTX NN phải dựa trên cơ sở đảm bảo quyền tự chủ của kinh tế hộ, kinh tế trang trại, hỗ trợ

đặc lực kinh tế hộ, kinh tế trang trại phát triển.

Bổ sung nội dung tuyên truyền về luật HTX các văn bản hướng dẫn thực hiện luật HTX, các chủ trương chính sách của đảng và nhà nước về đổi mới, phát triển HTX vào trong chương trình đào tạo, bồi dưỡng của trường chính trị Nguyễn Văn Cừ tỉnh Bắc Ninh và của các trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện, thị xã, thành phố. Đồng thời thông qua hệ thống truyền thanh từ tỉnh - huyện - xã để tuyên truyền về luật HTX, về vai trò của HTX nông nghiệp, về các mô hình HTX nông nghiệp hoạt động có hiệu quả.

Khuyến khích thành lập HTX NN theo mô hình HTX kiểu mới hoạt động theo Luật HTX năm 2012.



Sơ đồ 4.2- Mô hình HTXNN kiểu mới

Xuất phát từ nhu cầu của thành viên HTX, đó là: nhu cầu hợp tác của cá nhân, hộ gia đình, hộ trang trại, các HTX và các doanh nghiệp để thành lập HTX. Mặt khác căn cứ vào nhu cầu của thị trường để xây dựng chiến lược sản phẩm, dịch vụ của HTX nhằm vừa bảo đảm thỏa mãn nhu cầu hợp tác của thành viên vừa bảo đảm tăng lợi nhuận cho HTX (Bộ kế hoạch đầu tư - vụ HTX , 2/2007). Do vậy mô hình HTX kiểu mới phải được tổ chức và hoạt động theo luật HTX năm 2012, mô hình này thể hiện qua sơ đồ 4.2.

Căn cứ vào thực tế nhu cầu hợp tác của thành viên, điều kiện kinh tế xã hội của từng địa phương và nhu cầu của thị trường đòi hỏi, mà vận dụng xây dựng thành lập HTX theo các mô hình cụ thể sau:

- HTX chuyên ngành trồng trọt:

Thành viên: các hộ, trang trại, người có đất canh tác, các nhà cung cấp vật tư, bao tiêu chế biến sản phẩm.

Sản phẩm dịch vụ: cây trồng có giá trị cao, có tính cạnh tranh do đặc điểm theo lợi thế của địa phương.

Quy mô HTX: Không giới hạn địa giới hành chính. Về địa bàn sản xuất, cần tập trung liên vùng đất canh tác để áp dụng công nghệ cơ giới, đạt quy mô về sản phẩm.

Hình thức tổ chức kinh doanh: HTX vận động thành viên “đồn điền, đổi thửa”, thuê đất của thành viên; thành viên được trả tiền thuê đất ổn định theo năm, được trả công khi làm việc cho HTX. HTX làm dịch vụ cho các hộ canh tác. HTX sản xuất tập trung và hỗ trợ thành viên sản xuất và chế biến tiêu thụ sản phẩm.

Vốn: vốn góp của thành viên, vốn vay, vốn ứng trước, vốn từ các chương trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng, chương trình khuyến nông...

Công nghệ: sử dụng giống mới, kỹ thuật canh tác tiên tiến, giảm lao động trên diện tích canh tác, công nghệ bảo sau thu hoạch và tiêu thụ sản phẩm.

Thị trường: chủ yếu hướng vào phục vụ khu công nghiệp-đô thị và thị trường trong nước.

- HTX chuyên ngành chăn nuôi:

Thành viên: các hộ gia đình, các nhà cung cấp đầu vào và bao tiêu sản phẩm

ổn định.

Sản phẩm, dịch vụ: đầu vào, đầu ra của chăn nuôi.

Quy mô HTX: không giới hạn địa giới hành chính, có thể là xã, cụm, vùng dân cư.

Hình thức tổ chức kinh doanh: HTX làm dịch vụ đầu vào, đầu ra của chăn nuôi với chi phí thấp để thành viên giảm chi phí, giảm các công đoạn sản xuất riêng lẻ nhưng đạt tới lợi nhuận cao nhất trên đồng vốn đầu tư.

Vốn: vốn của thành viên, vốn ứng trước của nhà cung cấp đầu vào và bao tiêu đầu ra, vốn vay.

Công nghệ: áp dụng công nghệ hiện đại về giống, nguồn thức ăn, thú y và tự động hóa về quy trình chăn nuôi, cần chú trọng chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn an toàn, vệ sinh thực phẩm.

Thị trường: hướng vào phục vụ khu công nghiệp - đô thị và thị trường trong nước.

- HTX chuyên ngành thủy sản:

Thành viên: các hộ, chủ trang trại có mặt nước, có khả năng cải tạo đất trũng thành mặt nước nuôi thủy sản, các khách hàng mua bán ổn định

Sản phẩm: các sản phẩm thủy sản có giá trị cao ở trong và ngoài nước.

Quy mô HTX: Không giới hạn về địa giới hành chính, sản xuất theo diện tích mặt nước có khả năng liên kết hệ thống cấp thoát nước.

Hình thức tổ chức kinh doanh: HTX thuê mặt nước và sử dụng mặt nước của thành viên, thành viên được tiền thuê và tiền công lao động; HTX thuê ruộng trũng để chuyển đổi cơ cấu cây - con.

Vốn: vốn góp, vốn vay, vốn của chương trình khuyến ngư.

Công nghệ: giống mới, kỹ thuật nuôi trồng tiên tiến.

Thị trường: hướng vào phục vụ khu công nghiệp - đô thị và thị trường trong nước.

- HTX dịch vụ kinh doanh tổng hợp:

Thành viên: dân cư, các pháp nhân trên địa bàn, khách hàng ổn định.

Sản phẩm, dịch vụ: theo nhu cầu của thành viên và nhu cầu thị trường.

Quy mô HTX: không giới hạn về địa giới hành chính, có thể là một xã hoặc một vùng.

Hình thức tổ chức kinh doanh: HTX làm dịch vụ hỗ trợ thành viên sản xuất kinh doanh và đáp ứng nhu cầu đời sống.

Vốn: vốn góp của thành viên, vay, vốn ứng trước của thành viên, vốn ứng trước của các đơn vị bao tiêu sản phẩm.

Công nghệ: công nghệ tiên tiến ở một số khâu, công nghệ sử dụng nhiều lao động để làm dịch vụ như bán hàng, sửa chữa, tư vấn, hướng dẫn kỹ thuật, sử dụng sản phẩm...

Thị trường: hướng vào khu công nghiệp - đô thị và thị trường trong nước.

Đặc điểm của HTX dịch vụ kinh doanh tổng hợp là kinh doanh nhiều ngành nghề, lĩnh vực lấy lợi ích của ngành có lợi nhuận cao hỗ trợ ngành khác.

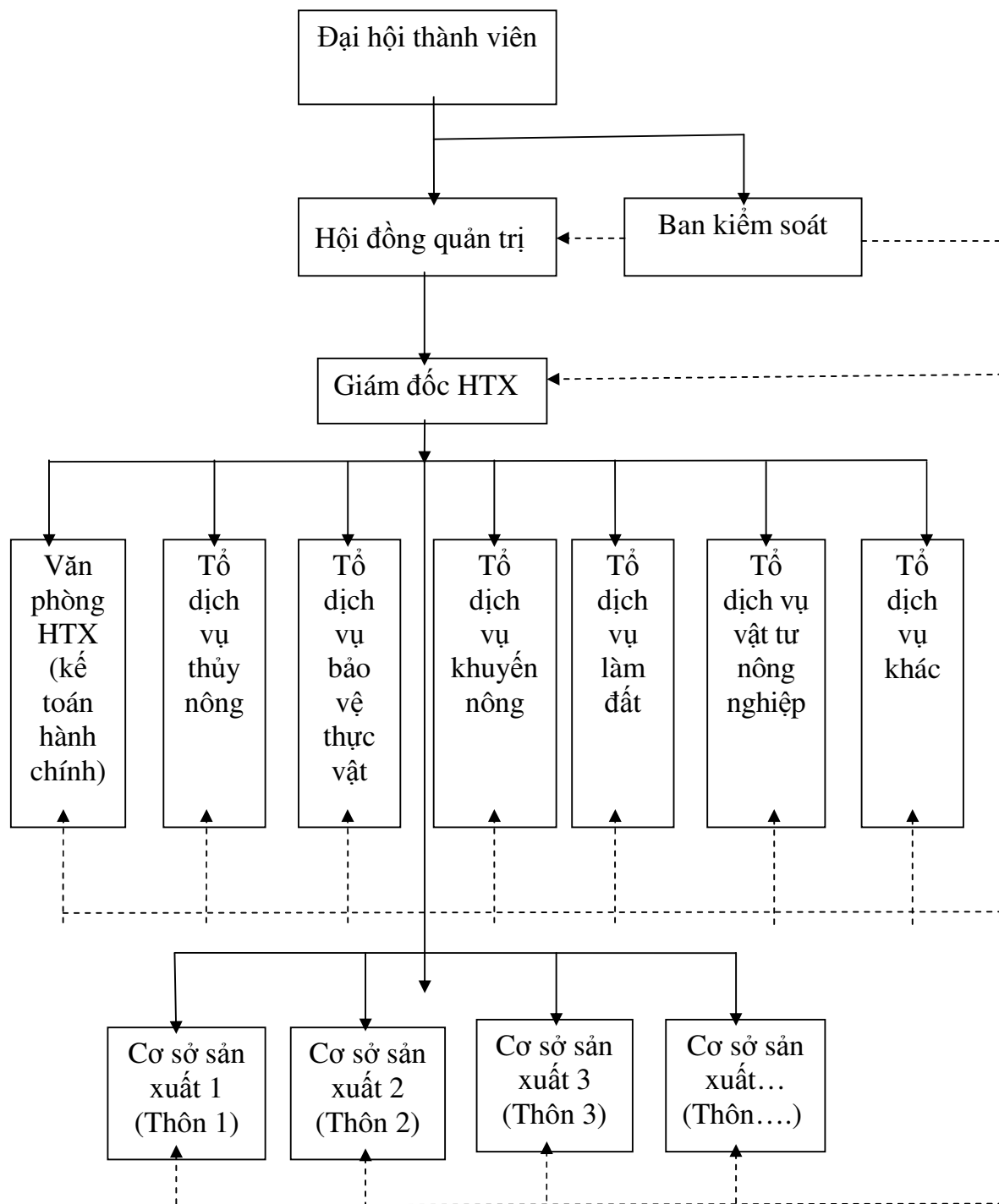
Tổ chức lại các HTX DV.NN quy mô thôn thành quy mô xã.

HTX dịch vụ nông nghiệp qui mô toàn xã được tổ chức theo mô hình tại sơ đồ 4.3. HTX dịch vụ nông nghiệp qui mô toàn xã có chức năng, nhiệm vụ vừa phục vụ sản xuất kinh doanh cho hộ thành viên HTX vừa phục vụ sản xuất kinh doanh cho các hộ nông dân không phải là thành viên HTX. Để thực hiện nhiệm vụ này HTX tổ chức các tổ dịch vụ như: tổ dịch vụ thủy nông, tổ dịch vụ bảo vệ thực vật, tổ dịch vụ khuyến nông, tổ dịch vụ làm đất, tổ dịch vụ cung ứng vật tư nông nghiệp, tổ dịch vụ tiêu thụ sản phẩm và các tổ dịch vụ khác. Các tổ dịch vụ sẽ phục vụ đến các hộ nằm trên địa bàn các thôn theo các hợp đồng dịch vụ đã ký kết giữa HTX với các hộ gia đình. Thực hiện mô hình này sẽ phân biệt rõ chức năng quản lý hành chính thôn của trưởng thôn với chức năng điều hành hoạt động kinh tế HTX của giám đốc HTX. Từ mô hình tổ chức HTX dịch vụ nông nghiệp qui mô xã theo sơ đồ 4.3,

căn cứ vào điều kiện thực tế ở địa phương, các HTX có thể lựa chọn các hình thức tổ chức phù hợp sau:

Hợp nhất các HTX DVNN quy mô thôn trên địa bàn 1 xã thành 1 HTX:

Đối với những xã có nhiều HTX dịch vụ nông nghiệp quy mô thôn đang hoạt động hiệu quả thấp nhưng chưa đến mức phải giải thể có thể lựa chọn hình thức hợp nhất để tổ chức lại HTX dịch vụ nông nghiệp quy mô toàn xã.



Ghi chú: —————> Thực hiện chức năng quản lý
 - - - - -> Thực hiện chức năng kiểm soát

Sơ đồ 4.3 - Mô hình tổ chức HTX dịch vụ nông nghiệp qui mô xã

Sáp nhập các HTX DVNN quy mô thôn trên địa bàn 1 xã vào 1 HTX:

Đối với những xã có nhiều HTX dịch vụ nông nghiệp quy mô thôn đang hoạt động hiệu quả thấp nhưng chưa đến mức phải giải thể mà trong đó có một HTX đang hoạt động có hiệu quả, các HTX khác có thể lựa chọn hình thức sáp nhập vào HTX đó để tổ chức thực hiện các dịch vụ sản xuất nông nghiệp cho các hộ nông dân của toàn xã.

Giải thể HTX DVNN hoạt động kém hiệu quả để thành lập mới HTX:

Đối với những xã các HTX DVNN quy mô thôn hoạt động không có hiệu quả nhiều năm hoặc đã ngừng hoạt động có thể lựa chọn hình thức giải thể để tổ chức lại HTX dịch vụ nông nghiệp quy mô toàn xã. Sau giải thể tiến hành tuyên truyền, vận động thành lập mới HTX dịch vụ nông nghiệp theo quy mô toàn xã.

Thành lập HTX mới quy mô xã, trên cơ sở HTX nông nghiệp quy mô thôn là thành viên HTX mới:

Tuyên truyền thành lập HTX xã mới có quy mô xã mà thành viên gia nhập HTX bao gồm: cá nhân, đại diện hộ gia đình, hộ trang trại và thành viên là HTX hiện có trên địa bàn xã. Trong đó các HTX quy mô thôn sẽ là thành viên của HTX mới và sẽ trở thành các cơ sở sản xuất của HTX mới. Đây là phương án dễ thực hiện, tránh được trở ngại lớn nhất hiện nay, đó là: sự cản trở và muốn duy trì HTX kiểu cũ của cán bộ HTX có quy mô thôn mà khi tiến hành hợp nhất, sáp nhập, giải thể HTX đều mắc phải. Phương án này đã được nhiều địa phương trong tỉnh Bắc Ninh áp dụng thực hiện trong chuyển đổi tổ chức lại HTX quy mô thôn thành HTX quy mô xã.

Phát huy nội lực, tạo sức mạnh tập thể từ nội tại HTX, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động theo luật HTX.

Trong thời gian tới, để các HTX NN phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động theo luật HTX, ngoài sự giúp đỡ của Nhà nước, bản thân từng HTX NN cần chủ động tập trung khắc phục những yếu kém, phát huy sức mạnh tập thể bằng chính nội lực của mình để phát triển lực lượng sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, trong quản lý nội bộ cũng như năng lực thích nghi, cạnh tranh khi hội nhập nhằm đưa công tác tổ chức quản lý HTX NN đi vào nề nếp, đúng luật, thúc đẩy phát triển kinh tế HTX

và kinh tế hộ. Những nhiệm vụ quan trọng mà bản thân các HTX NN cần ưu tiên tập trung giải quyết trong thời gian tới là:

Nhận thức đầy đủ về tài sản chung của HTX và huy động các nguồn vốn nhằm phát triển dịch vụ kinh doanh: Tài sản chung của HTX được hình thành và phát triển nhằm phục vụ nhu cầu chung về kinh tế, văn hóa và xã hội của các thành viên. Vì vậy trong suốt quá trình tham gia HTX, thành viên chỉ được sở hữu tư nhân phần vốn góp ban đầu của họ, còn tài sản hình thành từ hoạt động của HTX là tài sản chung không chia của HTX. Ngoài việc tích lũy vốn từ hiệu quả sản xuất, các HTX NN cần xây dựng phương án huy động thêm vốn. Tích cực tạo vốn, quản lý và sử dụng vốn có hiệu quả, huy động thêm vốn cổ phần của thành viên; vay ngân hàng, liên doanh liên kết, hình thành các liên hiệp HTX, các loại hình doanh nghiệp trực thuộc HTX NN để tăng cường sức cạnh tranh, tạo vốn phát triển sản xuất kinh doanh, dịch vụ.

Nâng cao chất lượng thành viên trong các HTX, vận động thành viên thực hiện luật HTX: Các HTX NN tiến hành phân loại thành viên theo các tiêu chí của luật HTX năm 2012. Tổ chức kiểm tra đối chiếu tiêu chuẩn thành viên của từng HTX, từ đó bổ sung quy định nhiệm vụ và quyền lợi thành viên trong điều lệ nhằm xây dựng thành viên HTX NN có tinh thần trách nhiệm với tập thể và tự nguyện hợp tác, đóng góp tạo sức mạnh tập thể để phát triển HTX NN.

Để phát huy quyền làm chủ của thành viên cùng với việc mở rộng dân chủ bàn bạc thảo luận, các HTX NN cần phân định rõ sở hữu tập thể với sở hữu thành viên trong HTX, trên cơ sở đó vấn đề quan trọng là cần có giải pháp tăng vốn góp của thành viên, vốn góp càng lớn thì sở hữu của thành viên trong HTX NN càng cao, sẽ tăng lợi ích mà HTX mang lại cho thành viên, để từ đó thành viên gắn bó, tăng trách nhiệm quản lý HTX NN. Đây là nhiệm vụ quan trọng cần được xử lý tốt sẽ tạo ra động lực thu hút các thành viên cùng nhau quan tâm xây dựng và quản lý HTX NN.

Để thực hiện vấn đề này cán bộ quản lý HTX NN cần tích cực tuyên truyền làm cho thành viên hiểu rõ ý nghĩa của vốn góp tối thiểu và vốn góp của từng thành viên vào HTX NN là bình đẳng. Vốn góp là phần sở hữu của thành viên trong HTX. Cần động viên thành viên tăng cường góp vốn cho HTX NN hoạt động, điều này là cơ sở

tăng trách nhiệm của thành viên. Đồng thời với việc tăng vốn góp cần giải thích cho thành viên hiểu được tài sản chung của HTX NN là thuộc sở hữu của HTX NN, của mọi thành viên trong HTX NN, là điều kiện vật chất quan trọng để tạo lợi ích cho thành viên trong từng năm và lâu dài. Tài sản chung phải được bảo tồn và phát triển, quản lý dân chủ để phục vụ lợi ích chung cho mỗi thành viên HTX.

Quy hoạch, chọn cử cán bộ, thành viên đi đào tạo, bồi dưỡng: Xây dựng phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật HTX NN phải do chính trách nhiệm của cán bộ, thành viên quyết định. Việc giới thiệu, chọn cử cán bộ tham gia công tác quản lý, điều hành HTX NN phải dân chủ, phải từ hoạt động thực tiễn để lựa chọn những người đã qua đào tạo, có năng lực, đạo đức.

Để thực hiện nhiệm vụ này, các HTX NN cần tập trung giải quyết những công việc sau:

Các HTX NN cần xây dựng kế hoạch quản lý lao động trong HTX bao gồm lao động quản lý, kỹ thuật, lao động trực tiếp thành viên hoặc lao động thuê mướn. Hàng năm lập kế hoạch, cử đi đào tạo, tiếp nhận sử dụng và phát triển nhằm đáp ứng kế hoạch sản xuất, kinh doanh và dịch vụ lâu dài của HTX NN.

HTX NN cũng mạnh dạn tiếp nhận, bố trí, sử dụng đội ngũ cán bộ quản lý và kỹ thuật các nơi khác tự nguyện hoặc được điều động về làm việc, hoặc thực hiện chế độ thuê giám đốc làm việc cho HTX NN.

Các HTX NN cần quan tâm củng cố đội ngũ cán bộ kế toán để làm tốt báo cáo tài chính hàng năm chính xác, kịp thời và hàng năm phải tiến hành kiểm toán nội bộ, dân chủ công khai. Kiểm toán HTX được xem là công cụ trợ giúp các HTX NN và là chìa khóa cho sự thành công của phát triển HTX NN. Làm tốt công tác kiểm toán sẽ giúp HTX NN thấy được các hoạt động của HTX có phù hợp với các quy định của pháp chế chưa, các báo cáo tài chính có khách quan, trung thực, hợp pháp chưa.

Tiếp tục hoàn thiện, nâng cao chất lượng hoạt động sản xuất kinh doanh phát huy tối đa các yếu tố sản xuất: Từng HTX NN phải sắp xếp tổ chức lại sản xuất theo hướng chuyên môn hóa kết hợp kinh doanh tổng hợp, đa ngành, phát huy các lợi thế của mình. Những dịch vụ mà HTX NN lâu nay đã làm cần củng cố theo

hướng hạ giá thành nâng cao chất lượng dịch vụ, đồng thời mở rộng các loại hình dịch vụ mà thành viên có nhu cầu. Để tạo thêm sức mạnh các HTX NN chủ động đẩy mạnh liên kết, liên doanh giữa các HTX với nhau và liên kết với các thành phần kinh tế khác, đặc biệt là các doanh nghiệp nông nghiệp. Khi các hoạt động kinh doanh có quy mô lớn thì HTX NN có thể thành lập doanh nghiệp trực thuộc HTX, đăng ký hoạt động theo luật doanh nghiệp.

4.2.4.2. Nhóm giải pháp phát triển các yếu tố bên ngoài

Thúc đẩy kinh tế hộ, kinh tế trang trại phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung quy mô lớn, tạo điều kiện hình thành các HTX chuyên ngành trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản.

Bài học kinh nghiệm từ thực tiễn phát triển HTX NN của các nước trên thế giới cho thấy HTX NN hình thành trên cơ sở phát triển của nền kinh tế kinh doanh nhỏ. Đồng thời HTX NN cũng hình thành trên cơ sở nhu cầu phát triển kinh doanh của các thành viên (Đặng Kim Sơn, 2006). Do đó, muốn hình thành HTX NN thì ít nhất phải có 2 điều kiện tiên đề:

Một là: có những đơn vị kinh tế kinh doanh nhỏ độc lập được luật pháp thừa nhận và có quyền liên doanh liên kết để nâng cao năng lực kinh doanh.

Hai là: các đơn vị kinh tế nhỏ phải phát triển kinh doanh đến mức độ nào đó, xuất hiện những nhu cầu liên kết, hợp tác với nhau để tạo nên sức mạnh, tăng khả năng cạnh tranh.

Kinh tế hộ, kinh tế trang trại gia đình phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa thì nhu cầu nhiều mặt hàng tăng lên như: giống cây, con; vật tư, thiết bị máy móc; công nghệ chế biến bảo quản; vốn đầu tư; vận chuyển, bán hàng; thông tin kinh tế, thị trường tiêu thụ sản phẩm,... Những vấn đề này sẽ tạo môi trường, điều kiện cho HTX NN phát triển phong phú đa dạng. Loại hình và quy mô dịch vụ của HTX NN cũng sẽ phát triển tạo ra giá trị dịch vụ của HTX NN tăng hơn.

Hiện nay trên địa bàn huyện Yên Phong có tổng số hộ gia đình là: 39.110 hộ, trong đó hộ thành thị: 10.168 hộ chiếm 26% và hộ nông thôn: 28.942 hộ chiếm 74% tổng số hộ. Về số trang trại, theo thông tư số 27/2011/TT.BNNPTNT ngày 13/4/2011 của Bộ NN và PTNT, hiện có: 18 trang trại.

Xuất phát từ đặc thù của huyện Yên Phong, kinh tế hộ và trang trại được phát triển theo hướng: phát triển đa dạng hóa các loại hình kinh doanh theo hướng tập trung hóa, chuyên môn hóa. Trọng tâm là phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm, nuôi trồng thủy sản, VAC kết hợp, tạo ra sản phẩm hàng hóa với chất lượng và giá trị kinh tế cao. Để phát triển kinh tế hộ và trang trại ở Yên Phong cần thực hiện các biện pháp sau:

Thứ nhất: hoàn thiện qui hoạch đất đai

Các xã, thị trấn cần rà soát lại qui hoạch đất đai, xây dựng bổ sung quy hoạch đất, theo hướng hình thành các vùng sản xuất nông sản hàng hóa tập trung như: vùng rau, vùng hoa, vùng lúa, vùng chăn nuôi lợn, vùng chăn nuôi gia cầm, vùng nuôi thả cá... trên cơ sở quy hoạch các địa phương tuyên truyền, vận động nông dân tiến hành đổi ruộng, chuyển đổi, chuyển nhượng ruộng đất cho nhau, phù hợp với năng lực sản xuất của từng hộ theo vùng đã quy hoạch, gắn với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Thứ hai: cần có sự hỗ trợ nguồn vốn ngân sách cho việc phát triển kinh tế hộ và trang trại

Vốn ngân sách hỗ trợ tập trung vào xây dựng các công trình hạ tầng như thủy lợi, giao thông, điện... các công trình này được Nhà nước đầu tư là chủ yếu, tùy từng trường hợp có thể áp dụng phương châm Nhà nước và dân cùng làm.

Các tổ chức tín dụng cần thực hiện cơ chế cho vay theo dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, thời hạn cho vay phù hợp theo chu kỳ sản xuất kinh doanh của từng loại cây trồng, vật nuôi.

Thứ ba: nâng cao trình độ quản lý sản xuất kinh doanh và trình độ khoa học kỹ thuật cho chủ hộ và chủ trang trại.

Đào tạo bằng nhiều hình thức (mở lớp tại địa phương, tham quan, chuyển giao kỹ thuật...) với sự phối hợp của các cơ sở chuyên ngành đào tạo ở trung ương và địa phương của các tổ chức quần chúng và tổ chức khuyến nông. Trong đó tổ chức khuyến nông có vai trò quan trọng trong việc bồi dưỡng kiến thức về các nội dung: kiến thức quản lý kinh doanh, thông tin về kinh tế thị trường, các biện pháp nâng cao chất lượng sản phẩm, các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới, kiến thức về xây

dựng nông thôn và bảo vệ môi trường sinh thái...tham quan học hỏi các mô hình sản xuất và các hộ làm ăn giỏi.

Tăng cường liên doanh, liên kết giữa HTXNN với doanh nghiệp.

HTX cần phát huy vai trò cầu nối kinh tế hộ với các doanh nghiệp và thị trường; tiếp nhận sự hỗ trợ của Nhà nước; đồng thời, giúp các doanh nghiệp mở rộng phạm vi hoạt động phục vụ hộ nông dân trên cơ sở hai bên cùng có lợi theo hình thức liên kết, liên doanh, đại lý, uỷ thác cung ứng vật tư sản xuất, chuyển giao tiến bộ khoa học - kỹ thuật mới, cung cấp thông tin và bao tiêu sản phẩm(Bộ Lao động thương binh và xã hội, 2014).

Các công ty thủy nông, Trung tâm khuyến nông, Chi cục Bảo vệ thực vật, Chi cục Thú y giúp các HTX bồi dưỡng, tập huấn kỹ thuật và hướng dẫn HTX tổ chức dịch vụ lĩnh vực mình đảm nhiệm đạt hiệu quả cao; tạo điều kiện để HTX tham gia các chương trình, dự án khuyến nông, khuyến công.

Nâng cao vai trò của nhà nước đối với HTX NN.

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò các tổ chức đoàn thể trong phát triển HTXNN: Các cấp ủy Đảng, chính quyền xác định rõ trách nhiệm trong chỉ đạo, phát triển kinh tế tập thể là một nhiệm vụ trọng tâm. Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra và thực hiện các đề án, kế hoạch, các chương trình về kinh tế tập thể trên địa bàn. Tổ chức quán triệt, phổ biến Nghị quyết của Trung ương, chỉ đạo của Tỉnh ủy Bắc Ninh và huyện ủy Yên Phong trong Đảng và quần chúng nhân dân nhằm tạo sự đồng thuận về nhận thức đúng đắn bản chất, vị trí, vai trò của HTX.

Tiến hành rà soát lại toàn bộ HTX hiện có , kiểm tra và sơ kết tập trung tháo gỡ khó khăn cho HTX về cơ chế chính sách, nguồn vốn. Tiếp tục củng cố, kiện toàn, nâng cao năng lực bộ máy cán bộ. Các đoàn thể nhân dân phát huy và làm tốt hơn nữa công tác vận động, giáo dục quần chúng, hội viên tự nguyện tham gia phát triển HTX.

Một số chính sách hỗ trợ HTX NN.

Ngoài chính sách hỗ trợ của chính phủ, tỉnh Bắc Ninh cần ban hành các chính sách đặc thù hỗ trợ HTX nông nghiệp, giai đoạn 2015 -2020 như sau:

Hỗ trợ trụ sở làm việc và các trang thiết bị làm việc ban đầu: các HTX dịch vụ nông nghiệp qui mô xã được chuyển đổi từ HTX qui mô thôn và các HTX thành

lập mới, được ủy ban nhân dân xã cho mượn một số diện tích trụ sở làm việc của ủy ban nhân dân xã để là trụ sở và nơi giao dịch cho HTX. Đồng thời hỗ trợ kinh phí mua sắm trang thiết bị làm việc như: bàn, ghế, tủ đựng tài liệu, máy vi tính với tổng kinh phí hỗ trợ từ 200 -250 triệu đồng/HTX.

Chính sách đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực: hỗ trợ 50% kinh phí đào tạo cho Chủ tịch hội đồng quản trị, Giám đốc, Trưởng Kiểm soát HTX ; hỗ trợ 100% kinh phí bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ cho hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Kế toán, cán bộ kỹ thuật và thành viên HTX theo kế hoạch hàng năm.

Chính sách xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường: hỗ trợ 100% tiền thuê gian hàng tham gia hội chợ, triển lãm trong nước dành riêng cho khu vực HTX và 70% kinh phí xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa; 100% xây dựng và triển khai cổng thông tin điện tử, sàn giao dịch thương mại điện tử cho HTX. Hỗ trợ các HTX nông nghiệp tham dự các hội nghị xúc tiến thương mại giữa các HTX nông nghiệp của Bắc Ninh với các HTX nông nghiệp và doanh nghiệp của các tỉnh trong vùng đồng bằng sông hồng nhằm thực hiện liên kết sản xuất, thu gom, chế biến, tiêu thụ sản phẩm và mở rộng các loại hình dịch vụ khác.

Chính sách hỗ trợ ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ: Quỹ phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Bắc Ninh, hàng năm dành một phần kinh phí ưu tiên khuyến khích các HTX đổi mới ứng dụng công nghệ mới, tập trung vào các sản phẩm cây con có chất lượng cao, bảo quản, chế biến sau thu hoạch, vệ sinh môi trường.

Ngân sách tỉnh hỗ trợ cho HTX nông nghiệp xây dựng kho lạnh để bảo quản giống và bảo quản nông sản, thực phẩm cung cấp cho các doanh nghiệp tại khu công nghiệp Yên Phong và các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh; hỗ trợ các HTX mua máy cày công suất lớn, máy gặt đập liên hợp để thực hiện chương trình cơ giới hóa nông nghiệp; Hỗ trợ các HTX nông nghiệp trong vùng nuôi thủy sản về hệ thống giao thông nội đồng, đường điện, hệ thống kênh dẫn và tiêu thoát nước. Hỗ trợ các HTX chăn nuôi tại vùng chăn nuôi tập trung về đường giao thông nội vùng, đường điện và hệ thống xử lý môi trường; Hỗ trợ các HTX nông nghiệp thực hiện dịch vụ vệ sinh môi trường nông thôn về xe đẩy, xe chuyên dụng chở rác và xây dựng bãi thu gom rác thải.

Chính sách tín dụng: ngân sách tỉnh tiếp tục bổ sung vốn điều lệ cho quỹ hỗ trợ phát triển HTX tỉnh. Hiện tại là 15 tỷ, sang năm 2015 vốn điều lệ là: 30 tỷ và đến năm 2020 là 50 tỷ. Ưu tiên cho HTX nông nghiệp vay với mức lãi tiền vay thực hiện theo lãi suất tiền vay của ngân hàng chính sách xã hội, hiện tại là 7,2%/năm. Nhằm hỗ trợ HTX nông nghiệp mở rộng sản xuất kinh doanh, đầu tư đổi mới công nghệ thực hiện liên kết với các doanh nghiệp tạo ra chuỗi giá trị theo từng ngành hàng nông sản, thực phẩm.

5. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

5. 1. Kết luận

Qua việc nghiên cứu phát triển HTX nông nghiệp ở huyện Yên Phong giai đoạn 2004 -2014, chúng tôi rút ra kết luận sau:

Một là: trong lịch sử phát triển kinh tế xã hội của các nước trên thế giới nói chung và Việt nam nói riêng, quá trình phát triển HTX nông nghiệp đã trải qua nhiều giai đoạn thăng trầm nhưng luôn có vai trò lịch sử quan trọng trong từng thời kỳ. HTX tạo ra động lực kép, mạnh mẽ để tạo đột phá phát triển của nông nghiệp Việt Nam hiện nay, vì nó vừa duy trì sự quan tâm nỗ lực, sáng tạo cao nhất của tầng lớp nông dân vì họ vẫn là người chủ đầy đủ hoạt động sản xuất nông nghiệp, đồng thời các hộ nông dân được sự hỗ trợ rất hiệu quả của HTX nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, tiếp nhận tối đa các hỗ trợ của Nhà nước, phát huy mạnh mẽ các liên kết với doanh nghiệp và đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của hội nhập quốc tế về thương mại. HTX đã góp phần quan trọng trong việc thực hiện an sinh xã hội nông thôn như giải quyết việc làm, tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo, ổn định trật tự xã hội nông thôn.

Hai là: Qua lý luận và thực tiễn HTX nông nghiệp ở một số nước trên thế giới, cũng như một số tỉnh, thành phố trong nước. Đã khẳng định HTX được thành lập và phát triển theo nhu cầu dịch vụ, sản xuất kinh doanh của thành viên và nhu cầu sản phẩm hàng hóa của thị trường. HTX phát triển theo các loại hình khác nhau như HTX dịch vụ kinh doanh đơn thuần, HTX dịch vụ kinh doanh tổng hợp, HTX chuyên ngành theo từng loại sản phẩm nông nghiệp. Mặc dù ở loại hình nào nhưng mục tiêu hoạt động chung của HTX đều là: đáp ứng nhu cầu sản phẩm hàng hóa, dịch vụ cho thành viên, tạo công ăn việc làm cho thành viên và tăng thu nhập thông qua phân phối lợi nhuận của HTX. Cũng từ lý luận và thực tiễn thực tiễn, đã chỉ ra rằng: HTX muốn tồn tại và phát triển, trước hết HTX phải khai thác có hiệu quả các yếu tố tác động bên trong HTX, mà yếu tố quan trọng đó là nguồn nhân lực và nguồn tài chính hiện có trong HTX. Đồng thời cần có sự hỗ trợ tích cực hiệu quả từ tác động của các yếu tố bên ngoài, mà đặc biệt quan trọng là cơ chế, chính sách hỗ

trợ khuyến khích phát triển HTX của nhà nước, trong bối cảnh hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế.

Ba là: HTX nông nghiệp ở huyện Yên Phong đã phát triển về số lượng, hiện có 82 HTX, trong đó 100% số thôn đều có HTX dịch vụ nông nghiệp. Trong quá trình phát triển HTX, đã xuất hiện một số mô hình HTX dịch vụ nông nghiệp và HTX chuyên ngành trồng trọt, chăn nuôi hoạt động có hiệu quả, hỗ trợ thúc đẩy kinh tế hộ thành viên phát triển có thu nhập cao. Đây là những mô hình sẽ được triển khai nhân rộng trong giai đoạn 2015-2020.

Bốn là: HTX nông nghiệp Yên Phong còn bộc lộ những hạn chế cần giải quyết, đó là: HTX có qui mô nhỏ, tổ chức và hoạt động của HTX bị giới hạn theo qui mô thôn; Phần lớn HTX hiện nay có năng lực nội tại yếu, cán bộ quản lý HTX vừa có độ tuổi cao, vừa chưa qua đào tạo. Trình độ năng lực tổ chức điều hành HTX còn yếu, thành viên chưa quan tâm góp vốn, tham gia quản lý HTX; Hoạt động HTX nông nghiệp mới thực hiện ở các khâu dịch vụ cần thiết phục vụ sản xuất của hộ nông dân, dẫn đến doanh thu và lợi nhuận của HTX hàng năm còn thấp, không có khả năng tái đầu tư, tăng tích lũy cho HTX; Bộ máy quản lý nhà nước đối với HTX nông nghiệp của tỉnh Bắc Ninh và của huyện Yên Phong chưa được củng cố đủ mạnh để làm tốt chức năng quản lý nhà nước về HTX, nhất là việc hướng dẫn tháo gỡ khó khăn giúp các HTX nông nghiệp phát triển; Cơ chế chính sách hỗ trợ của nhà nước đối với HTX còn hạn chế.

Năm là: Hộ gia đình trên địa bàn nông thôn cơ bản đều có nhu cầu cần có HTX để cung cấp hàng hóa dịch vụ giúp họ tiếp tục sản xuất nông nghiệp thông qua các dịch vụ thích yếu của HTX. Theo nhu cầu của thành viên mục tiêu hoạt động của HTX giai đoạn 2015-2020 là: đáp ứng nhu cầu sản phẩm hàng hóa dịch vụ cho thành viên; Tạo việc làm cho thành viên và tạo lợi nhuận để phân phối lại cho thành viên.

Sáu là: để giải quyết những tồn tại trên nhằm phát triển HTX bền vững và đáp ứng nhu cầu của thành viên, trong giai đoạn 2015 – 2020 cần tập trung tổ chức thực hiện đồng bộ các nhóm giải pháp sau:

Nhóm giải pháp phát triển các yếu tố bên trong: tuyên truyền, giáo dục để nâng cao nhận thức cho cán bộ và người lao động về quan điểm, mục tiêu, phát

triển HTX nông nghiệp trong nền kinh tế thị trường và xu hướng hội nhập quốc tế; Khuyến khích thành lập HTX NN theo mô hình HTX kiểu mới, xuất phát từ nhu cầu của thành viên; Tổ chức lại các HTX DV NN quy mô thôn thành quy mô xã. HTX dịch vụ nông nghiệp quy mô toàn xã có chức năng, nhiệm vụ vừa phục vụ sản xuất kinh doanh cho hộ thành viên HTX vừa phục vụ sản xuất kinh doanh cho các hộ nông dân; Tiếp tục hoàn thiện, nâng cao chất lượng hoạt động sản xuất kinh doanh phát huy tối đa các yếu tố sản xuất.

Nhóm giải pháp phát triển các yếu tố bên ngoài: thúc đẩy kinh tế hộ, kinh tế trang trại gia đình phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa tập chung quy mô lớn, tạo điều kiện thúc đẩy hình thành các HTX chuyên ngành; Phát triển liên doanh liên kết trong khu vực nội bộ HTX và liên kết với doanh nghiệp. Nâng cao vai trò quản lý của nhà nước đối với phát triển HTX nông nghiệp, xây dựng chính sách đặc thù hỗ trợ HTX nông nghiệp.

5.2 Kiến nghị

5.2.1. Đối với tỉnh Bắc Ninh

Trong kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm giai đoạn 2015 -2020 của tỉnh Bắc Ninh cần xây dựng các chỉ tiêu, nhiệm vụ về phát triển HTX. Từ đó làm cơ sở cho các huyện, thị xây dựng kế hoạch 5 năm về phát triển HTX nông nghiệp trên địa bàn.

Xây dựng chính sách đặc thù của Bắc Ninh hỗ trợ cho HTX nông nghiệp. Trước mắt là ưu tiên các HTX dịch vụ nông nghiệp sau khi đã chuyển đổi theo luật HTX 2012 có quy mô toàn xã và các HTX chuyên ngành.

5.2.2. Đối với huyện Yên Phong

Hàng năm tổ chức gặp mặt trao đổi, đối thoại giữa HTX với lãnh đạo huyện và các ngành để kịp thời tháo gỡ khó khăn cho HTX. Đồng thời tăng cường kiểm soát việc thực hiện chính sách hỗ trợ của tỉnh Bắc Ninh cho HTX.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa IX (2002), hội nghị lần thứ năm Nghị quyết số 13- NQ/TW ngày 18 tháng 3 năm 2002 về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể.
2. Bộ kế hoạch đầu tư - vụ HTX (2/2007) Bản chất HTX, kinh nghiệm quốc tế và khả năng vận dụng ở Việt Nam; Hà Nội.
3. Bộ kế hoạch đầu tư (2/2007) Bản chất HTX, kinh nghiệm quốc tế và khả năng vận dụng ở Việt Nam.
4. Bộ Lao động thương binh và xã hội, Giải pháp chính sách cán bộ và đào tạo nguồn nhân lực của khu vực kinh tế tập thể. Tại Hội thảo khoa học Đổi mới phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong tiến trình tái cơ cấu nền kinh tế của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn - Ban Kinh tế Trung ương - Ủy ban Trung ương mặt trận tổ quốc Việt Nam - Bộ kế hoạch và đầu tư, Hà Nội ngày 27 tháng 12 năm 2014.
5. Bộ nông nghiệp và PTNT (2001) Một số vấn đề về công nghiệp hóa - Hiện đại hóa trong phát triển nông nghiệp và kinh tế nông nghiệp thời kỳ 2001 - 2020. Nhà xuất bản Nông nghiệp Hà nội; trang 113 - 114.
6. Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn (2005) báo cáo sơ kết ba năm thực hiện nghị quyết số 13/NQ.TW Ban chấp hành trung ương Đảng lần thứ 5 (khóa IX) về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong lĩnh vực nông nghiệp; Hà Nội.
7. Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn (3/2013) đề án đổi mới phát triển HTX và các hình thức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp.
8. Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (2007) - Cơ sở cho phát triển nông thôn theo vùng ở Việt Nam.
9. Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam -Dự án VIE/98/004/B/01/99 (2003) nghiên cứu nhu cầu hộ nông dân, NXB Thống kê Hà Nội.
10. Bộ tài chính (2010) thông tư số 24/2010/TT.BTC ngày 23 tháng 2 năm 2010 hướng dẫn kế toán áp dụng cho HTX nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và nghề muối.
11. Đào Xuân Cầm (2012) - Phong trào HTX một số nước trên thế giới và Việt Nam, nhà xuất bản Thông tin và truyền thông.
12. Đào Xuân Cầm (2012) Hợp tác xã xây dựng thế giới tốt đẹp hơn; Nhà xuất bản chính trị Quốc gia Hà Nội; trang 95- 96.
13. Cục thống kê Bắc Ninh (2012) Thực trạng doanh nghiệp tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2005 - 2010
14. Cục thống kê Bắc Ninh niên giám Thống kê Bắc Ninh năm 2013.
15. Nguyễn Mạnh Cường , Cơ sở lý luận và thực tiễn về kinh tế tập thể, hợp tác xã ở Việt Nam. Tại Hội thảo khoa học Đổi mới phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong tiến trình tái cơ cấu nền kinh tế của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn - Ban Kinh tế Trung ương - Ủy ban Trung ương mặt trận tổ quốc Việt Nam - Bộ kế hoạch và đầu tư, Hà Nội ngày 27 tháng 12 năm 2014.

16. Kim Quốc Chính, Vai trò của hợp tác xã trong việc phân chia lại chuỗi giá trị. Tại Hội thảo khoa học Đổi mới phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong tiến trình tái cơ cấu nền kinh tế của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn -Ban Kinh tế Trung ương - Ủy ban Trung ương mặt trận tổ quốc Việt Nam - Bộ kế hoạch và đầu tư, Hà Nội ngày 27 tháng 12 năm 2014.
17. Phạm Minh Chính, Kết quả và kinh nghiệm phát triển hợp tác xã gắn với tái cơ cấu nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng ở địa phương. Tại Hội thảo khoa học Đổi mới phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong tiến trình tái cơ cấu nền kinh tế của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn - Ban Kinh tế Trung ương - Ủy ban Trung ương mặt trận tổ quốc Việt Nam - Bộ kế hoạch và đầu tư, Hà Nội ngày 27 tháng 12 năm 2014.
18. Chính phủ (2005) Nghị định số 88/2005/NĐ.CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 về một số chính sách hỗ trợ khuyến khích phát triển HTX.
19. Nguyễn Văn Giàu (2012) Sự phát triển của HTX và vai trò của HTX đối với an sinh xã hội; nhà xuất bản tri thức.
20. Lưu Đức Khải, Cơ sở lý luận và thực tiễn về kinh tế tập thể, hợp tác xã ở Việt Nam. Tại Hội thảo khoa học Đổi mới phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong tiến trình tái cơ cấu nền kinh tế của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn - Ban Kinh tế Trung ương - Ủy ban Trung ương mặt trận tổ quốc Việt Nam - Bộ kế hoạch và đầu tư, Hà Nội ngày 27 tháng 12 năm 2014.
21. Liên đoàn HTX Raiffeisen Cộng hòa liên bang Đức (2014) Kinh tế HTX tiếp tục thành công trong tương lai; trang 16 - 19.
22. Liên minh HTX tỉnh Bắc Ninh (2012) Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện nghị quyết số 13/NQTW hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành trung ương đảng khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể.
23. Liên minh HTX Việt Nam (2005) - Những HTX điển hình tiên tiến trong thời kỳ đổi mới; NXB Đại học sư phạm.
24. Liên minh HTX Việt Nam (2010) - Báo cáo tham luận đại hội đại biểu toàn quốc Liên minh HTX Việt Nam lần thứ IV.
25. Liên minh HTX Việt Nam (2012) Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện nghị quyết số 13/NQTW hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành trung ương đảng khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể.
26. Liên minh HTX Việt Nam (8/2010) Báo cáo tổng kết tình hình khu vực HTX và kết quả hoạt động của LM.HTX Việt Nam trong nhiệm kỳ III. Mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ IV (2010 - 2015); Hà Nội.
27. Luật HTX năm 2003
28. Luật HTX năm 2012
29. Nghĩa Lê Hữu Nghĩa -Tạ Ngọc Tấn (2008) Tư tưởng Hồ Chí Minh về HTX; Nhà xuất bản chính trị Quốc gia Hà Nội; trang 121 - 122.
30. Lê Huy Ngọ , Xây dựng nông thôn mới bền vững phải kết nối với xây dựng và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất mới. Tại Hội thảo khoa học Đổi mới phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong tiến trình tái cơ cấu nền kinh tế của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn - Ban Kinh tế Trung ương - Ủy ban Trung ương mặt trận tổ quốc Việt Nam - Bộ kế hoạch và đầu tư, Hà Nội ngày 27

tháng 12 năm 2014.

31. Nguyễn Thiện Nhân, HTX kiểu mới giải pháp đột phá phát triển nông nghiệp Việt Nam. Báo nhân dân số 21722 ra ngày 16/3 (thứ 2) và số 21723 ra ngày 17/3/2015 (thứ 3).
32. Cao Đức Phát , Đổi mới phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế hợp tác trong tiến trình tái cơ cấu và phát triển ngành nông nghiệp. Tại Hội thảo khoa học Đổi mới phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong tiến trình tái cơ cấu nền kinh tế của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn - Ban Kinh tế Trung ương - Ủy ban Trung ương mặt trận tổ quốc Việt Nam - Bộ kế hoạch và đầu tư, Hà Nội ngày 27 tháng 12 năm 2014.
33. Chu Tiến Quang, Lê Xuân Quỳnh, Tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế hợp tác và HTX ở Việt Nam.
34. Nguyễn Văn Quý, Chủ trương, đường lối của Đảng về phát triển kinh tế tập thể. Tại Hội thảo khoa học Đổi mới phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong tiến trình tái cơ cấu nền kinh tế của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn - Ban Kinh tế Trung ương - Ủy ban Trung ương mặt trận tổ quốc Việt Nam - Bộ kế hoạch và đầu tư, Hà Nội ngày 27 tháng 12 năm 2014.
35. Đặng Kim Sơn (2006) Nông nghiệp nông thôn Việt Nam 20 năm đổi mới và phát triển; Nhà xuất bản chính trị Quốc gia, trang 89 - 90.
36. Nguyễn Minh Tú (2011) Mô hình tổ chức HTX kiểu mới - góp phần xây dựng xã hội hợp tác, đoàn kết, cùng chia sẻ sự thịnh vượng và quản lý một cách dân chủ, Nhà xuất bản khoa học và kỹ thuật Hà Nội.
37. Ngô Thị Thuận (2005) Phát triển năng lực tập huấn trong nông nghiệp nông thôn; Nhà xuất bản nông nghiệp Hà Nội; trang 29 - 31.
38. Ủy ban nhân dân huyện Yên Phong (2013) Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2013 và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2014.
39. Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh (2010) Đề án phát triển kinh tế tập thể tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2010 - 2015.
40. Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên (2014) Đề án củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động HTX nông nghiệp giai đoạn 2014 - 2020.
41. Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình (2014) Đề án củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động HTX nông nghiệp giai đoạn 2014 - 2020.
42. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (2013) Đề án tổ chức lại các HTX dịch vụ nông nghiệp qui mô thôn thành HTX qui mô toàn xã.
43. Bùi Quang Vinh , Quá trình hoàn thiện khung khổ pháp lý về kinh tế tập thể, hợp tác xã và kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, hợp tác xã hiện nay. Tại Hội thảo khoa học Đổi mới phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong tiến trình tái cơ cấu nền kinh tế của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn - Ban Kinh tế Trung ương - Ủy ban Trung ương mặt trận tổ quốc Việt Nam - Bộ kế hoạch và đầu tư, Hà Nội ngày 27 tháng 12 năm 2014.

